



TẠP-SAN VĂN-CHƯƠNG TỰ-TUỞNG NGHỆ-THUẬT
NĂM THỨ TƯ • SỐ 80 • RA NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1967

TUONG NIEM HO BIÊU CHANH :

- 3. hồ biểu chính (1885-1958)
- 25. nhớ hồ biểu chính
- 28. nhập mộng và tỉnh mộng
- 37. biến cố và chiếc cầu hồ biểu chính
- 43. nghĩ về hồ biểu chính
- 49. ghi nhận về hồ biểu chính
- 55. từ đó đến nay
- 68. hồ biểu chính : nhà văn bạch thoại miền nam
- 74. một nhà văn viết rất siêng năng

thanh lãng
 thiếu sơn
 hồ hữu-tường
 bình-nguyên lộc
 sơn-nam
 huỳnh phan-onh
 dương nghiêm mậu
 đông-hồ
 đông-hồ

● **TÀI LIỆU VỀ HỒ BIÊU CHANH :**

- 2. thủ bút của hồ biểu chính
- 17. thơ hồ biểu chính (di cáo)
- 19. tác phẩm của hồ biểu chính (thư mục)

● **SÁNG TÁC VÀ MỤC THƯỜNG-XUYEN :**

- 82. cảm hứng (thơ)
- 83. phỏng văn carmen barbera
- 99. con sâu (truyện dài)
- 105. sa đọa (truyện kể)
- 112. chuyện giải buồn
- 120. mục lục sách báo đã xuất bản

trần tuấn-kiệt
 trần thiện-đạo
 dương nghiêm mậu
 a. comus — trần thiện-đạo dịch
 mở làng văn
 văn



Tòa-soạn và Trị-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Đ.T. : 23.595

Tạp-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

- Chi-phiếu, bưu-phiếu đề tên ông Nguyễn-đình Vương (chủ-nhiệm)
- ★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm đề tên ó. Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)
- Giao - thiệp trực - tiếp ó. Gia - Tuấn (phụ - tá thư - ký tòa - soạn)
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN. Quản-lý : Nguyễn-đình Vương



TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TUỞNG NGHỆ-THUẬT
NĂM THỨ TƯ • SỐ 80 • RA NGÀY 15 THÁNG 4 NĂM 1967

TUỞNG NIỆM HỒ BIỂU CHÁNH :

- 3. hồ biểu chánh (1885-1958)
- 25. nhớ hồ biểu chánh
- 28. nhập mộng và tỉnh mộng
- 37. biến cố và chiếc cầu hồ biểu chánh
- 49. nghĩ về hồ biểu chánh
- 49. ghi nhận về hồ biểu chánh
- 55. từ đó đến nay
- 68. hồ biểu chánh : nhà văn bậc nhất miền nam
- 74. một nhà văn viết rất siêng năng

thanh lãng
thiếu sơn
hồ hữu-tường
bình-nguyên lộc
sơn-nam
huỳnh phan-onh
dương nghiêm mậu
đông-hồ
đông-hồ

TÀI LIỆC VỀ HỒ BIỂU CHÁNH :

- 2. thủ bút của hồ biểu chánh
- 17. thơ hồ biểu chánh (di cảo)
- 19. tác phẩm của hồ biểu chánh (thư mục)

SÁNG TÁC VÀ MỤC THƯỜNG-XUYỀN :

- 82. cảm hứng (thơ)
- 83. phỏng văn carmen barbera
- 99. con sâu (truyện dài)
- 105. sa đọa (truyện kể)
- 112. chuyện giải buồn
- 120. mục lục sách báo đã xuất bản

trần tuần-kiệt
trần thiện-đạo
dương nghiêm mậu
a. comus — trần thiện-đạo dịch
mở lòng văn
văn



Tòa-soạn và Trị-sự : 38, Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn. Đ.T. : 23.595

Tập-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

- Chi-phiếu, bưu-phiếu để tên ông Nguyễn-đình Vượng (chủ-nhiệm)
- ★ Thư-từ, bản-thảo, ấn-phẩm để tên ó. Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)
- Giao - thiệp trực - tiếp ó. Gia - Tuấn (phụ - tá thư - ký tòa - soạn)
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN. Quản-lý : Nguyễn-đình Vượng

thanh danh toại. Ba chắc chắn như vậy,
chắc hẳn hẳn chỉ thì phải nên danh, hẳn
thẳng ngay đi sẽ được cao quý:

Con việc con nói có người trao tâm
nuôi làm mai để giúp cho con có đời bạn,
vừa đó khiến cho bà hôm nay phải suy nghĩ
nhiều. Con đã trọng tuổi rồi. Con là thì
gia lại có bệnh, phải thì hiện thời bu má
chỉ con có số tiền hiện tại để nuôi sống
mà thôi, cho không thì trông mong
hỏi. Lợi nào khác nữa

Vậy về việc trăm năm của con, cũng
như của Di. Khiến, ba đi cho con thông thạo
ơn liêu tính. Ba chỉ với con càng
sự nghiệp của ba đi lại cho các con hiểu
thời chỉ có một tấm giường thẳng ngay vào
trong sách mà thôi. Ba ước mong các con
nói theo ^{tâm} giường ấy mà lập thân. Theo con
mặt của đời này... thì tấm giường ấy
đường như mặt giá. Nhưng nếu con ngó
xa ra một chút, thì con sẽ thấy phải giữ
đúng việc. Có mà ở vùng Lữ, con tạo tức
lặng im. Đừng song vui. về

Vậy rồi bạn trăm năm con nên
cẩn. Chỉ ở nghĩ. nhân Tạo-tức hơn các

thanh-lăng

hồ biểu chánh
(1885-1958)

HỒ BIỂU CHÁNH LÀ MỘT NHÀ VĂN KỶ CỰU nhất của làng văn Việt-Nam. Đời của ông đã nhiều ít trải qua tất cả mọi biến chính quan hệ nhất của lịch sử Việt-Nam. Chính năm kinh thành Huế thất thủ là năm ông ra đời (1885) rồi từ đó hết biến chính này đến biến chính khác của thời kỳ thực dân chiếm đóng Việt-Nam. Ông được chứng kiến cuộc đảo chính Nhật, cuộc cướp chính quyền của Việt-Minh ; cuộc chiến tranh tàn sát giữa Pháp và kháng chiến, cuộc tàn sát giữa quốc gia và cộng sản, cuộc chia đôi đất nước do Hiệp định Genève, việc dân Bắc ào ạt di cư vào Nam lật đổ chánh thể quân chủ để thiết lập chế độ Cộng-hòa. Như vậy, Hồ Biểu Chánh đã sống lợp qua cả chiều dài và chiều rộng như lịch sử chiến đấu của dân tộc Việt-Nam.

TIỂU SỬ.

THỜI NIÊN THIẾU.

Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, sinh ngày 1 tháng 10 năm 1885, tại làng Bình-thành, tỉnh Gò-công. Theo lời của Hồ văn Kỳ-Trân, con trưởng của ông, thì Hồ Biểu Chánh vốn sinh trưởng trong một gia đình nghèo, nhưng nội tổ hồi trước đứng lập làng nên có bảng vị Tiên-hiền thờ trong đình thần, và thân phụ được

tham dự trong Ban Hội Tế Hương-chánh lần lên tới chức hương chủ và chánh bái.' (1)

Mãi năm lên tám, Hồ Biểu Chánh mới học vỡ lòng chữ nho tại trường làng. Năm ông lên mười hai, cha mẹ ông rời quán về Chợ Giồng ông Huế, lúc đó mới cho ông đi học quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tổng Vinh-lợi, rồi sau lại cho xuống học tại trường tỉnh Gò-công. Nơi đây, ông được cấp học bổng để lên học trường Trung học Chasseloup-Laubat ở Sài-gòn. Cuối năm 1905, ông thi đậu bằng Thành-chung (Diplôme de fin d'études).

ĐỜI CÔNG CHỨC.

Năm 1906, là năm được hai mươi một tuổi, ông thi đỗ Ký-lục Soái-phủ Nam-kỳ và từ đó cho tới 1945, ông liên li sống cái đời bình thường của một công chức, đi từ ký lục lên tới Đốc-phủ-sứ. Từ 1906-1912, tổng sự tại dinh Hiệp-lý; từ 1912-1913, tổng sự tại Bạc-liêu, Cà-mau; năm 1914, tổng sự tại Long-xuyên; năm 1919 tại Gia-định. Năm 1920, làm tại Văn-phòng Thống-đốc Nam-kỳ; cuối năm 1921, thi đậu tri huyện; năm 1927, được thăng tri phủ quận Càng-long (Trà-vinh); năm 1932, chủ quận Ô-môn (Cần-thơ) năm 1934, dời đi Phụng-hiệp; năm 1935, về Sài-gòn lãnh chức Phó Chủ-sự phòng Ba, kiểm soát ngân sách các tỉnh và thành phố. Năm 1936, thăng Đốc Phủ-sứ. Đến nửa năm 1936, tính ra đời công chức đã được gần ba mươi năm, ông đệ đơn xin về hưu trí. Ông được chính phủ Pháp cho hồi hưu kể từ đầu tháng giêng 1937, nhưng vì chưa có người thay thế, nên ông phải ở tại chức cho đến năm 1941 mới được thôi. Nhưng chỉ được tự do được ít bữa, vì mùng 4 tháng 8 năm 1941, Pháp lại cử ông làm nghị viên Hội-dồng Liên-bang Đông Dương rồi hai mươi sáu tháng đó lại kiêm cả nghị viên thành phố Sài-gòn với chức Phó Đốc-ly. Cuối năm 1941, Sài-gòn và Chợ-lớn được sáp nhập làm một, ông lại phải làm nghị viên trong Ban Quản trị Sài-gòn — Chợ-lớn cho đến năm 1945. Năm 1946, khi Nguyễn-văn-Thịnh làm Thủ-tướng Nam-Kỳ-quốc, có mời Hồ Biểu Chánh làm cố vấn.

(1) Trích Nhật-báo Tự-do số ra ngày 6-11-1958.

ĐỜI HƯU TRÍ.

Từ năm 1946, Hồ Biểu Chánh về hưu tại Gò-công là chốn cố hương. Qua ba mươi lăm năm làm công chức, ông đã được những huy chương sau đây :

- Khuê bài danh dự bằng bạc (28-12-1920)
- Kim Tiền (6-4-1921)
- Monisaraphon (26-8-1924)
- Ordre Royal du Dragon de l'Annam (25-3-1927)
- Ordre Royal du Cambodge (22-9-1927)
- Chevalier de la Légion d'Honneur (9-8-1941)

Ngày mồng 4 tháng 11 năm 1953, Hồ Biểu Chánh chết tại biệt thự Biều-Chánh (Phú-nhuận) hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

ĐỜI VIẾT VĂN.

Thực chưa có nhà văn nào sống trùm lợp tất cả lịch sử văn học mới Việt-Nam như nhà văn Hồ Biểu Chánh. Theo phương pháp mới, chúng tôi đã chia văn học mới Việt-Nam thành năm thế hệ :

- Thế hệ 1862 (1862-1913) : văn học đối kháng.
- Thế hệ 1913 (1913-1932) : văn học cấp tiến.
- Thế hệ 1945 (1945-1954) : văn học kháng chiến.
- Thế hệ 1954 (1954 - ?) : văn học Nam Bắc phân tranh.

Như ta đã thấy và sẽ thấy sau này, những biến cố quan trọng, quyết liệt khai mạc và bế mạc các thế hệ văn học và đánh dấu riêng biệt cho từng thế hệ một. Ít ai có một đời sống bao trùm cả năm thế hệ văn học như Hồ Biểu Chánh.

THUỘC THẾ HỆ 1862 (1862-1913).

Những năm cuối thế hệ 1862, nghĩa là vào khoảng 1906-1913, Hồ Biểu Chánh lúc này còn trẻ, nhưng cũng đã sớm tập sự viết văn.

dịch của Tàu. Hồ Biểu Chánh thấy mình cần phải học chữ nho, cho nên nhờ một người bạn dạy dùm. Kịp khi đọc được chữ nho, ông liền chọn những truyện hay trong bộ *Tình Sử* hay bộ *Kim Cổ Kỳ Quan* đem dịch ra quốc văn nhan đề là *Tân Soạn Cổ Tích*. Nhưng dịch thì dịch mà Hồ Biểu Chánh thấy người mình đọc truyện dịch của Tàu không bổ ích là bao nhiêu cho nên ngay từ đầu ông đã mơ tưởng viết truyện Việt cho người Việt đọc. Trước hết ông viết một truyện dài theo thể sáu tám nhan đề là *U Tình Lục*. Hồi này, Trần Chánh Chiêu cho xuất bản cuốn *Hoàng Tố Oanh Hàm Oán* là một cuốn tiểu thuyết tình mà vai truyện toàn là người Lục-tĩnh. Đọc truyện đó, Hồ Biểu Chánh thấy viết truyện bằng văn xuôi dễ cảm người đọc hơn là văn vần, cho nên ông tập viết những truyện văn mô phỏng truyện của Tây gửi đăng ở mấy tờ báo. Chính trong thời kỳ này, Hồ Biểu Chánh viết ra hai cuốn tiểu thuyết dài : cuốn *Ai Làm Được* năm 1912, và cuốn *Chùa Tàu Kim Qui*, năm 1913. Ở cuối hai cuốn đó, ta đọc mấy chữ như :

Tự thảo sáng, Cà-Mau 1912

Tự nhuận sắc, Sài-gòn 1922

Ngày nay chúng ta chỉ có trong tay những bản đã nhuận sắc năm 1922. Như vậy, những tài liệu về hoạt động văn nghệ của Hồ Biểu Chánh trước năm 1913, quả thật là hiếm hoi. Mặc dầu chưa đủ tài liệu để phác họa bộ mặt của Hồ Biểu Chánh của Thế hệ 1862 (1862-1913), ta cũng đoán được đây là một thời kỳ tập sự của nhà văn họ Hồ. Tên của Hồ Biểu Chánh bị lút bên cạnh những danh sĩ danh văn như Nguyễn-Khuyến, Tú-Xương, Phan Chu Trinh, Hoàng Cao Khải...

THUỘC THẾ HỆ 1913 (1913-1932)

Qua thời kỳ tập sự ở những năm cuối thế hệ 1862, Hồ Biểu Chánh bắt đầu trưởng thành ngay từ đầu thế hệ 1913. Ngay từ hồi này, sức làm việc tinh thần của Hồ Biểu Chánh xem ra đã phong phú lắm rồi. Theo chỗ con ông thuật lại, thì từ 1913-1932, Hồ Biểu Chánh đã cho xuất bản cả thảy mười tám cuốn tiểu thuyết. Trong số đó ta có thể kể đến : *Ai làm được* (1922), *Chùa Tàu Kim Qui*

(1922). *Vì nghĩa vì tình* (1929), *Cha con nghĩa nặng* (1929), *Khóc thầm* (1930), *Con nhà giầu* (1931), *Chút phận linh đình* (1931)...

THUỘC THẾ HỆ 1932 (1932-1945)

Trong thời kỳ này, Hồ Biểu Chánh viết được bốn tuồng hát bội, ba tuồng cải lương và hai mươi ba cuốn tiểu thuyết. Ngoài ra ông còn làm giám đốc tờ báo ĐẠI VIỆT TẠP CHÍ và NAM KỲ TUẦN BÁO.

THUỘC THẾ HỆ 1945 (1945-1954)

Từ 1945, Hồ Biểu Chánh tản cư trốn 9 năm ở Gò-công, viết thêm được gần hai mươi cuốn tiểu thuyết nữa. Cũng trong thời kỳ này ông đề tâm nghiên cứu văn học, luân lý, tôn giáo.

THUỘC THẾ HỆ 1954 (1954 — ?)

Từ sau 1954, Hồ Biểu Chánh không cho in tiểu thuyết mới mà chỉ gửi truyện đăng trong các báo Tiếng-Chuông, Sài-gòn Mới. Trong thời kỳ này, ông viết thêm được bốn, năm truyện mới, một ít tập ký ức và ít nhiều bài khảo cứu về lịch sử, về tôn giáo.

HỒ BIỂU CHÁNH CỦA THẾ HỆ 1913 (1913-1932)

Trong bài này chúng tôi chỉ khảo sát các tác phẩm của ông ra đời trong khoảng từ 1913 đến năm 1932 và xác định vai trò của ông trong giai đoạn xây dựng văn học mới này. Nhưng trước khi phác họa từng chi tiết bộ mặt của Hồ Biểu Chánh của thế hệ 1913, chúng ta cần nhận định ngay điều này: đối với Hồ Biểu Chánh, dù ở thế hệ nào mặc lòng, chẳng kỳ thuộc thế hệ 1862, hay thế hệ 1913, hay thế hệ 1932, hay thế hệ 1945, hay thế hệ 1954, ông vẫn giữ hầu y nguyên một bộ mặt; điều thứ hai ta cần nhận định là nhà văn họ Hồ hầu như đứng ở ngoài hẳn các trào lưu tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật: khuynh hướng đối kháng thuận hay nghịch của thế hệ 1862, nhất là về những năm 1905-1912 không có tiếng vang ở nơi ông; phong trào lãng mạn vượt bậc theo kiểu Tuyệt Hồng Lệ Sử hay Tổ Tâm của thế hệ 1913 hầu như không vang vọng gì trong sự nghiệp của ông; chủ trương phá phách rầm rộ theo kiểu Đoàn Tuyệt của thế hệ 1932 hầu như ông không biết tới; những sát khí có tính cách tuyên truyền

viết giúp cho mấy tờ báo như Quốc-Dân diễu-dàn, Công-luận báo, Đông-Pháp thời-báo. Nhưng sau đó, vì báo bị kiểm duyệt quá gắt gao, Hồ Biểu Chánh tạm ngừng hoạt động báo chí. Ông đề tâm suy nghĩ và lợi dụng khai thác những kinh nghiệm của mấy năm qua, sửa chữa những sách đã viết và xây dựng thêm nhiều cốt truyện mới. Ông nhuận sắc lại hai cuốn tiểu thuyết viết năm 1912 và 1913, tức là hai cuốn *Ai Làm Được*, *Chúa Tầu Kim Qui*, và cho xuất bản năm 1922. Rồi từ đó Hồ Biểu Chánh sáng tác liên miên. Cho đến 1932, tổng số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh lên tới mười tám cuốn.

Tiếc rằng, trong lúc viết tập phê bình này, chúng tôi không có trong tay tất cả các sách của ông ra đời từ 1913-1932. Chúng tôi phải tạm thời dựa vào một mớ tài liệu ít ỏi là các cuốn sau đây : *Ai Làm Được* : (1922). *Chúa Tầu Kim Qui* (1922) *Vì Nghĩa Vì Tình* (1929), *Cha Con Nghĩa Nặng* (1929), *Khóc Thầm* (1930), *Con Nhà Giàu* (1931), *Chút Phận Linh Đình* (1931).

1. AI LÀM ĐƯỢC

Chúng tôi tiếc rằng không có trong tay bản in năm 1912 của cuốn *Ai Làm Được* mà chỉ có bản đã nhuận sắc năm 1922 cho nên không phê phán được sự khác biệt giữa hai lần in cách nhau mười năm (1912 và 1922).

Ai Làm Được là câu truyện của một cô gái con một vị quan phủ, cô Bạch Tuyết nuôi chí báo thù cho mẹ. Ông Phủ có hai vợ : Vợ cả là mẹ Bạch-Tuyết bị người vợ lẽ âm mưu bỏ thuốc độc cho chết. Nhờ một người lão bộc thân tín, Bạch-Tuyết, tới mười hai tuổi mới biết chính người dì ghẻ đã giết mẹ nàng. Từ đấy, về phía nàng thì âm thầm tìm mưu cơ để trả thù cho mẹ, còn người dì ghẻ thì lại hết sức chiều chuộng Bạch-Tuyết cốt để đoạt cái gia tài kếch xù mà Bạch-Tuyết sẽ được thừa kế của ông ngoại nàng. Nhờ vào mưu tính mà nhất là nhờ vào ông ngoại và người chồng cưới trái ý mẹ ghẻ, Bạch-Tuyết đã thoát chết và đem nội vụ ra ánh sáng để trả thù được cho mẹ : bà phủ hai bị tù đầy.

Câu truyện này có nhiều chỗ mô phỏng giống cuốn *André Cornelis* của P. Bourget. *André Cornelis* lên chín tuổi thì được biết cha

minh đã bị ám sát mà thủ phạm lại chính là cha giương. Sau nhiều suy nghĩ và tìm tòi, André Coraelis đã đi đến chỗ bắt cha giương, phải thú nhận tội lỗi và đền tội một cách xứng đáng.

2. CHÚA TÀU KIM QUI

Thủ Nghĩa là vai chính của truyện này. Vì bảo vệ danh tiết cho em gái, Thủ Nghĩa đã thương một tay cường hào. Tên này đút tiền cho quan trên vu cáo Thủ Nghĩa theo đạo Gia-Tô, cho nên chàng bị án chung thân. Trong lúc giam ở trong ngục, Thủ Nghĩa gặp một chú khách. Hai bên trở nên thân thiết và trước khi chết, chú khách có chỉ cho Thủ Nghĩa biết kho vàng bạc châu báu giấu ở đảo Kim Qui. Sau này, thoát được ngục, Thủ Nghĩa tìm ra đảo Kim Qui, làm chủ cái kho vàng to tát kia. Chàng cải trang làm khách túc đóng tàu đi buôn bán qua các cửa biển từ Thái-Lan qua Hương-Cảng và Trung-Hoa. Từ đó chàng lấy tên là Chúa Tàu Kim Qui kết cục chàng đã tiêu được án cũ, báo oán cho những tên bắt nạt và trả ơn cho những người đã làm ơn cho chàng.

Truyện này phỏng theo truyện Monte - Cristo của Alexandre Dumas Đại Ủy Dantes, là vai chính của truyện Monte-Cristo. Bị tình nghi là có liên lạc với địch, chàng bị bắt và bị tống ngục. Chàng bị giam mười lăm năm. Chàng cũng bị giam với một linh mục kỳ dị. Vì linh mục này, trước khi chết, tỏ cho Dantes biết cái kho báu giấu ở núi Monte-Cristo. Lập mưu tự tráo trở với xác chết của vị linh mục, chàng thoát được ngục, tìm đến đảo Monte Cristo làm chủ cả một kho tàng vĩ đại. Từ đó chàng trở nên triệu phú và tự nhận tên là Monte-Cristo. Nhờ thế chàng báo oán được tất cả các thù địch cũ và gia ân cho các bạn bè.

3. VỊ NGHĨA VỊ TÌNH

Lý Chánh Tâm và Thái Cầm Văn lấy nhau sinh được một đứa con trai đặt tên là Lý Chánh Hội. Thằng Hội sinh được mấy tháng thì Lý Chánh Tâm đi du học Pháp, để vợ con ở nhà với bà nội. Chánh Tâm có người em gái lấy phải người chồng không ra làm sao, cho nên sau này đâm ngoại tình với một người bạn trai của Thái Cầm

Vân. Hai bên hay thư từ cho nhau. Nhưng các thư từ của tình nhân gửi đến thì nàng lại xin đề Thái Cầm Vân đề Thái Cầm Văn trao cho nàng. Sống âm muội như vậy trong bốn năm và sinh được một đứa con với người tình. Lý Tổ Nga — tên người đàn bà tội lỗi kia — đâm ra hối hận rồi tự tử chết. Giữa lúc đó thì Lý Chánh Tâm ở bên Pháp về, chàng bắt gặp cái thư có đề tên Thái Cầm Vân mà trong thư đôi tình nhân lại nói đến đứa con ngoại tình của nhau. Vì sự hiểu lầm đó, Lý Chánh Tâm tưởng thằng con lên bốn tuổi của chàng là con ngoại tình nên chàng đánh vợ gằn chết rồi đưa con cho một đứa kẻ trộm vào nhà ban đêm. Thế là từ đấy, đứa con bị ngò oan của chàng phải sống một cuộc đời phiêu lưu, trôi giạt, khổ sở, vợ chàng đâm ra điên dại, còn chàng thì bơ vơ mất hồn. Nhờ có bạn giác ngộ cho, hai vợ chồng dần dần làm lành và đi tìm được con về.

4. CHA CON NGHĨA NẶNG

Trần Sửu là một nông dân đơn sơ chất phác lấy thị Lưu làm vợ sinh được thằng Tý và con Quyên. Nhưng Trần Sửu thật thà bao nhiêu thì thị Lưu gian dâm bấy nhiêu. Được người ta bảo dích xác là vợ thông gian, Trần Sửu gây gỗ với vợ và vô ý xô vợ ngã chết. Sợ bị truy tố, Trần Sửu trốn mất và ai cũng tưởng chàng đã chết trôi sông. Trong suốt mười mấy năm trời thằng Tý và con Quyên được một nhà giàu nuôi làm con nuôi và đang sắp gầy dựng gả bán cho chúng vào nơi quyền quý giàu sang. Giữa lúc ấy thì Trần Văn Sửu vì nhớ con quá phải lần về thăm con. Hai đứa con được gặp cha sung sướng, không những không sự liên lụy mà còn cứu cha cho khỏi án cũ để cha con đoàn tụ vui vẻ.

5. CHÚT PHẬN LINH ĐÌNH

Lê Hiền Vinh và Đoàn Thu Vân đi du học xa nhà, nhân quen biết nhau rồi yêu nhau kết quả là Thu-Vân thất thân với Hiền Vinh. Để cứu vãn danh dự, Hiền Vinh cưới Thu Vân làm vợ, trái ý cha. Vì thế chàng bị cha tử. Để chuộc tội với cha, hai vợ chồng bàn tính với nhau và Thu Vân đề cho chồng đi du học Pháp để lập sự nghiệp. Tàu chở Hiền Vinh qua Pháp bị tàu Đức đánh đắm và báo

đưa tin tất cả hành khách bị tử nạn hết. Thu vân buồn phiền, bỏ Hà-nội vào Nam Định đem trả cháu cho ông nội chúng rồi tự tử chết theo chồng. Nhưng trên con đường Hà-nội vào Nam mấy mẹ con nàng trôi giạt gian nan không sao tả hết. Nhưng nhờ sự kiên nhẫn, hai mẹ con nàng gặp được ông nội và được ông nội tha thứ quên lỗi xưa, đồng thời lại gặp cả đứa con lưu lạc từ mười mấy năm trước. Đang lúc mẹ con, ông cháu vui mừng thì Hiền Vinh mà mọi người tin đã chết đắm tàu năm xưa, đột ngột trở về trong cùng một lúc. Thế là cả nhà lại sum họp vui vẻ.

Phê bình về Hồ Biểu Chánh. trước tiên ta cần ngay có hai nhận định sau đây : cùng với phần đông văn nghệ sĩ của thế hệ, ông đã đem nhiều cái mới vào cho thế hệ để làm cho nó có một bộ mặt riêng biệt khác những thế hệ khác, nhưng những cái mới ấy đều là những đặc tính chung cho hầu hết mọi văn sĩ thuộc thế hệ này ; ngoài ra, cùng với một vài mầm non, Hồ Biểu Chánh đã có nhiều sáng kiến khác biệt với thế hệ đương thời và báo trước sự chớm nở trong bóng tối một thế hệ mới.

VỀ ĐỀ TÀI

Khác hẳn các tiểu thuyết cổ điển, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh không còn ưa đặt những vấn đề tài mệnh tương đối, hiếu tình xung đột nữa. Như phần đông các văn gia thuộc thế hệ này. Hồ Biểu Chánh ưa xây dựng những truyện có nhiều tính cách phiêu lưu, động đậy, nhiều tình tiết đau đớn lãng mạn, nhiều cảnh chết chóc thương tâm, nhiều bài đạo đức luân lý khô khan.

Cả năm truyện chúng ta vừa lược thuật trên đây đều minh chứng điều đó. Cả năm truyện đều dãi dào tình tiết phiêu lưu : trong *Ai Lâm Được*, Bạch Tuyết là một thân gái mà đã từng cương quyết ra đi, phiêu giạt để cố tự xây dựng sự nghiệp còn Chí Đại, người yêu của nàng thì đã từng trôi giạt suốt qua Thái-Bình-dương và Ấn-Độ, dương đề mò vàng, *Chùa Tầu Kim Qui*, thì tính cách phiêu lưu càng rõ rệt : Thủ Nghĩa hết phiêu lưu trên đất, vào gông ra cùm, lần lút qua hết các tỉnh miền Nam, rồi lại lên đĩnh dọc theo duyên hải Thái-Bình-dương từ Thái-Lan qua Trung-Hoa ; trong *Chết Phận*

Linh Đình thì trong lúc chồng đi du học Pháp bị đắm tàu lênh đênh lưu lạc: qua nước người mười mấy năm trường, nàng Thu Vân ở nhà cũng lưu lạc, khổ sở gian truân suốt từ Hà-nội cho đến Trà-vinh, Sa-đéc; Trong *Vì Nghĩa Vì Tình*, không những cha mẹ chúng lênh đênh, mà đến hai trẻ như thằng Hồi và thằng Qui cũng trôi giạt và say sưa mạo hiểm. Đã có lần thằng Hồi, đưa trẻ mười hai tuổi bảo bạn nó: “Nhứt trình họ biểu phải đi du lịch đặng mở trí khôn. May nhớ hôn?” (1). Trong *Cha con Nghĩa nặng*, vì trốn tránh tòa án, Trần Văn Sửu đã phiêu giạt hơn mười năm trời. Phiêu lưu, bởi vậy, là đặc tính chung của các cốt truyện thể hệ này. Ảnh hưởng do các tiểu thuyết của Pháp. Đặc tính thứ hai của tiểu thuyết thời kỳ này là tính cách đau đớn, lằng mằng, nhất là nhiều cảnh chết chóc thương tâm. Trong *Ai Làm Được*, trong *Chúa Tàu Kim-Qui*, cũng như trong *Chút Phận Linh-Đình* hay *Vì Nghĩa Vì Tình*, các nhân vật đều chỉ xuất hiện ra đề rồi thì nhau mà chết những cách thể thảm.

Sau hết cùng một truyền thống chung với các nhà viết truyện thể hệ này, Hồ Biểu Chánh cũng đề cho chủ trương luân lý đạo đức chi phối cốt truyện rất mạnh. Có điều đạo lý theo các truyện cổ điển có tính cách cao kỳ, lý tưởng, dành riêng cho một thiểu số trường giả, còn cái luân lý, đạo đức trong xã hội Hồ Biểu Chánh là cái luân lý, đạo đức thực tiễn, cụ thể của cả một tầng lớp nhân dân.

Nhưng ngoài những cái mới chung cho cả thể hệ. Hồ Biểu Chánh đã bắt đầu đề lộ khá rõ rệt những mầm non báo trước sự thành hình âm thầm của thể hệ sau (1932-1945). Thực vậy, đề tài các truyện của ông nghiêng về thể hệ sau nhiều lắm. Các tiểu thuyết đi trước hay đương thời với Hồ Biểu Chánh, tuy đã mới ở chỗ không mô tả những nhân vật lịch sử xa vời trong khung cảnh chết, không màu sắc: Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn,... đã biết đem lên sân khấu những người đương thời với những màu sắc quen thuộc. Nhưng nó vẫn còn giống tiểu thuyết cũ ở chỗ chuyên tả những hạng người nếu không cao quý trường giả, thì cũng là một lớp người đang được xã hội đương thời kính trọng, thêm muốn: giai cấp tiểu công chức. Hồ Biểu Chánh đã bước thêm một bước. Ông không

(1) Hồ Biểu Chánh, *Chút Phận Linh Đình*, tr. 210.

thích người phương phố. Ông quay về đồng ruộng quan sát và phân tích tâm lý của một lớp người còn đang sống ngoài lề rìa của nền văn minh mới, chưa biết đến những phát minh mới lạ của khoa học, chưa bị cám dỗ, lôi hút bởi cái đời xa hoa nơi thị thành, nhất là còn ít kinh nghiệm đối với cái đời tình cảm rạo rức như các vai truyện của Hoàng Ngọc Phách, của Tương Phố. Vai truyện của Hồ Biểu Chánh là những người như bác tá điền Trần Văn Sửu trong *Cha Con Nghĩa Nặng*. Cái mới thứ hai mà Hồ Biểu Chánh đem vào tiểu thuyết là tính cách hoàn toàn bình dân: bình dân từ tâm tính các nhân vật cho đến khung cảnh trường sở của câu chuyện. Văn minh mới đang làm mất dần đi cái cuộc sống êm đềm, lặng lẽ của đồng quê, tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là một bức truyền thần ghi lại bộ mặt của một thời.

Một yếu tố mới khác được Hồ Biểu Chánh yêu mến là lòng ham ra đi, đi trên mặt biển. Hầu như truyện nào của ông cũng nhiều ít có những cuộc vượt biển. Đó là một hoạt động mới hoàn toàn đối với các nhân vật tiểu thuyết Việt-Nam. Phải chăng Hồ Biểu Chánh muốn báo cho người nước mình biết phải ra đi, ra đi mà doanh thương, cạnh tranh với người Tàu...

Ngoài ra, qua sự nghiệp của Hồ Biểu Chánh, một hình thức sống mới được thấy phác họa: cái cuộc sống đen tối, bấp bênh, chui rúc của công nhân. Với những nét tuy chưa đậm đà lắm, nhưng cũng đã thấm thía, nhiều khía cạnh của cuộc đời cái giai cấp mới phát sinh ra do cuộc sống kỹ nghệ tập trung tại các đô thị. *Chút Phận Linh Đình*, *Chùa Tàu Kim Qui*, *Ai Làm Được...* đều đã hé cho ta thấy tình cảnh đau đớn của cái giai cấp làm thân phận loài chuột, chui rúc trong các ngõ hẻm ẩm ướt, chật hẹp, thối tha, thiếu vệ sinh.

Nhưng cái mới nhất mà Hồ Biểu Chánh đem vào tiểu thuyết là án mạng, là tội ác. Từ đây trở về trước, trong truyện của ta có nhiều lần đề cập đến vấn đề tội ác của phe gian nịnh, nhưng đề cập đến đề mà kết án, đề mà luận tội. Chứ ở trong Hồ Biểu Chánh nếu án mạng hay tội ác không được ға ngọi thì ít ra cũng được nhắc đến như mọi tình tiết khác: tội thông dâm, ngoại tình trong *Cha Con Nghĩa Nặng*, mà nhất là trong *Vì Nghĩa Vì Tình*. Trọng Quý

lấy làm hiên ngang đã thuyết phục được Tổ Nga muốn ly dị chồng :
 • Cô không trả lời liền. Cô suy nghĩ đến mấy tuần lễ rồi cô mới viết thư mời qua lên chợ cô nói chuyện. Qua lên liền. Cô tỏ hết gia đạo của cô cho qua nghe. Qua khuyên cô phải nên đề chồng lập tức đăng qua cưới cô...

— Cô chịu hôn ?

— Chịu... (1)

Thực là hầu không có cuốn truyện nào của Hồ Biểu Chánh mà không có án mạng hay tội ác, nhất là tội thông dâm, tội ngoại tình.

VỀ CÁCH XÂY DỰNG TRUYỆN

Tương đối với thời đại nó mà xét, truyện của Hồ Biểu Chánh đã được xây dựng cứng cáp vào bậc nhất của thể hệ này. Không nói làm gì đến những truyện ra đời trước hay đồng thời với hai cuốn *Ai Làm Được* hay *Chúa Tàu Kim Qui*, ngay những truyện ra đời sau này như các truyện *Nhỏ Phong* hay *Người Quay Tơ* của Nguyễn Tường Tam, đem so sánh với hai truyện đầu tay của Hồ Biểu Chánh mô phỏng truyện của Tây hết cả. Chúng ta không chối cãi điều đó. Nhưng chúng ta cũng không có quyền chối cãi một thực tại khác đó là không riêng gì Hồ Biểu Chánh mà tất cả các nhà viết truyện trong thể hệ này — và nhiều nhà viết truyện trong thể hệ sau — đều là mô phỏng của Tây cả.

Hồ Biểu Chánh mô phỏng mà biết chế biến làm cho truyện của ông có màu sắc, khí hậu Việt-Nam. Các tình tiết, các phần đoạn được quan niệm, sắp xếp khá chặt chẽ, liên tục hơn truyện của Nguyễn Trọng Thuật nhiều.

VỀ VĂN CÁCH

Có lẽ ở đây Hồ Biểu Chánh mới hơn cả và đã xây dựng cho ông một hướng đi riêng biệt. Không riêng gì văn học cổ điển mà ngay văn học đương thời, văn cách hãy còn trang trọng lắm. Không những tiếng dùng đã dài các mà văn thể cũng hãy còn dài các. Văn thường dùng nhiều nho, thích lối biền ngẫu từng điệp những câu bốn năm chữ. Ấy là chưa nói đến chêm dẽm vào giữa văn xuôi

(1)-Hồ Biểu Chánh, *Vì Nghĩa Vì Tình*, tr. 28.

những bài văn văn vô lối. Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên làm cách mạng : đập vỡ cái khuôn khổ văn chương dài các giả tạo ấy. Ông đặt vào miệng các vai truyện của ông những ngôn ngữ đơn sơ, chất phác, lắm khi thô tục nữa là khác, Hồ Biểu Chánh đã đề tâm quan sát, nghe ngóng và ghi lại được tiếng nói của từng hạng người. Lần đầu tiên, trong tiểu thuyết Việt-Nam, người ta thấy giữa bạn bè, giữa vợ với chồng những cách xưng hô bình dân "mày, tao". Hơn thế, Hồ Biểu Chánh còn là văn sĩ của miền Nam, dùng tiếng địa phương. Văn của ông là văn cùng chung truyền thống với Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký... tức là nói và viết "tiếng A-Nam ròn" là viết tiếng Việt "trơn tuốt như lời nói". Cái chủ trương của Trương Vĩnh Ký cũng là chủ trương của các văn gia miền Nam : chống lối văn dài các miền Bắc : Nhân vụ án chữ Hán, ta đã có dịp được thấy rõ các lập trường đó qua lời tuyên bố của ông NG. H.V : « Khi nước Lãng-sa qua giao thông với nước ta thì trong cõi Nam-kỳ nổi lên một người là ông Trương Vĩnh Ký mượn cái xát la-tin mà dựng cái hồn của tiếng A-Nam còn sót lại. Cái xát la-tin ấy là chữ quốc ngữ bây giờ ! Cái hồn của tiếng ta còn sót lại lần lần nhập vào xát mới và trong khoảng năm sáu mươi năm vừa qua rồi, cái xát mới với cái hồn xưa vừa ưa nhau, vừa quen hơi nhau, hiệp sức mà tiêu hóa cái sự phát ách tiếng chệt » (1) Phải chăng vì theo lập trường dùng tiếng Việt "trơn tuốt như lời nói" ấy mà tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh không được văn giới Bắc-Việt chú ý.

Nhưng Hồ Biểu Chánh không phải là con người của các trào lưu mà là của truyền thống. Mặc cho thiên hạ khen chê, ông cứ thẳng băng đường của ông. Ông tiến. Các văn gia thế hệ 1913 không thuyết phục được ông đã vậy, ngay đến các văn gia thuộc các thế hệ 1932, hay 1945, hay 1954 cũng không làm sao thay đổi được ông. Qua suốt 73 năm, nhất là qua gần 50 năm hoạt động văn hóa, ông vẫn giữ được nguyên vẹn bản lĩnh của mình đồng thời lại thích ứng được với mọi biến rời, lắm khi trầm trọng, của cuộc sống nhân quần xã hội. Sống trầm lợp mấy thế hệ văn học, mà đối với thế hệ nào ông cũng hần như đi mon men ở ngoài rìa : ông tạo cho ông một con đường hầu như độc lập, ít khi nhảy vào con đường sẵn có của đám đông.

THANH-LANG

(1) Nam-phong số 16, Oct. 1918, tr. 199.

THƠ HỒ BIỂU CHÁNH

L.T.S.— Hầu hết chúng ta ai nấy đều biết Hồ Biểu Chánh là một nhà văn, nhưng ít người biết cụ còn làm thơ nữa. Phần lớn thơ của cụ là thơ thủ tác, được gom góp thành ba tập nhan là Biểu-Chánh Văn-tập, chưa xuất bản.

Chúng tôi trích đăng dưới đây hai bài thơ biểu lộ tấm lòng cương trực của cụ, tuy ra làm quan nhưng không chịu cúi lòn bợn thực dân. Đức liêm khiết của cụ còn thể hiện trong những lời thơ dạy con...

HỒI KINH

Tám năm chủ quận đạo vương tròn.
Mừng đặng về kinh khỏi cúi lòn.
Bủa đức chần dân hềm đức bạc,
Gìn lòng trượng nghĩa vững lòng son.
Rờ tay ướm thử răng đà rung,
Vỗ bụng nghe như chỉ chữa mòn.
Sự nghiệp dựng gậy nay đếm lại :
Mấy pho tiểu thuyết một bầy con.

(21 Janvier 1935)

MỪNG M. NGUYỄN VĂN QUÍ THI HUYỆN ĐẬU ĐẦU

Mừng bạn Thân-Văn chiếm thủ khoa,
Từ đây danh dự rạng sơn hà.
Mười năm đèn sách nên công nghiệp,
Trăm dặm hạc cầm sẵn thú nhà.
Phước hậu đã dành nhờ đức trước,
Thanh cần cũng phải gánh lòng ta.
Thương nhau xin nhớ lời căn dặn,
Tự giác cho tròn đặng giác tha.

MỪNG DI-HÌNH CHIẾM THỦ-KHOA TRƯỜNG VÕ-BỊ THỦ-ĐỨC

Giặc dã lung tung dữ,
Bỏ văn học võ thử.
Thi ra chiếm thủ khoa,
Vậy khỏi giảm danh dự.
Danh dự nam nhi phải giữ gìn,
Ơn nhà nợ nước gọi Di - Hình.
Gần lon thiếu úy chào sông núi,
Ôm đẫy tú tài nặng sử kinh.
Đao bút chuyển tay phò tổ quốc.
Luân thường đổi bước rạng gia đình.
Cang nhu ứng dụng tùy thời thế.
Trí dũng thanh cần, ấy hiển vinh.

(Gò-công, 20-6-1952)

KHUYÊN CON

Hiển vinh đời loạn, nghĩa không đồng,
Quân tử hiển vinh kia mới mong.
Dua bợ thành danh, danh Mạnh-Đức.
Thẳng ngay thành đạo, đạo Châu-công.
Trắng lu cần giữ cho đèn sáng,
Đao đục may nhờ biển vẫn trong.
Nên nhớ câu xưa : « ma bắt lửa »,
Hoa sen bứt nở chẳng lem bùn.

(Gò-công, 23-6-1952)

HỒ-BIỂU-CHÁNH

TÁC PHẨM CỦA HỒ BIỂU CHÁNH (*)

A. TIỂU THUYẾT

- | | |
|----------------------------------|---|
| 1. <i>Ai làm được</i> | Cà-mau, 1912
Sài-gòn, 1925. Viết lại. |
| 2. <i>Chúa tể Kim-Quy</i> | Sài-gòn, 1922 |
| 3. <i>Cay đắng khi đời</i> | Sài-gòn, 1923 |
| 4. <i>Tình mộng</i> | Sài-gòn, 1923 |
| 5. <i>Một chữ tình</i> | Sài-gòn, Décembre 1923 |
| 6. <i>Nam-cực tình kỳ</i> | Sài-gòn, 1924 |
| 7. <i>Nhơn tình ấm lạnh</i> | Sài-gòn, 1925. |
| 8. <i>Tiền bạc, bạc tiền</i> | Sài-gòn, Décembre 1925 |
| 9. <i>Thầy thông ngôn</i> | Sài-gòn, Juin 1926 |
| 10. <i>Ngon cỏ gió đùa</i> | Sài-gòn, Octobre 1926
Càng-long, Août 1928 |
| 11. <i>Chức phận linh đình</i> | Càng-long, Mai 1928 |
| 12. <i>Kẻ làm người chịu</i> | Càng-long, Décembre 1928 |
| 13. <i>Vì nghĩa vì tình</i> | Càng-long, Mars 1929 |
| 14. <i>Cha con nghĩa nặng</i> | Càng-long, Août 1929 |
| 15. <i>Khóc thầm</i> | Càng-long, Septembre 1929 |
| 16. <i>Nặng gánh cang thường</i> | Càng-long, Mai 1930 |
| 17. <i>Con nhà nghèo</i> | Càng-long, Octobre 1930 |
| 18. <i>Con nhà giàu</i> | Càng-long, Juillet 1931 |
| 19. <i>Ở theo thời</i> | Sài-gòn, Mai 1935 |

(*) Danh sách này do chính cụ Hồ Biểu Chánh ghi chép. Bản

- | | |
|--------------------------|--|
| 20. Ông cử | Sài-gòn, Juin 1935 |
| 21. Một đời tài sắc | Sài-gòn, Août 1935 |
| 22. Cười gương | Sài-gòn, Septembre 1935 |
| 23. Dây oan | Sài-gòn, Novembre 1935 |
| 24. Thiệt giả, giả thiệt | Sài-gòn, Décembre 1935 |
| 25. Nợ đời | Vinh-hội, Avril 1935 |
| 26. Đóa hoa tàn | Vinh-hội, Juillet 1936 |
| 27. Lạc đường | Vinh-hội, Septembre 1937 |
| 28. Từ hôn | Vinh-hội, Octobre 1937 |
| 29. Tân-phong nữ sĩ | Vinh-hội, Décembre 1937 |
| 30. Lời thề trước miếu | Vinh-hội, Janvier 1938 |
| 31. Tại tôi | Vinh-hội, Mars 1938 |
| 32. Bỏ chồng | Vinh-hội, Octobre 1938 |
| 33. Ý và tình | Vinh-hội, Septembre 1938-Novembre 1942. <i>đăng Nam-kỳ tuần-báo.</i> |
| 34. Bỏ vợ | Vinh-hội, Novembre 1938, chưa xuất bản. |
| 35. Người thất chí | Vinh-hội, Décembre 1938 <i>đăng báo Saigon năm 1939.</i> |
| 36. Tìm đường | Vinh-hội, Juillet 1939. <i>đăng Nam-kỳ tuần-báo.</i> |
| 37. Hai khối tình | Vinh-hội, Septembre 1939, <i>đăng báo Saigon năm 1939.</i> |
| 38. Đoạn tình | Vinh-hội, Décembre 1939, <i>đăng Đại-Việt tạp-chí.</i> |
| 39. Ai tình miếu | Vinh-hội, Février 1941, <i>đăng Đại-Việt tạp-chí.</i> |
| 40. Cư Kinh | Vinh-hội, Juillet 1941. |
| 41. Mẹ ghẻ con ghẻ | Vinh-hội, Octobre 1943 — Novembre 1954. |
| 42. Bức thư hối hận | Gò-công, Mars 1953 |
| 43. Trọn nghĩa vẹn tình | Gò-công, Avril — Octobre 1953. |
| 44. Nặng bầu ân oán | Gò-công, Février — Septembre 1954. |

45. *Đổ Nương-nương báo oán* Sài-gòn, 23 Octobre 1954 à 25 Novembre 1954.
46. *Lá rụng hoa rơi* Sài-gòn, Novembre 1954—Mars 1955.
47. *Tơ hồng vương vấn* Sài-gòn, Avril 1955 — Juillet 1955
48. *Đại nghĩa diệt thân* Sài-gòn, 13 Juillet à 18 Août 1955
49. *Trả nợ cho cha* Sài-gòn, 2 Septembre à 8 Novembre 1955.
50. *Những điều nghe thấy* Sài-gòn, 18 Août 1955 à 31 Mai 1956
51. *Ông cả Bình-Lạc* Sài-gòn, 15 Décembre 1955 à 22 Mars 1956.
52. *Một duyên hai nợ* Sài-gòn, 16 Avril 1956 à 27 Septembre 1956.
53. *Trong đêm cô hoang* Phú-nhuận, 23 Juin 1956 à 10 Janvier 1957
54. *Vợ già chồng trẻ* Phú-nhuận, 8 Octobre 1956 à 9 Novembre 1956.
55. *Hạnh phúc lối nào* Phú-nhuận, 21 Janvier 1957 à 14 Février 1957.
56. *Sống thóc với tình* Phú-nhuận, 21 Février 1957 à 16 Mars 1957.
57. *Nợ tình* Phú-nhuận, 22 Mars 1957 à 2 Avril 1957.
58. *Đón gió mát, nhắc chuyện xưa* Phú-nhuận, 15 Avril 1957 à 2 Juin 1957.
59. *Chị Đào chị Ly* Phú-nhuận, 8 Juin 1957 à 25 Août 1957.
60. *Nợ trái oan* Phú-nhuận, 24 Juin 1957 à 13 Juillet 1957.
61. *Tắt lửa lòng* Phú-nhuận, 9 Octobre 1957 à 15 Novembre 1957.
62. *Lấy lòng hào khí* Phú-nhuận, 1er Décembre 1957 à 10 Avril 1958.
63. *Lần qua đời mới* Phú-nhuận, 16 Avril 1958 à ... (?)...
64. *Hy sinh* Phú-nhuận, 16 Juin 1958 à ... (?)...

B. ĐOÀN THIÊN

Chuyện trái đời: (4 cuốn)

1. *Thầy Chung trắng số*
2. *Hai Thà cưới vợ*
3. *Một đóa hoa rừng*
4. *Ngập ngừng*
5. *Chị hai tôi*
6. *Hai chồng*

7. *Hai vợ*

Vinh-hội, Août 1944
 Vinh-hội, Septembre 1944
 Vinh-hội, Septembre 1944
 Vinh-hội, Décembre 1944
 Vinh-hội, Juin 1944
 Sài-gòn, 14 - 25 février
 1955
 Sài-gòn, 26 Juin — 9
 Juillet 1955

C. TRUYỆN VĂN

1. *Chuyện trào phúng, Tập I và II*
2. *Chuyện lạ trên rừng*
3. *Truyền-kỳ lục*

Sài-gòn, 1935
 Bến-súc, 1945
 Gò-công, 1948

D. DỊCH THUẬT

1. *Tân-soạn cổ-tích (dịch sách Tàu)* Sài-gòn, 1910
2. *Lửa ngưng thành linh (dịch bài kịch Pháp)* Sài-gòn, 1922

E. VĂN VẦN (điệu thượng hạ lục bát)

1. *U-tình lục* Sài-gòn, 1910
2. *Vậy mới phải* Long-xuyên, 1913

F. TUỒNG HÁT

a) Hài Kịch:

1. *Vì nghĩa quên nhà (mất)*
2. *Tình anh em*
3. *Toại chí bình sanh*
4. *Nghĩa vợ chồng (mất)*
5. *Đại nghĩa diệt thân*

Long-xuyên, 1917
 Sài-gòn, 1922
 Sài-gòn, 1922
 Sài-gòn, 1937
 Bình-xuân, 1945

b) Hát bội :

1. *Thanh-Lệ kỳ duyên*
2. *Công chúa kén chồng*
3. *Xả sanh thù nghĩa*
4. *Trương Công Định quy thần*

Sài-gòn, 1924-1941
 Bình-xuân, 1945
 Bình-xuân, 1945
 Bình-xuân, 1945

c) Cải lương :

1. *Hai khối tình*
2. *Nguyệt-Nga cống Hồ*
3. *Vì nước vì dân*

Sài-gòn, 1943
 Sài-gòn, 1943
 Gò-công, 1947

G. TÙY-BÚT PHÊ-BÌNH

1. *Hoài Quốc-Công VÕ TÁNH*
2. *Vườn xưa ghé mắt (tập I và II)*
3. *Tiểu-sử Trương Công Định (mất)*
4. *Chánh trị giáo dục*
5. *Tùy bút thời đàm*

Đại-việt Tạp-chí số 34
 tới 36
 Đ.V.T.C số 39 tới 44
 Gò-công, 1945
 Gò-công, 1948
 Gò-công, 1948

H. KÝ ỨC

1. *Ký ức cuộc đi Bắc-kỳ* 1941
2. *Mấy ngày ở Bến Súc* 1944
3. *Đời của tôi :*
 - a) *về quan trường*
 - b) *về văn nghệ*
 - c) *về phong trào cách mạng* 1945
4. *Một thiên ký ức (Nam-kỳ Cộng-hòa tự trị)* 1948
5. *Tâm hồn tôi* 1949
6. *Nhân trung tạp ký (Tập I, II, III)* 1949

I. DIỄN VĂN

1. *Cái chết của người xưa* 1944
2. *Mạnh-tử với chủ nghĩa dân chủ* 1945
3. *Ít bài chúc tụng* 1945

- | | |
|---------------------------------|------|
| 4. Nho-giáo và chánh-trị | 1946 |
| 5. Nho-giáo | 1948 |
| 6. Giáo lý của đạo Phật | 1948 |
| 7. Độc lập trong Liên-hiệp Pháp | 1948 |
| 8. Địa vị của dân bà Việt-Nam | 1948 |

J. LOẠI SÁCH KHẢO CỨU VÀ VĂN HỌC

- | | |
|---|------------------------|
| 1. Pétain cách ngôn và A-đông triết lý hiệp
giải | 1942 |
| 2. Chấn hưng văn học | 1944, Đại Việt Tạp-chí |
| 3. Gia-Long khai quốc văn thần | 1944, Đ. V. T. C. |
| 4. Gia-Long khai quốc võ tướng | 1944, Đ. V. T. C. |
| 5. Gia-định Tổng-trấn | 1944 |
| 6. Trung-Hoa tiền thuyết lược khảo | 1944 |
| 7. Đông-Châu liệt quốc chí bình nghị | 1945 |
| 8. Tu dưỡng chí nam | 1945 |
| 9. Pháp quốc tiền thuyết lược khảo | 1945 |
| 10. Nhơn quần tẩn hóa sử | 1945 |
| 11. Một lần chánh khí : Văn Thiên Tường (1) | 1945 |
| 12. Âu Mỹ cách mạng sử | 1948 |
| 13. Việt ngữ bốn nguyên | 1948 |
| 14. Thành ngữ tập lục | 1948 |
| 15. Phật tử tu tri | 1948 |
| 16. Nho học danh thơ | 1948 |
| 17. Thiển môn chư Phật | 1949 |
| 18. Địa dư đại cương | 1949 |
| 19. Hoàn cầu thông chí (5 quyển) | 1949 |
| 20. Phật giáo cảm hóa Trung-Hoa | 1950 |
| 21. Phật giáo vào Việt-Nam | 1951 |
| 22. Trung-Hoa cao sĩ, ẩn sĩ, xử sĩ | 1951 |
| 23. Nho-giáo Tinh-thần | 1951 |

(1) Bài này sau in chung với Nho-giáo Tinh-thần làm một cuốn.

thiếu-sơn

nhớ hồ-biểu-chánh

TÔI CÓ LẼ LÀ NGƯỜI TRƯỚC NHẤT ĐÃ viết bài phê bình văn nghệ của cụ Hồ Biểu Chánh.

Lần đầu tiên tôi được đọc cụ trong một cuốn sách quảng cáo của nhà thuốc Nhị Thiên Đường. Tôi để ý tới tiểu thuyết của cụ rồi kiểm coi ở loại sách như những truyện Tàu in xấu, đề hạ 4 cắc mà luôn luôn bán dưới giá đó.

Khi tôi gặp cụ tôi thường khuyên cụ soạn lại tất cả những tiểu thuyết của cụ cho in lại, trình bày như loại sách của « Tự lực văn đoàn », của « Tao Đàn » hay « Tân Dân ». Cụ nghe ý kiến của tôi một cách chăm chú có vẻ tán thành nhưng rồi lại bỏ qua cho đến nỗi tôi nay muốn đọc lại những tác phẩm của cụ cũng không biết kiểm đâu có mà đọc. Nghe nói chính con cụ cũng không giữ đủ sách của cụ.

Tôi nhớ rằng hồi đó tôi đã nói tới ảnh hưởng của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là nó đủ sức hấp dẫn để lôi kéo độc giả Việt-Nam ham đọc truyện Tàu trở về đọc truyện

ta để nhớ tới thân phận con người Việt-Nam đang sống trong xã hội Việt-Nam và đương là nạn nhân của chế độ: một chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến mà bọn người được ưu đãi là những ông quận, những ông làng, những công tử con quan và những ông nhà giàu địa chủ. Đặc biệt nhất là tác giả lại về phe những người nghèo hèn, yếu thế, những tá điền và nông dân.

Khi tôi biết rõ thêm tác giả chính là một ông quan, một ông đốc phủ, đã ngồi quận ở nhiều nơi và ở đâu ông cũng tỏ ra là người thanh liêm và ngay thẳng.

Tôi gặp ông, được ông mời hợp tác để viết cho hai tờ báo của ông là tuần báo Nam-Kỳ và tạp chí Đại-Việt.

Đọc những bài bình luận của ông tôi đoán là ông có trợ cấp của Sở Thông Tin Tuyên Truyền Pháp. Hỏi ông thì ông cũng thành thật nhìn nhận như thế. Nhưng bản chất ông là con người thành thật nên ông thiếu kín đáo, thiếu tế nhị, thiếu thủ đoạn để mê hoặc lòng người như Phạm Quỳnh với tạp chí Nam-Phong.

Nhưng dầu sao thì bắt đầu từ đó nhà văn Hồ Biền Chánh đã bỏ mất sự độc lập tinh thần để ngả lần ngả hồi về phe thống trị.

Do đó mà ta không lạ gì khi thấy ông Đốc phủ Hồ văn Trung ra làm Đồng lý văn phòng cho « chánh phủ » Nguyễn văn Thỉnh để chịu chung trách nhiệm về một việc làm thiếu suy nghĩ và thiếu thận trọng.

Tôi lấy làm tiếc vì khoảng chót của đời ông nhưng không vì thế mà phủ nhận toàn bộ văn nghiệp của ông.

Văn nghiệp đó được cấu tạo nên bằng một con tim biết rung động, bằng cặp mắt biết nhận xét, bằng những tình

cảm của con người lương thiện không để cho địa vị và quyền thế lung lạc.

Tôi cho rằng làm công chức cũng như làm tất cả mọi nghề không thương tổn gì đến sự nghiệp văn chương. Trái lại còn nhờ đồng lương để nuôi sống nhà văn sĩ và giữ cho ngòi viết của họ được độc lập và tự chủ. Nhưng đồng lương đó chỉ đánh đổi lấy số giờ làm việc ở văn phòng mà thôi, không bắt buộc họ phải viết theo ý muốn của ai trong sách vở văn chương của họ.

Ông Hồ Biểu Chánh ngay cả những lúc làm chủ quận vẫn giữ được đầy đủ bản sắc của một nhà văn.

Ông chỉ bắt đầu để mất bản sắc đó khi ông nhận tiền trợ cấp của thực dân để ra báo.

Do đó mà nay nhắc tới ông tôi vừa nhớ thương vừa tiếc rẻ.

THIẾU SƠN

triền lãm nguyên trung

tại tru sở Pháp - văn Đồng - minh - hội
từ ngày 10 đến 19 tháng Tư 1967

hồ-hữu-tường

nhập mộng và tỉnh mộng

THUỞ CÒN NHỎ, LÚC HAM MÊ TIỂU THUYẾT, thì trong văn giới Việt-Nam, cũng đã có nhiều nhà văn viết tiểu thuyết nổi tiếng. Đó là không kể những tiểu thuyết dịch từ truyện Tàu. Trong những tác giả miền Nam nổi danh thời ấy, nên kể lại là có : Lê Hoảng Mưu, Tân Dân Tử, Phú Đức...

Nhưng nếu hỏi người nào mà được công chúng nhắc nhở nhiều hơn hết và tên có thể ghi vào lịch sử văn học miền Nam, thì phải đáp đó là Hồ Biểu Chánh.

Tôi biết tên Hồ Biểu Chánh này trong một hoàn cảnh kể cũng ngộ ngộ. — Một hôm, tôi không nhớ rõ là năm nào, vào vụ nghỉ hè, tôi có đến chơi nơi một nhà, kẻ là khá giả. Trong nhà ấy có một cuốn sách quảng cáo của nhà thuốc Nhị Thiên Đường. Tên tập quảng cáo đó dường như là Thọ Thế Bửu Phiệt (nếu tôi không lầm). Tôi còn nhớ rõ hình dung của tập quảng cáo ấy. Sách dày độ hơn 400 gần 500, bìa ngoài là giấy khá cứng, màu hồng hơi đậm một chút và có hình. Tức nhiên là hình ông Phật mập. Trong tập sách quảng cáo này có trình bày hơn mấy chục món cao đơn hoàn tán của nhà thuốc Nhị Thiên Đường. Và để chứng minh rằng thuốc ấy có nhiều công hiệu, thì lại đăng thêm lắm bức thơ gọi là « Minh Tạ lương

y ». Tôi không biết những bức thơ ấy là thật hay là giả thế nào. Cũng có thể là những bức thơ thật, mang tên của người thật. Mà cũng có thể những bức thư ấy lại do sự đồng tình thỏa thuận của nhà thuốc và của người ký tên. Điều đó tôi không quan tâm cho lắm. Và lại tôi cũng liếc sơ qua, mà không bao giờ đọc.

Chúng ta nên nhận đó là xảo thuật quảng cáo của nhà buôn bán. Không riêng chỉ có nhà thuốc Nhị Thiên Đường, mà thuở ấy lắm nhà thuốc tây, như Pharmacie Centrale hay Pharmacie Solirène v.v... đều cũng dùng cái lối quảng cáo tương tự vậy. Nhà thuốc Solirène có đăng áng thơ *Lục vân Tiên* có vẽ hình, kẻ ra rất là có nghệ thuật. Còn nhà thuốc Centrale thì đăng những tích xưa của các danh nhân Việt-Nam. Mục đích của các tập sách quảng cáo ấy là tìm những tài liệu hiếm có hoặc công chúng ưa mà đăng vào, cách năm ba trang đăng một đoạn, cách hai trang hoặc ba trang khác, lại có đoạn nối theo vân vân... Và một áng văn chương được đăng dài cả mấy trăm trang sách, để cho người ta, vì mến tiếc áng văn chương nọ, mà giữ tập sách quảng cáo trong nhà mãi mãi. Rồi đến khi có ai bệnh hoạn thì lật ra mà tìm món thuốc cần dùng để mà mua.

Nhà thuốc Nhị Thiên Đường cũng dùng thuật quảng cáo y như vậy. Khi tôi đến đó, thì có một bà già bảo tôi :

— Này, Thuộc ! Mày lấy cái tập Nhị Thiên Đường. Ở trong đó nghe nói có một chuyện hay lắm. Mày đọc cho tao nghe đi.

Vì bà ấy không biết chữ quốc ngữ. Tôi lấy. Tôi đọc. Tôi không xem ngay nhan đề của áng văn chương nọ, mà tôi cũng không cần biết tác giả của nó là ai. Tôi đọc cho bà nghe, mà đồng thời tôi cũng say mê. Tôi nhớ chừng như từ sáng, tôi đọc mãi cho tới khi ăn cơm. Ngừng lại ăn cơm rồi, tôi đọc nữa. Đọc cho đến khô cổ. Tôi mới dứt tiểu thuyết ấy. Và đến chừng đọc dứt câu chuyện đó, tôi mới lật lại trang đầu, để xem tiểu thuyết nhan đề là gì.

Thì đó là tiểu thuyết, mà tôi cho là hay nhất của Hồ Biểu Chánh. Tên nó là *TÌNH MỘNG* mà tác giả, tôi cũng biết lần đầu, là Hồ Biểu Chánh. Thật là một sự « tình mộng », đối với tôi. Vì trước đó, khi đọc tiểu thuyết, tôi bị ở trong một cơn mộng. Và khi tôi thấy tác giả tả Bà Phủ, chồng chết về ở với đứa con gái (con

một). Cô con gái bà Phú có học ở Sài-gòn, bây giờ đã lớn, nên về ở hủ hỉ với mẹ. Cảnh vui thú ở nhà quê, nhà bà Phú ở mé sông có một cái cầu mát, cô con gái đứng phau nước miếng cho cá lòng tong trời lên đớp thật là cảnh hoàn toàn Việt-Nam. Những tâm tình, những phong tục, những động tác của đứa cháu gọi bà Phú bằng dì, vài tiền ra ứng cử hội đồng và tình tự với đứa em bạn dì thật là Việt-Nam, không có gì là ngoại quốc cả. Vì những câu chuyện như vậy xảy ra rất thường trong xã hội bấy giờ. Có điều tôi lấy làm lạ. Sao lại có được một người có tâm lý rất là kỳ, như anh chàng Kỳ Tâm, không biết vì buồn chán cái gì mà từ ăn mặc, sang qua cử chỉ, đến lời nói tỏ ra thấy đời không có ra gì cả. Thế mà người có tâm hồn cao thượng, vì một cái nghĩa mà làm, hay là, ở đây, lại không có nghĩa gì tất cả, mà muốn thử đời chơi, để coi đời nó ra làm sao. Như vậy thì không có thể nào ở trong cảnh thực mà có, chỉ ở trong mộng mà thôi. Nhưng tác giả viết rất tự nhiên đọc tiểu thuyết, tôi sống mãi ở trong một cảnh mộng. Đến chừng xem đầu đề tiểu thuyết, tôi thấy đầu đề đó là Tỉnh Mộng. Tới chừng đó, tôi hay rằng câu chuyện mà Hồ Biểu Chánh đã thuật lại, đã tạo cho tôi một cảnh mộng. Tôi ở trong cảnh mộng. Rồi bây giờ tôi thấy nó là tiểu thuyết. Đây tôi mới là người tỉnh mộng. Chớ tôi không hiểu những nhân vật tỉnh mộng đó là ai nữa.

Từ ấy, tôi mới có một ý niệm rõ rệt về tiểu thuyết. Té ra một tiểu thuyết hay là một tiểu thuyết tạo cho độc giả một cảnh mộng mà độc giả mê say đi vào cảnh mộng ấy, như vào cảnh thật vậy. Đến chừng đọc xong rồi, thì xếp sách nhìn lại nhan đề, mới hay là mình đã mộng. Như vậy tôi có thể nói rằng vị giáo sư đầu tiên dạy cho tôi văn chương, dạy bản sắc của văn chương, dạy lý thuyết về văn chương, ấy là Hồ Biểu Chánh. Một tiểu thuyết, với nhan đề của nó, làm cho tôi hiểu rõ định nghĩa của tiểu thuyết là gì? Những tiếng của Pháp như là *Roman*, của Anh *Novel*, Tàu là *tiểu thuyết*, đều không làm sao giúp cho tôi hiểu định nghĩa rõ rệt của loại mà trong văn chương gọi là tiểu thuyết cả. Trong văn chương, tiểu thuyết là một bộ môn có mục đích tạo cho độc giả một cảnh giả tưởng, một cảnh mộng. Và mình đi vào cảnh ấy, say mê không khác nào mình đi vào một cái vườn mà gặp kỳ hoa dị thảo, hay là đi vào

đám rừng mà gặp bao nhiêu bí hiểm, thú dữ, rắn độc làm cho mình hồi hộp. Thế mà mình tin tất cả cảnh ấy đều là không giả, đều là những cảnh thật. Chứng đọc xong, mình mới thấy rằng mình đã nhập mộng rồi bây giờ tỉnh mộng.

Vậy nếu phải nhắc lại một kỷ niệm về Hồ Biểu Chánh, thì cái kỷ niệm mà tôi nên nhắc trước nhất là bài học mà Hồ Biểu Chánh đã dạy tôi. Tiểu thuyết là giúp cho mình sống được một cái mộng và khi nào mình buông tiểu thuyết ấy là mình tỉnh mộng.

Từ ấy, tôi có ý mà tìm những tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh để mà đọc. Nào là *Nhơn Tình Ấm Lạnh*, *Ngon Cỏ Gió Đùa*, *Chúa Tàu Kim Qui*. v...v... Tôi đọc, chúng nó trước khi biết đọc tiểu thuyết Pháp. Tôi tin đó là những tiểu thuyết, mà chính Hồ Biểu Chánh đặt ra, tạo cốt chuyện, tạo nhân vật và lồng vào khung cảnh hoàn toàn Việt-Nam. Nào là những cảnh ở vùng Ô-môn, nhà rất xưa, trước có vườn kiềng, nào là bùm xum, kiền, quít, cau kiềng v... v... Nào hòn non bộ. Nào những bà Cả, bà Hương Sư, ông Hương Trưởng, ông Hội Đồng, thầy Cai. Nào là những người nông dân quê mùa, những thầy Hương Quán, những người đánh xe thồ mủ ở Chợ Gạo, thỉnh thoảng thọc cán roi cho mấy cái cắm xe nó đánh nghe lộc cộc. Tất cả những cảnh ấy hoàn toàn Việt-Nam, nhân vật hoàn toàn Việt-Nam, tâm lý cũng hoàn toàn Việt-Nam. Tôi tin rằng Hồ Biểu Chánh là một tác giả thuần túy dân tộc.

Đến chừng đọc được tiểu thuyết Pháp nào là của Victor Hugo, của Balzac, của Zola, Hector Malo, André Theuriet, ... thì tôi lại tỉnh mộng lần thứ hai. Té ra những đề tài của các tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh chỉ là những đề tài của các tiểu thuyết trứ danh nước Pháp, mà Hồ Biểu Chánh đã đọc rồi. Không phải Hồ Biểu Chánh dịch thuật, mà Hồ Biểu Chánh lại phóng tác. Phóng đây có nghĩa rất cỗi mở là hoàn toàn giải phóng. Không có ai dè cả, không có ai dè rằng một nhân vật Việt-Nam là ông Chúa Tàu Kim Qui lại là Bá tước Monte Cristo của Alexandre Dumas.

Như vậy việc phóng tác của Hồ Biểu Chánh đã tạo cho ta một cái mộng thứ hai. Chúng ta đọc tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, chúng ta không dè gì tất cả. Chúng ta ở trong một cảnh mộng cũng hoàn

toàn Việt-Nam. Đến chừng đọc lại sách Âu-châu chúng ta mới tỉnh mộng. Đó là cái cảm giác đầu tiên của tôi. Mà nếu nay cần nhắc nhở lại Hồ Biểu Chánh, tôi có thể nói rằng đó là kỷ niệm đầu tiên, và cũng là kỷ niệm thứ hai của tôi về Hồ Biểu Chánh. Là Hồ Biểu Chánh đã giúp cho tôi tỉnh mộng lần thứ hai và ở đây Hồ Biểu Chánh đã hóa ra thành vị giáo sư dạy cho đàn hậu tấn cái phép dịch, cái phép phóng tác.

Đã đành dịch ít khi hay hơn là sáng tác. Một áng văn chương kiệt tác như bộ *Les Misérables* của Victor Hugo, mà Hồ Biểu Chánh dịch ra, thì không hay bằng nguyên tác của văn hào Pháp. Nhưng mà, ít nữa người dịch tạo cho độc giả cái cảm giác rằng văn chương dịch của mình là văn chương sáng tác. Và độc giả lại mắc kẹt trong một cơn mộng. Nếu mình dịch một áng văn chương, mà độc giả cứ thấy trước mắt là một áng văn dịch, thì độc giả không bị thôi miên vào một cơn mộng, ấy là mình chưa tạo được cái mộng đề cho độc giả mê say trong cái mộng, ấy là cái nghệ thuật dịch của mình chưa đạt. Thế là Hồ Biểu Chánh đã giúp cho tôi nhập mộng hai lần và cũng nhắc cho tôi hai lần tỉnh mộng.

Đây là tôi nói cảm giác của tôi, khi tôi lối 16-17 tuổi. Cái kỷ niệm thứ ba nữa về Hồ Biểu Chánh là lúc tôi ở Pháp, ở khoảng mười chín đôi mươi. Sau khi ở mấy năm bên Pháp, tôi bị cái tình quê hương nó dày vò. Ở xứ Pháp thì cảnh khác, nhân vật khác, phong tục khác, tâm lý khác, lại không có người thân. Thành thạo mới gặp một kiểu bào như mình đến xứ người mà cầu học. Ai cũng không có thì giờ rỗi rảnh để mà nói chuyện tâm tình hầu nhắc đến quê nhà. Khi ấy, muốn nhớ lại cảnh đồng quê, vườn tược, tâm lý người Việt, thì không có chi hay bằng đọc Hồ Biểu Chánh, mặc dù lúc ấy mình biết rằng những nguyên tác của Victor Hugo, Alexandre Dumas, Balzac, Zola, Malo v...v... hay hơn những bản dịch của Hồ Biểu Chánh, những phóng tác của Hồ Biểu Chánh. Nhưng mà đọc những nguyên tác kia, tôi không có thú vị bằng đọc Hồ Biểu Chánh. Bởi vì chính là những tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh mới giúp cho tôi nhập mộng mà trở về quê nhà sống gần gũi với những đứa trẻ bụm chang bang, con heo kêu ột ột bên cạnh sân nước. Nay nhắc đến ba kỷ niệm này, mục đích chánh yếu của tôi không phải là ca tụng một nhà văn quá cố đã đi vào lịch sử của văn chương miền

Nam là cụ Hồ Biểu Chánh. Việc ấy tôi tưởng là thừa. Bởi vì chính những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh đã nói hùng hồn hơn bài này của tôi. Nơi đây tôi chỉ muốn thừa dịp kỷ niệm này mà nói cái định nghĩa về tiểu thuyết mà Hồ Biểu Chánh đã dạy tôi. Từ thuở tôi còn **khoảng** mười tuổi cho đến bây giờ, tôi thấy cái định nghĩa vẫn còn **đúng đắn**. Tiểu thuyết là gì? Tiểu thuyết là một hộ môn của văn chương, giúp cho độc giả đi sâu vào cảnh mộng. Một nhà phê bình về văn chương, khi nghiên cứu tác phẩm Hồ Biểu Chánh, không khỏi sẽ nói rằng những đề tài của Hồ Biểu Chánh chỉ là những đề tài mượn của các nhà văn Âu Châu. Điều đó không có ai phủ nhận. Vậy thì, đứng về phương diện văn chương, trong mấy chục tiểu thuyết mà họ Hồ đã viết, những cái tứ của Hồ Biểu Chánh đều là những cái tứ mượn tứ của người.

Nói một cách khác, trong năm yếu tố xây dựng giá trị của một tác phẩm văn chương (mà tôi có dịp đơn cử ra là : Văn Tâm, Văn Tứ, Văn Học, Văn Khí và Văn Tài), thì chúng ta phải nhìn nhận rằng Hồ Biểu Chánh có một điểm tương đồng với Nguyễn Du. Ấy là Hồ Biểu Chánh mượn tứ của người mà làm tứ của mình, cũng không khác nào Nguyễn Du mượn tứ của Thanh Tâm Tài nhân mà viết ra *Đoạn Trường Tân Thanh* vậy. Nói một cách khác nữa thì trong năm yếu tố tạo ra giá trị một áng văn chương, thì Hồ Biểu Chánh cũng như Nguyễn Du thiếu hẳn cái yếu tố văn tứ. Nhưng sự mượn của Hồ Biểu Chánh giống như của Nguyễn Du. Ấy là, nếu *Truyện Kiều* là một áng văn chương hay, thì tác phẩm của Hồ Biểu Chánh cũng được kể là những tác phẩm hay. Nhờ đâu? Nhờ Hồ Biểu Chánh giúp cho ta đạt được mục đích của người đọc. Mà nếu Hồ Biểu Chánh đã đạt được mục đích của tiểu thuyết là giúp cho mình **nhập mộng**, thì Hồ Biểu Chánh nhờ cái gì mà đạt được cái mục đích ấy? Hồ Biểu Chánh nhờ phương tiện nào mà đạt mục đích ấy?

Tôi suy nghĩ khá nhiều về vấn đề đó. Cũng may, Sơn Nam lại nhắc chừng cho tôi. Số là, một hôm, đọc trang trong của tờ *Tia Sáng*, nhân dịp Sơn Nam nhắc đến tác phẩm của Vita là *Mây Ngàn*, Sơn Nam buông một câu đề trị giá văn chương của Hồ Biểu Chánh. Sơn Nam cho rằng văn chương ấy là quê mùa. Ấy là Sơn Nam đã

tìm thấy và nói rất đúng. Phương tiện nào Hồ Biểu Chánh lại giúp cho tôi mấy lần nhập mộng? Phương tiện ấy chính là văn quê mùa vậy. Nguyễn Du thành công bằng cách gọt dưa văn chương *Truyện Kiều*, đến đổi mỗi câu thành một hột châu trác tuyệt và *Truyện Kiều* thành một văn chương qui phái của nước Việt-Nam. Trái lại Hồ Biểu Chánh là tác giả có cái thiên tài là viết một lối văn quê mùa, cho đến đổi nhiều người đều hỏi như vậy :

— Không biết văn chương Hồ Biểu Chánh hay chỗ nào, mà dân miền Nam lại ưa thích? Nếu ta tìm trong Hồ Biểu Chánh một câu văn gọt dưa trác luyện, thì thật ra, trong gần mấy chục bộ tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, không có câu nào đáng chép lại cả. Tại sao vậy? Bởi vì văn của Hồ Biểu Chánh quá quê mùa, câu nào cũng quá quê mùa, thì có câu nào là đáng chép?

Nhưng mà giá trị của văn Hồ Biểu Chánh không phải là do sự có thể trích ra từng câu được, mà chính lại là giá trị của toàn bộ của văn Hồ Biểu Chánh. Cái giá trị của nó ở nơi chỗ không văn chương của Hồ Biểu Chánh, tức là nơi chỗ quê mùa của nó.

Cái đó gọi là cái văn khí quê mùa.

Nếu văn khí của Nguyễn Du là văn khí của một nhà thâm nho, quảng học, mỗi câu của *Truyện Kiều* có thể dẫn chứng nơi bài thơ Đường nào đó, nơi câu ở trong *Nam hoa kinh* hay là nơi một câu nào đó trong lục tài tử của Tàu, thì văn của Hồ Biểu Chánh lại không dẫn chứng được ở trong tác phẩm nào cả.

Văn khí của Nguyễn Du là văn khí bác học, còn văn khí của Hồ Biểu Chánh là văn khí quê mùa. Chính giá trị Hồ Biểu Chánh là chỗ đó, chỗ văn chương quê mùa ấy.

Có lẽ tôi gốc gác ở giới bình dân, nên tôi thích thứ văn chương quê mùa của Hồ Biểu Chánh. Rất tiếc là trong khi viết, tôi thường đề cập tới những tư tưởng cao xa, những lý thuyết thâm viển. Thành ra, tôi bị bắt buộc phải dùng một mớ từ ngữ tân tạo, để mà nói những ý niệm mới mẻ. Thành ra, văn của tôi tương đối là văn quảng bác. Tôi ân hận vì chỗ ấy vô cùng. Điều mà tôi mong muốn, là làm sao viết cho được quê mùa như văn của Hồ Biểu Chánh.

Vậy, nếu phải nhắc đến kỷ niệm về Hồ Biểu Chánh, là tôi nên nhắc ở cái văn khí của Hồ Biểu Chánh. Văn khí của các tác giả khác, thì chúng ta có thể dẫn chứng nơi một câu nào được, hoặc kể ra một đoạn văn nào được, để nói rằng: "Đó là rất hay, văn đó ta nên đem ra làm gương mẫu!". Trái lại văn của Hồ Biểu Chánh không có đoạn nào đáng trích ra làm bài kiểu mẫu. Lấy cả tác phẩm Hồ Biểu Chánh mà nói cái giá trị của nó, thì cái giá trị của nó lại ở nơi chỗ "không văn chương". Mà có lẽ một ngày kia, tên tuổi của Hồ Biểu Chánh sẽ không còn trong lịch sử văn chương của nước Việt-Nam, nếu mà quan niệm mới về lối viết sử của thế hệ ngày sau sẽ cho rằng: Hồ Biểu Chánh đã không có văn tứ, mà văn khí của Hồ Biểu Chánh lại quá quê mùa. Song đối với thế hệ của những thanh niên vào lối năm 1920 cho đến 1950 mấy, đối với những thanh niên trưởng thành vào thế hệ tiền chiến, thì ta phải nhìn nhận rằng họ đã chịu ảnh hưởng của Hồ Biểu Chánh rất nhiều và lắm người ra viết tiểu thuyết nhờ đã đọc văn của Hồ Biểu Chánh.

Đề kết luận, chúng ta có thể nói rằng về văn tâm, về văn tứ, về văn học và về văn tài, Hồ Biểu Chánh không hơn ai. Kém thì có. Chỉ nhờ giọng quê mùa, chỉ nhờ văn khí quê mùa, chỉ nhờ văn khí đặc biệt ấy mà Hồ Biểu Chánh chiếm một địa vị khả quan. Ai có muốn sống lại, trong tưởng tượng, nếp sống ở thôn quê miền Nam trước hồi chiến tranh, ắt phải đọc Hồ Biểu Chánh mới sống lại được nếp sống không còn ấy nữa.

Gần đây, nhà xuất bản Nam Cường có cho phát hành bộ tiểu thuyết *Hồn Bướm Mơ Hoa* (mà tập đầu đáng chú là *Hồn Hoa* (Mai Thoại Dung) *Mơ Bướm* (Trần Hoài Đức). Có "nhà văn mới" nói với tôi:

— Anh chọn làm chi cái văn khí Hồ Biểu Chánh? Thanh niên bây giờ không thích thứ văn ấy!

— Vâng! (Tôi đáp). Tôi vẫn biết thế. Tôi vẫn biết thanh niên ngày nay thích Françoise Sagan và nhạc Beatles. Nhưng ăn thịt mãi, có khi cũng ngấy miệng. Và lúc ấy, người ta lại thèm mắm... Tôi có thể viết mọi thứ văn, từ văn trào phúng như của Phi Lạc, từ

văn châm biếm, tiểu lâm, từ văn tả chân, từ văn tượng trưng, cho đến văn tếu (để cạnh tranh bất chánh với Chu Tử). Nhưng, khi mà độc giả ngấy cái thứ văn ấy, mà muốn sống lại nếp sống quê mùa của sáu mươi năm-về trước, lúc mà tin Nhật thắng Nga vang dội ở góc trời Nam, thì xin phép cho tôi « đầu cơ văn chương », mà mượn văn khí của Hồ Biểu Chánh. Chẳng lẽ, lúc ấy, thuyết hiện sinh chưa khai sinh, chủ nghĩa tả chân xã hội chưa du nhập đến xứ này, mà tôi lại mượn giọng của J.-P. Sartre hay của Chokolov để mà tả dân quê miền Nam, năm mà tôi chưa ra chào đời !

HỒ HỮU TƯỜNG

(I-X-66)

SÁCH GIAO-ĐIỂM ĐÃ PHÁT HÀNH

BỀ TRÁI VÀ BỀ MẶT

(tiểu luận)

ALBERT CAMUS

giải Nobel về Văn-chương 1957

TRẦN THIÊN-ĐẠO

giới-thiệu, phiên-dịch và chú-giải

bình-nguyên lục

biên cô và chiếc cầu hồ - biểu - chánh

Một nhà học giả đã nói, hồi tiền chiến, rằng Truyện Kiều là một biến cố trong văn học sử Việt-Nam.

Câu nói trên đây, bằng tiếng Pháp, và chữ « accident » mà nhà học giả ấy đã dùng, khó lòng mà dịch ra tiếng Việt được, nên chúng tôi xin tạm dùng danh từ biến cố vậy.

Biến cố Truyện Kiều, chỉ nội dung chứ không phải lối hành văn. Trong khi bao nhiêu tiểu thuyết khác của ta trước đó, viết bằng văn xuôi hay bằng thơ gì, cũng đều nhằm bảy cái đích này : trung, hiếu, tiết, lễ, nghĩa, trí, tín, thì Truyện Kiều lại xa lánh ước lệ đó, tuy trong ấy cũng có trung, hiếu, tiết, lễ, nghĩa, trí, tín, nhưng bảy giềng mối ấy không phải là chủ ý của tác giả.

Chúng tôi cũng có thể nói Hồ Biểu Chánh là một biến cố trong văn học sử Việt-Nam, nhất là về riêng miền Nam. Nhưng biến cố ở đây, lại là về hình thức, hành văn.

Trước Hồ Biểu Chánh, từ Bắc chí Nam đều có tiểu thuyết.

(Không chuyên nghiên cứu văn học, chúng tôi chỉ đứng ở lối thấy của một người đọc giả đã theo dõi tiểu thuyết Việt-Nam từ năm 1922 mà trình bày ý nghĩ mà thôi)

Nhưng tiểu thuyết mà ta được đọc trước Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết viết bằng một thứ văn mà nhóm Hoàng Tích Chu, và sau đó nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã phải dụng công đá phá : lối văn kêu mà rỗng, tức văn sáo.

Đại khái như đoạn văn sau đây, tả cảnh đường Lê-văn-Duyệt của thành phố Sài-gòn, vào một buổi chiều, tác giả là Nguyễn Chánh Sắt, trong tiểu thuyết *Chấn Cà Mun*.

« Chiều chiều trên trời chim kêu chiu chít, dưới sông cá lội vồn vờ, Lâm Trí Viễn tay cầm nhựt báo, tay xách ba-loong, rảo bước trên đường Vệt-Don (đọc Lê văn Duyệt ngày nay) để đón người tình nhơn mà trao lời tâm sự.»

Câu văn trên đây, chúng tôi đã học thuộc lòng hồi còn bé, vì thuở ấy chúng tôi thấy nó hay số dách, và giờ chép lại theo ký ức, nếu có sai, cũng chỉ sai vài chữ không quan trọng.

Tiểu thuyết của Lý Hoàng Mưu còn mùi mẫn hơn nhiều, viết toàn bằng văn biến ngẫu từ trang đầu đến trang chót, câu dưới đối nhau chan chát với câu trên.

Năm chúng tôi mười sáu tuổi, học trung học ở Sài-gòn, trước trận thế chiến lâu lắm, chúng tôi có đến thăm nhà văn Lê Hoàng Mưu bấy giờ đã già và đã giải nghệ.

Đó là một nhà văn khét tiếng ở miền Nam mười lăm năm về trước, nên phàm cậu học sinh nào mê văn chương đều muốn biết mặt họ Lê.

Ông Lê thuộc lòng tất cả tiểu thuyết của ông, và đọc thử cho chúng tôi dò theo bản in cũ, và quả ông ấy đọc không sót chữ nào. Không phải là Lê Hoàng Mưu có một trí nhớ vô địch đâu, nhưng vì ông viết văn biến ngẫu nên dễ nhớ lắm. Nhưng văn biến ngẫu thỉnh thoảng viết vài câu như Tân Đà thì còn có nghĩa, chớ còn viết hàng ngàn câu kế tiếp nhau, không sao tránh được sự kêu như cái thùng không.

Ở đất Bắc văn tiểu thuyết cũng chẳng hơn gì ở đây, hay có hơn, chỉ hơn ở sự văn vẻ, kiểu cách, theo lối Tuyết Hồng

Lê Sĩ. Phải nhìn nhận rằng về mặt du dương văn *Tuyết Hồng Lê Sĩ* mười lăm trời hơn văn của tiểu thuyết miền Nam, nhưng càng du dương hơn càng rộng rãi hơn, càng sáo nhiều hơn.

Chúng tôi không nhớ *Tuyết Hồng Lê Sĩ* và *Chấn Cà Mùn* ra đời trước hay là sau tác phẩm đầu tay của Hồ Biểu Chánh, nhưng cho dầu quyền ấy mà có ra sao đi nữa thì nó cũng là cái bản sao trung thành của tiểu thuyết thời Tiền Hồ Biểu Chánh.

Nhiều nhà phê bình ở miền Nam cứ khen rằng Hồ Biểu Chánh hay là nhờ viết văn giản dị. Nhưng câu văn tả cảnh chiều ở đại lộ Lê văn Duyệt của Nguyễn Chánh Sắt, cũng giản dị chứ có gì rắc rối đâu.

Hồ Biểu Chánh hay chính vì nhà văn ấy chỉ viết theo ý nghĩ của một người thường chứ không dùng những lối nói mà bao nhà văn trước đã dùng rồi.

Hồ Biểu Chánh là một nhà văn tả chân trong thời đại của ông. Ngày nay người ta tả chân tỉ mỉ hơn nhiều, chứ không phải chỉ chấm phá vài nét thủy mặc như họ Hồ, nhưng vào thuở ấy thì như vậy đã là tả chân lắm rồi, không thể đòi hỏi hơn được.

Lần đầu tiên người độc giả Việt-Nam được thấy hình ảnh của một con chó phèn nằm thè lưỡi nơi hàng hiên của nếp nhà tranh, được nghe tiếng nhạc nhái dưới các ruộng sâu vào buổi chiều, toàn là những hình ảnh quen thuộc mà sao lại như là rất mới lạ, hấp dẫn hơn liều rú bêm hồ, hấp dẫn hơn "Sen mới tàn bông, cúc vừa trở nhị, hạ qua, thu sang" nhiều lắm.

Hồ Biểu Chánh, lúc đương lên, không được đất Bắc hoan nghênh vì ông đi chưa tới mức thật mới lạ đối với giới trung lưu ngoài ấy, nhưng ở đây thì người có học chừng từ lớp nhì lên tới trung học là chỉ đọc Hồ Biểu Chánh thôi.

Đất Bắc đã dứt giai đoạn nhảy từ *Tuyết Hồng Lê Sĩ* tới

Tổ Tâm, tới Đoạn Tuyệt, nhưng miền Nam đã phải qua cây cầu Hồ Biểu Chánh.

Biển cổ Tổ Tâm, Đoạn Tuyệt đột ngột quá, nếu không có cái bước giao thời là biển cổ Hồ Biểu Chánh, ở miền Nam không đọc Hoàng Ngọc Phách và Nhất Linh chẳng ?

Chúng tôi còn nhớ năm báo Phong Hóa ra đời, chúng tôi thi bằng Thành Chung. Cả trường Trương Vĩnh Ký vừa nội trú, vừa ngoại trú đông hơn bảy trăm học sinh mà chỉ có năm bảy anh đọc Phong Hóa mà thôi, còn bao nhiêu anh khác vẫn tiếp tục chỉ đọc Hồ Biểu Chánh.

Thuở ấy chưa có cuộc tranh luận « Nghệ thuật vì nghệ thuật » và « Nghệ thuật vì nhân sinh » và toàn thể độc giả của tiểu thuyết, đọc tiểu thuyết vì câu chuyện và vì nghệ thuật viết mà thôi.

Vị cái này hay vị cái kia là chuyện không ra khỏi vòng câu chuyện riêng tư của các nhà chánh trị bí mật, và trong tuyên truyền của những người này, văn nghệ không được đề cập tới. Cụ nghệ Ngô Đức Kế, không rõ bên trong thế nào chớ trong bài bút chiến, cụ cũng chỉ đứng trên quan điểm đạo đức mà nói chuyện thôi.

Như vậy bạn hữu của chúng tôi trung thành với Hồ Biểu Chánh, nhất định không phải là vì Hồ Biểu Chánh « lành mạnh » hơn Hoàng Ngọc Phách đâu, mà vì họ còn cần chiếc cầu ấy mà thôi, chưa sang sông được, mà đó là chiếc cầu nghệ thuật.

Khó lòng mà cắt nghĩa cho đần sự cần thiết của chiếc cầu Hồ Biểu Chánh tại miền Nam.

Tuy nhiên, ta có thể xem sự cần thiết của chiếc cầu nói trên là một bằng chứng củng cố cái quan niệm rằng các nước Tây phương họ nhất định cho là sự giáo dục nghệ thuật nên có, và những chiếc cầu đưa ta sang từ bờ bên này qua bờ bên kia, là những cuộc lên lớp trong học khóa thưởng thức nghệ thuật.

Một Romain Rolland, một Marcel Proust, một Albert

Camus, một J.-P, Sartre, nếu ra đời vào thời Lamartine, ắt hẳn tác phẩm của các ông không bán được trên mười quyền.

Chủ trương cho rằng bất kỳ ai cũng thường thức nghệ thuật được, không cần qua cuộc giáo dục nghệ thuật nào cả, e rằng không đúng chăng? (Chúng tôi không có đá động tới nội dung, tư tưởng, trong bài này)

Chúng tôi đã nói đến biến cố Hồ Biểu Chánh về mặt hành văn, giờ xin giới thiệu một biến cố Hồ Biểu Chánh về nội dung.

Đa số tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết mà người ta gọi là « có hậu ». Chúng tôi dùng danh từ khác, theo thói quen từ lâu, nhưng cũng diễn tả một ý đó. Chúng tôi nói rằng đa số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết tròn trịa, luôn luôn trung được thưởng, nịnh bị trừ, oán trả, ơn đền và chàng với nàng có bị trắc trở thế nào đi nữa, rốt cuộc rồi cũng sum hợp, sanh con đẻ cháu đầy nhà.

Về mặt đó thì Hồ Biểu Chánh cõ điển vậy. Nhưng tác giả của hàng trăm quyền tiểu thuyết ấy, thỉnh thoảng cũng dám chọc cho cụ nghề Ngô Đức Kế chửi lắm.

Chẳng hạn như trong tiểu thuyết « Tình mộng » (?) tác giả kể chuyện hai anh em chú bác, hay nhà cô nhà cậu gì đó không nhớ nữa, lấy nhau vì bị xác thịt xui khiến, chớ không phải vì một mối tình ngang trái nào, cho đến đời cô mang thai.

Năm 1925 mà viết tiểu thuyết như vậy là một biến cố đó chớ. Mà năm ấy tác giả đã lên tới chức tri phủ rồi, phụ mẫu chi dân, làm ông Quận là một chức bắt buộc con người ấy phải làm gương mẫu, vậy mà ông đã viết tiểu thuyết như thế đó thì thật táo bạo quá chừng.

Chúng tôi không đề cao cũng không đá kích Hồ Biểu

Chánh về mặt này mà chỉ lạnh lùng đưa ra sự kiện với một ý nghĩ rằng họ Hồ « táo bạo » mà thôi, vì đây không phải là bài phê bình văn nghiệp của Hồ Biểu Chánh.

Câu chuyện « thương luân » ấy làm cho độc giả chịu đựng được những câu chuyện mà người ta cho là kém đạo đức về sau này.

Hồ Biểu Chánh đã làm hại hay làm lợi, ta không xét ở đây mà chỉ biết rằng ông quả thật là một chiếc cầu nối liền hai thế giới văn chương, chiếc cầu hành văn và nội dung.

Câu chuyện « thương luân » nói trên không giúp tác giả giải quyết được cái gì hết, vì kết cuộc của tiểu thuyết ấy là cô gái có chữa hoang về sau lấy một thầy ký nghèo để làm lại cuộc đời.

Truyện ấy cũng chẳng cắt nghĩa cái hại của một nền giáo dục buông lung vì cô gái là con nhà gia giáo hẳn hoi.

Như thế, Hồ Biểu Chánh không phải là chỉ mượn cái hư để xây dựng cái nên đâu. Ông chỉ nói một sự thật trong xã hội, sự thật ấy có nên nói ra, nhất là nói bằng tiểu thuyết hay không, không thuộc phạm vi bài này, chỉ biết rằng ông đã dám « làm ngang » trong một thời mà hay cũng đi ngay hàng thẳng lối. Ông là một biến cố vậy.

BÌNH-NGUYỄN LỘC

VĂN số 81

ĐỌC TENNESSEE WILLIAMS

son-nam

nghĩ về hồ-biểu-chánh

SỞ TRƯỞNG CỦA ÔNG HỒ BIỂU CHÁNH là viết tiểu thuyết xã hội, viết về cái xã hội tạm thời ổn định ở « Nam kỳ thuộc địa ». Ngoài những quyển tiểu thuyết sáng tác, ông còn có tài phóng tác, không ai bì kịp, thí dụ như, quyển *Chúa Tàu Kim Qui*.

Muốn thưởng thức trọn vẹn loại tiểu thuyết xã hội, độc giả phải là người lớn tuổi, cỡ hai mươi tuổi hoặc lớn hơn, càng già về tuổi tác thì độc giả càng có đủ tư cách để phê phán : tiểu thuyết hay hoặc dở, tâm lý nhân vật đúng hay sai, lối phân tách có tinh vi không, ngôn ngữ có linh hoạt không ? Thời Pháp thuộc, lối khôi hài đùa cợt, hoặc tác phong trượng già có khác hơn bây giờ. Đó là chưa nói đến tâm lý của các thầy thông thầy ký, các ông hương chức hội tề hoặc oai phong của ông lục sự. Thuở ấy, thầy thông, ông điền chủ, thầy giáo làng... đều là « một cây » trong địa phương của họ. Viên thư ký hành chánh là nhân vật quan trọng trong tỉnh nhỏ, cưới cô gái ông thương gia, ông đại điền chủ dễ như chơi. Nói chi đến các thầy giáo làng ăn lương khoán do ngân sách của làng xã tài trợ ! Các thầy giáo này là kẻ sĩ trong làng, nếu muốn cưới con gái út của ông hương cả thì nào khó.

Ngày nay, các độc giả thuộc lứa tuổi quân dịch chắc không tiêu thụ nổi tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh — nhất là các độc giả trẻ, sống ở thị thành, theo kiểu đợt sống mới. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh không là sách đầu giường của lứa trẻ.

Nhưng đối với người già, tuổi độ sáu mươi thì sao ?

Chúng tôi tin rằng vài vị công chức hồi hưu, điền chủ tàn dư còn giữ vài quyền tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh do nhà Đức Lưu Phương xuất bản. Nhưng liệu các vị này còn chịu đọc không ? Đến năm nay, tác phẩm Hồ Biểu Chánh đã là những đài hoa khô, hột chẳng còn chút hương thừa.

Thời tiền chiến, Hồ Biểu Chánh là nhà văn miền Nam ăn khách nhất, như con phụng hoàng bay trên đỉnh núi. Các phê bình gia viết về văn chương miền Nam đều phải nói đến ông.

Sự có mặt của ông trên văn đàn đã khiến độc giả ở miền Nam phân biệt hai loại tiểu thuyết.

— *Tiểu thuyết Bắc* : do Tự Lực Văn Đoàn, Tân Dân xuất bản (Phổ Thông Bán Nguyệt San, Tiểu Thuyết Thứ Bảy).

— *Tiểu thuyết Nam* : do Hồ Biểu Chánh đơn thân độc mã ngồi một mình một chiếu.

Đặc tính của tiểu thuyết Bắc là văn chương trau chuốt, câu kỳ hơi xa thực tế trong khi tiểu thuyết Nam được viết đơn giản, dài dòng, có sao nói vậy, dùng những tiếng địa phương mà không chút mặc cảm tự ti.

Điều đó đã phản ảnh phần nào hậu quả của chế độ nước Nam có ba kỳ, Bắc kỳ theo chế độ quan làng khác Nam kỳ, đời sống và quyền hạn của người dân cũng khác. Đường giao thông khó khăn, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tự túc đã đào sâu sự phân chia tai hại ấy. Do đó, người miền Bắc đã ngạc nhiên khi nghe huyền thoại về « công tử Bạc-liêu » ; người miền Nam ở thôn quê không tài nào phân biệt giọng Trung, giọng Bắc. Hễ nghe ai nói giọng « trọ trẹ » thì cho rằng đó là « người Huế ». Người Việt gốc Miên ở Sóc-trăng, Bạc-

liều dùng tiếng « Duôi Huê » (người Việt-Nam Huế) đề chỉ tổng quát người Trung và người Bắc.



Có lẽ « tiểu thuyết Nam » mang truyền thống riêng, đứng về hình thức mà xét. Mở đầu là loại văn xuôi của những bản dịch truyện *Phong Thân, Tam Quốc* ra mắt từ hồi đầu thế kỷ. Ngày nay, xem lại các bản dịch xưa của Nguyễn An Khương, Trần Phong Sắc, Nguyễn Chánh Sắt... chúng ta thấy các vị tiền bối này theo một văn phạm riêng, câu văn thì dài nhưng sáng sủa, rõ nghĩa. Phải chăng các dịch giả đã theo văn phạm « có sao nói vậy » mà cụ Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của đã áp dụng qua các tác phẩm *Chuyện đời xưa, Chuyện giải buồn*? Từ truyện Tàu bước sang địa hạt tiểu thuyết, chúng ta thấy ngành văn xuôi tiến thêm một bước. Tiểu thuyết văn phạm phân chia ra từng hồi với hai câu giới thiệu, kể đến là phần giới thiệu nhân vật theo lối « phương tường » nhưng nó là tác phẩm có bố cục, lấy đề tài trong xã hội hoặc lịch sử địa phương. Lối văn biên ngẫu được áp dụng từng chập, khi trăn khi bỗng.

Xin chép lại theo trí nhớ, đoạn mở đầu của tiểu thuyết *Gương Võ Lai Lôi* của ông Bá Nghiêm, Nguyễn Chánh Sắt, in trong sách thuộc Nhị Thiên Đường :

— « Trời xanh mát mẻ, cảnh tượng êm đềm, trên núi mai đơm rộ rộ, dưới sông cá lội nhón nhờ. Thật là :

*Bốn phương lặng lẽ như tờ,
Lên lầu tuyết điểm, mặt mờ sương sa... »*

Hoặc hồi thứ nhất của lịch sử tiểu thuyết *Gia Long Tàu Quốc*, tác giả Tân Dân Từ (1929) :

— « Đưa Nguyễn Ánh lạc bước phong trần,
Nơi phát lộ gặp người phò tá.

« Đất Việt ba kỳ, trời Nam một góc, tang thương mấy độ, cuộc hưng vong dường thế chiêm bao ; sự tích ngày xưa, gương tri loạn còn ghi lịch sử.

« Trong khoảng cách chừng một trăm năm chục năm nay, nước Việt-Nam ta ném nhăm lúc triều Lê vận mạt (...) Lúc bấy giờ tại Cần-thơ có một ngôi nhà gần mé Hậu giang, tuy chẳng phải là nhà hào gia cự phú, song xem có vẻ thanh lịch u nhân, giữa nhà đề một bàn tròn, trên bàn trải một tấm khăn đỏ, lại có ít quyển sử, truyện, thi, thơ, văn phòng tứ bửu, hai bên thì đề một bộ trường kỷ với ít cái đôn sành, ngoài hiên dựng một bình phong, trên cột treo một cây liễn, còn chung quanh ngôi nhà, có một cảnh vườn trồng đủ các thứ cây trái bông hoa, trước sân có xây một hòn giả sơn, bên thì đề ít chậu kim quýt, thanh tùng nhánh lá sỡ sỡ, bên lại trồng ít bụi mai, lan, cúc, trước, xem rất thú vị... Nhà này là của một ông quan hồi hưu...

« Lúc bấy giờ trong nhà có một thanh niên trạc chừng mười tám tuổi, xem diện mạo tỏ ra một người anh phong tuấn dật (...) Phía bên lại có một nàng tuổi vừa hai chín, hai môi đỏ hồng như màu yện chi (...) Chính giữa, lại có một người đàn bà tuổi chừng năm mươi, sắc mặt cũng có vẻ âu sầu thâm đạm... »

Nếu đem so các đoạn văn tả chân tỉ mỉ, dài lê thê, viết theo công thức trên đây với các đoạn văn của Hồ Biểu Chánh, chúng ta thấy Hồ Biểu Chánh đã đánh dấu một cố gắng mới, một thành công mới. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh viết gọn gàng, trôi chảy hơn nhiều. Nhưng xét về bố cục thì Hồ Biểu Chánh vẫn giữ cái hậu của truyện, của tuồng : ơn đền oán trả, thưởng phạt phân minh.

Từ hát bội (tuồng Tàu) bước qua Cải lương, sân khấu vẫn giữ cái hậu ở màn cuối.

Từ truyện Tàu, bước qua Nguyễn Chánh Sắt, chuyển qua Hồ Biểu Chánh, ngành tiểu thuyết vẫn giữ cái hậu ở đoạn kết, như một vở tuồng. Do đó, độc giả và khán giả giữ thói

« Đất Việt ba kỳ, trời Nam một góc, tang thương mấy độ, cuộc hưng vong dường thế chiêm bao ; sự tích ngày xưa, gương tri loạn còn ghi lịch sử.

« Trong khoảng cách chừng một trăm năm chục năm nay, nước Việt-Nam ta ném nhăm lúc triều Lê vận mạt (...) Lúc bấy giờ tại Cần-thơ có một ngôi nhà gần mé Hậu giang, tuy chẳng phải là nhà hào gia cự phú, song xem có vẻ thanh lịch u nhân, giữa nhà để một bàn tròn, trên bàn trải một tấm khăn đỏ, lại có ít quyển sử, truyện, thi, thơ, văn phòng tứ bửu, hai bên thì để một bộ trường kỷ với ít cái đôn sành, ngoài hiên dựng một bình phong, trên cột treo một cây liễn, còn chung quanh ngôi nhà, có một cảnh vườn trồng đủ các thứ cây trái bông hoa, trước sân có xây một hòn giả sơn, bên thì để ít chậu kim quýt, thanh tùng nhánh lá sỡ sỡ, bên lại trồng ít bụi mai, lan, cúc, trước, xem rất thú vị... Nhà này là của một ông quan hồi hưu...

« Lúc bấy giờ trong nhà có một thanh niên trạc chừng mười tám tuổi, xem diện mạo tỏ ra một người anh phong tuấn dật (...) Phía bên lại có một nàng tuổi vừa hai chín, hai môi đỏ hồng như màu yện chi (...) Chính giữa, lại có một người đàn bà tuổi chừng năm mươi, sắc mặt cũng có vẻ âu sầu thâm đạm... »

Nếu đem so các đoạn văn tả chân tỉ mỉ, dài lê thê, viết theo công thức trên đây với các đoạn văn của Hồ Biểu Chánh, chúng ta thấy Hồ Biểu Chánh đã đánh dấu một cố gắng mới, một thành công mới. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh viết gọn gàng, trôi chảy hơn nhiều. Nhưng xét về bố cục thì Hồ Biểu Chánh vẫn giữ cái hậu của truyện, của tuồng : ơn đền oán trả, thưởng phạt phân minh.

Từ hát bội (tuồng Tàu) bước qua Cải lương, sân khấu vẫn giữ cái hậu ở màn cuối.

Từ truyện Tàu, bước qua Nguyễn Chánh Sắt, chuyển qua Hồ Biểu Chánh, ngành tiểu thuyết vẫn giữ cái hậu ở đoạn kết, như một vở tuồng. Do đó, độc giả và khán giả giữ thói

quen. Đôi khi một kết cuộc cụ thể ở màn chót, ở trang cuối. Tuồng cải lương hôm nay đã cải tiến về tranh cảnh, ngôn ngữ nhưng vẫn giữ phần kết cuộc « có thủy chung » để được ăn khách. Những người viết tiểu thuyết đăng nhật báo vẫn giữ thông lệ cũ. Trong hoàn cảnh xã hội xáo trộn, tìm một kết cuộc có thủy có chung là điều khó, gần như không hợp lý. Vào màn chót, nhân vật chánh phải tự tử, bị giết, ra tòa **đi nhờ công lý** xét soi hoặc vào chùa để mượn tiếng chuông **gọi thoát** ! Hoặc trở về gia đình, đoàn tụ nhờ một sự thay **đổi ngẫu nhiên**. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, tiểu thuyết đăng **nhật báo**, tuồng cải lương và luôn cả phim Ấn-độ cứ đứng **khựng** một chỗ hoặc thối lui, hoặc « tiến tới » trong cái vòng **lẩn quẩn** hèn chặt đó.

*

Người viết bài này không được cái diễm phúc thưởng thức trọn vẹn tài năng của Hồ Biểu Chánh. Phải là công chức, tiểu điền chủ, có chức và nhân rồi kia. Tiếc thay ! Năm mà chúng tôi **bắt đầu** biết thưởng thức tiểu thuyết xã hội thì nước nhà lại **bắt đầu** xáo trộn. Ấy là vào khoảng 1943, lúc ông Hồ Biểu Chánh chủ trương tạp chí Đại Việt. Chúng tôi đã thất vọng vì lúc **bấy giờ** ông làm chánh trị. Thực dân Pháp bắt buộc mọi người phải làm chánh trị để ứng hộ thông chế Bê-Te (Pétain), gây phong trào Pháp Việt Phục Hưng. Chúng tôi học ở trường Phan Thanh Giản Cần-thơ, suốt ngày so tập tiểu **đọc** đề biếu diển, đón rước quan khách ta và Tây trong khi ông Hồ Biểu Chánh đóng vai Phạm Quỳnh với một tờ Nam Phong nhỏ bé.

Chuyện xưa rồi, nhắc lại làm chi.

Chúng tôi **muốn** giữ niềm lạc quan: về hình thức, về hành văn, ngày nay chẳng còn sự phân biệt tiểu thuyết Nam và tiểu thuyết Bắc nữa. Người Bắc và người Nam đã vui vẻ

quen, đòi hỏi một kết cuộc cụ thể ở màn chót, ở trang cuối. Tuồng cải lương hôm nay đã cải tiến về tranh cảnh, ngôn ngữ nhưng vẫn giữ phần kết cuộc « có thủy chung » để được ăn khách. Những người viết tiểu thuyết đăng nhật báo vẫn giữ thông lệ cũ. Trong hoàn cảnh xã hội xáo trộn, tìm một kết cuộc có thủy có chung là điều khó, gần như không hợp lý. Vào màn chót, nhân vật chánh phải tự tử, bị giết, ra tòa để nhờ công lý xét soi hoặc vào chùa để mượn tiếng chuông giải thoát ! Hoặc trở về gia đình, đoàn tụ nhờ một sự thay đổi ngẫu nhiên. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, tiểu thuyết đăng nhật báo, tuồng cải lương và luôn cả phim Ấn-độ cứ đứng khựng một chỗ hoặc thối lui, hoặc « tiến tới » trong cái vòng lẩn quẩn bần chạp đó.

★

Người viết bài này không được cái điểm phúc thường thức trọn vẹn tài nghệ của Hồ Biểu Chánh. Phải là công chức, tiểu điền chủ, có chút ít nhân rồi kia. Tiếc thay ! Năm mà chúng tôi bắt đầu biết thưởng thức tiểu thuyết xã hội thì nước nhà lại bắt đầu xáo trộn. Ấy là vào khoảng 1943, lúc ông Hồ Biểu Chánh chủ trương tạp chí Đại Việt. Chúng tôi đã thất vọng vì lúc bấy giờ ông làm chánh trị. Thực dân Pháp bắt buộc mọi người phải làm chánh trị để ủng hộ thống chế Bê-Te (Pétain), gây phong trào Pháp Việt Phục Hưng. Chúng tôi học ở trường Phan Thanh Giản Cần-thơ, suốt ngày lo tập thể dục để biểu diễn, đón rước quan khách ta và Tây trong khi ông Hồ Biểu Chánh đóng vai Phạm Quỳnh với một tờ Nam Phong nhỏ bé.

Chuyện xưa rồi, nhắc lại làm chi.

Chúng tôi muốn giữ niềm lạc quan : về hình thức, về hành văn, ngày nay chẳng còn sự phân biệt tiểu thuyết Nam và tiểu thuyết Bắc nữa. Người Bắc và người Nam đã vui vẻ

dùng những tiếng lóng, tiếng trọ trẹ, tiếng đót dát để làm vui tươi cho câu văn. Chỉ có người Việt, làng văn Việt, chỉ có tiếng Việt mến yêu. Nếu muốn nhắc nhở đến động cơ đã thúc đẩy viết văn thì xin thành thật mà nói rằng: người viết bài này hồi ở nhà trường đã thích văn chương của mấy tiểu thuyết gia và thi sĩ đất Bắc, và chỉ đọc lai rai tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh.

Hồ Biểu Chánh là người tài hoa, cái tài của ông là chỗ biết « bắt mạch » độc giả, tạo cho ông một số độc giả trung thành. Ông đã mất và số độc giả ấy cũng đã mất, mặc dầu có người còn sống. Chúng tôi không đọc hết các tác phẩm của ông nhưng làm sao quên được vài đoạn thần tình thí dụ như: ông hương chức làng đi ngang qua trường học, hỏi bằng một giọng hách dịch « mấy giờ rồi, thầy giáo? » mặc dầu thầy giáo đang dạy học còn ông hương chức thì chỉ đi chơi. Hoặc ông cường hào ở nông thôn dắt đứa con vào lớp để mắng vồn và chửi xéo thầy giáo « Tao không cho mày học nữa, mày về nhà chăn trâu », đại khái như thế.

SƠN NAM

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MÙ SƯƠNG

tập truyện đầu tay

NGUYỄN XUÂN-HOÀNG

THỜI MỚI xuất bản

huỳnh-phạm-anh

ghi nhận

về hồ-biểu-chánh

I

HÀN ĐÃ QUYẾT ĐỊNH. HÀN SẼ ĐI. HÀN SẼ từ già những người hân yêu nhất đời, người mẹ thân như người chị dâu khổ cũng như người cha bình thân nằm dưới mộ đá, cũng như đứa con gái mười bảy tuổi người yêu của, hân. Hàn sẽ từ bỏ mái gia đình của người cha khác để đi bất cứ nơi nào lập nghiệp. Hàn sẽ kiếm tiền, hân phải có thật nhiều tiền để một ngày nào đó trở về, đem sung sướng cho mẹ, chị, người yêu : Tạo lại một mái gia đình khác. Hàn đưa tay chỉ vào miếu Bà, nói : « Qua thề có Bà trong miếu này làm chứng cho qua. Nếu qua bỏ em thì Bà vạ hòng qua chết, đừng để mạng qua ». Và hân đi với lời thề đó, lời thề khác ghi tâm hồn, lời thề khiến hân phải nhớ về, tìm cách quay về : hình ảnh những người thân yêu, hình ảnh một mái gia đình.

Người con trai nói trên đây là nhân vật trong một cuốn truyện Hồ Biểu Chánh. Tên hân ? Tên cuốn truyện ? Và sau lời thề đó hân đã làm những gì ? Hàn có đạt được ý nguyện không ? Hàn có trở về không ? Những câu hỏi bình thường có thể đặt ra ở bất cứ một độc giả bình thường

nao. Nhưng với Hồ Biểu Chánh, những câu hỏi tương tự sẽ hóa ra thừa thãi, vô ích. Bởi vì có thể câu trả lời đã có sẵn ngay khi câu hỏi đặt ra. Bởi vì có thể hầu hết tác phẩm của Hồ Biểu Chánh đã tạo nên một dòng duy nhất (Dòng truyện Hồ Biểu Chánh không thể vượt khỏi truyền thống cố định của nó. Phải nhìn nhận là chúng ta đã có hẳn một *truyền thống* Hồ Biểu Chánh. Bao nhiêu người đã tiếp tục truyền thống đó? Bao nhiêu người đã chỉ làm sáng cái tên Hồ Biểu Chánh mà chính họ vẫn không hay biết?). Người con trai thế thốt trước miếu Bà, hẳn có thể là nhân vật của bất cứ một cuốn truyện nào của Hồ Biểu Chánh. Người đọc có cảm tưởng khi tác giả đặt tên cho nhân vật mình (hay cho cả một cuốn truyện) đó chỉ là một cái cớ để thực hiện hay phát biểu một ước mơ, một dự phóng ở đời có tính cách *nền tảng* Nhân vật Hồ Biểu Chánh gặp nhau trong cùng một ý hướng trở về hay khát khao một mái nhà. Họ mang nặng tình cảm gia đình *ngoy trong sự chống kháng*. Họ hoài niệm, ao ước quay về mái nhà của họ mặc dù đó có thể chỉ là địa ngục, địa ngục mà họ đã từ bỏ do một bước lỡ lầm hay một sự xua đuổi khác nghiệt nào đó.

II

Hồ Biểu Chánh trước tiên là một người kể chuyện. Chuyện ông kể căn cứ vào một hoàn cảnh xã hội và lịch sử có thật, nền tảng sống của chính ông. Nó đơn giản, mộc mạc, hồn nhiên mặc dù không kém phần phong phú hay lôi cuốn. Nó không đòi hỏi ở chúng ta một tài năng suy tư hay cảm xúc lớn lao, sâu xa. Nó không cần tạo ở người đọc bất cứ một mặc cảm tri thức nào. Đừng bao giờ nghĩ rằng Hồ Biểu Chánh làm văn chương mặc dù đôi khi người ta nói một cách nguỵng ngịu về một thứ văn chương Hồ Biểu Chánh. Hồ Biểu Chánh vĩ đại không phải nhờ những câu văn ông viết ra. Ông không cần tới điều đó. Ông chỉ mượn ngôn ngữ để chuyển chở những câu chuyện đời. Ngôn ngữ Hồ Biểu Chánh chính là

lời nói, lời kể. Và lời nói, lời kể ở đây gần gũi với đời sống hơn hết. Nói cách khác, ngôn ngữ hy sinh cho thực tại cho câu chuyện. Người ta có thể thích Hồ Biểu Chánh mà không cần viện dẫn một lý do nào xa xôi. Đọc Hồ Biểu Chánh tức là sống chính những gì ông đã viết hay kể ra. Những nhân vật, những câu truyện kể của Hồ Biểu Chánh, tất cả tham dự vào dòng sống thật nhất, gần nhất, linh động nhất, tất cả chính là dòng sống giàu có đó. Chúng không ly kỳ, nổi bật hay sáng chói. Bởi đời sống giàu có mà đơn sơ. Tất cả mọi hình dung từ gán ghép cho nó chỉ có ý nghĩa một quyết đoán độc tôn : chúng thể hiện dự phóng của trí tuệ, của con người. Cho nên Hồ Biểu Chánh luôn kể chuyện với một giọng điệu bình thản. Về bình thản tuyệt đẹp của ca dao, của những lời ru em một buổi trưa nồng chẳng hạn. Ngay lúc Hồ Biểu Chánh phác họa một tấn bi kịch, về bình thản vẫn còn. Ta có thể gọi một thứ bi kịch không có sự bi thảm. Tác phẩm Hồ Biểu Chánh luôn dẫn người đọc tới một lối thoát, một trật tự rõ ràng, không ần ý, không huyền nhiệm, không phi lý. Người ta có thể nói tác giả quá dễ dãi. Người ta cũng có thể nói tác giả muốn trung thực với những hoàn cảnh sống mình đã chứng kiến và viết lại. Cuộc sống phát hiện dưới ngòi bút Hồ Biểu Chánh nhằm đạt gần tới mức độ tự tại của nó, nó hiện hữu chống lại ngôn ngữ mặc dù ngôn ngữ là cơ hội xuất hiện cho nó, nó hiện hữu chống lại tác giả chỉ vì tác giả đã vẽ nên nó quá sống thật. Hồ Biểu Chánh, người kể chuyện đời. Chuyện đời trăm ngàn bộ mặt do tác giả kể lại cho chúng ta hay tự chúng đang lên tiếng dưới ngòi bút tác giả? Đây là biên thùý giữa câu chuyện kể và lời kể câu chuyện? Phải chăng điều kiện tồn tại của câu chuyện kể chính là sự phủ nhận của chính lời kể, người kể. Phát biểu có nghĩa là phát biểu sự thật. Nhưng sự thật ngay khi được phát biểu đã chống lại sự phát biểu. Những câu chuyện kể của Hồ Biểu Chánh, chúng quán quít đâu đây. Chúng đeo đẳng người đọc. Chúng làm quen với người đọc. Chúng đi tìm một ràng buộc mật thiết với người đọc. Đọc Hồ Biểu Chánh tức là tham dự vào những câu chuyện kể đó, là phá bỏ khoảng cách để đạt tới một bầu

không khí *thân mật* không phải với tác giả mà với những gì tác giả nói. Tác giả không dẫn dắt người đọc đi quá xa. Có lẽ vì tác giả không có tham vọng nào quá lớn lao ngoài công việc mô tả, làm sống lại một tập thể xã hội, một hoàn cảnh sống, một giai đoạn lịch sử với những nền nếp, những niềm tin, những cách thức của nó. Hồ Biểu Chánh gần gũi chúng ta vì ông đã nói *đúng*, đã ghi nhận *xác thật*, ngay trong những chi tiết tỉ mỉ nhưng không kém phần thú vị, hình ảnh một xã hội trong giai đoạn trở mình của nó : những giằng co giữa cái mới và cái cũ, những cái nhìn phóng tới trước đồng thời những lưu luyến, những tiếc nhớ. Tác giả không ồn ào, không cực đoan, không quyết liệt khi bênh vực một giá trị cổ truyền (luân lý, tập quán...) cũng như khi đề cao những tư tưởng cấp tiến, tự do hấp thụ từ những xã hội bên ngoài. Vẫn một giọng trầm tĩnh của một chứng nhân từng trải, và nếu cần, một ông thầy đôn hậu.

III

Nhân vật Hồ Biểu Chánh ăn ở, tình tự, sinh hoạt... theo một chiều hướng nhất định, gần như bất buộc : cái thiện. Không có những tranh chấp gay go đến độ vô phương hàn gắn dù ngoại tại hay nội tại. Điều đó quá dễ hiểu : ở nhân vật Hồ Biểu Chánh, thông thường cái tốt, cái thiện, hoặc tiềm ẩn hoặc bộc lộ. Những kẻ lăm lặc sau cùng sẽ biết mình lăm lặc mà trở về. Những người cấp tiến thường hô hào tranh đấu cho cái mới đồng thời còn lưu giữ những tâm tình xưa cũ. Giữa những người đối kháng lẫn nhau hãy còn sự gần bó. Ta có thể nói không ngần ngại rằng Hồ Biểu Chánh đã vẽ những nhân vật mình, đã kể chuyện bằng tất cả tình thương hay sự rộng lượng. Con người do Hồ Biểu Chánh nhào nặn nên có thể cực đoan, nham hiểm, xấu xa, lăm lặc, sa ngã... nhưng họ chỉ chờ một cơ hội để trở thành một cá nhân ngoan ngoãn, một công dân xứng đáng. Bà Cả Kim trong quyển *Tại*

Tôi sau cùng đã buột miệng : « Tại tôi tất cả ». Cũng như thầy Bình, cũng như Cô Thỉnh trong *Lời Thề Trước Miếu* đã trở về. Cũng như bao « đứa con hoang » khác đã trở về dưới ngòi bút Hồ Biểu Chánh. Sách về Hồ Biểu Chánh là thể hiện cái thiện bao giờ cũng thắng. Nhân vật Hồ Biểu Chánh chỉ có thật trong cái tốt, ngoài ra là những cách chế hiện hữu giả tạo. Ở đây người kể chuyện vượt ngoài chính câu chuyện kể. Nói cách khác kể là xác nhận, là phủ quyết, là mình định một lập trường. Lập trường đạo đức của Hồ Biểu Chánh đơn giản và dứt khoát. Đó là : sự hiện hữu đương nhiên của giá trị đạo đức trong con người cũng như trong thế cuộc. Truyện Hồ Biểu Chánh được viết ra cũng như được đọc tới : **đó** là một giá trị đang lần lượt vén mờ, đang tìm cách khẳng định cho chính nó. Phủ nhận đạo đức, điều này vô ích vì **chính** nó lại sẽ tìm cách trở lại với chúng ta. Phải chăng **đó** là câu nói sau cùng của tác giả. Trong ý nghĩa đó phải chăng sách về Hồ Biểu Chánh chính là tiếng nói âm thầm nhưng **khẳng** quyết đang lên tiếng, đang nhắc nhở, đang làm sống lại một cái gì có thể đã lãng quên khuất mờ. Và cũng trong ý nghĩa **đó**, ta có thể nói Hồ Biểu Chánh là một người kể chuyện với **tất cả** lòng khoan dung và sự lạc quan. Hãy nghe Hồ Biểu Chánh phát biểu về công việc viết văn của mình : « Phải viết chớ. Viết **đặng** thỏa chí, viết **đặng** giải phiền, viết **đặng** bớt giận. Phải viết **đặng** ghi cái hay cái dở của nhơn tình thế thái, về khoảng đời trụy lạc mà để lại cho em cháu đời sau được biết chỗ thấp chỗ cao. Phải viết **đặng** giải nỗi u sầu của mình và luôn dịp **đặng** chỉ đường vạch nẻo cho con cháu trong nhà ngó thấy. » (đoạn mở đầu quyển *Rúc Thơm Hồi Hận*). Tác giả phát biểu tầm quan trọng của công việc mình làm một cách thẳng thắn, không chút mặc cảm, không chút lẩn tránh. Câu nói gói trọn một niềm tin đương nhiên, mãnh liệt ở vai trò sáng tạo của người viết truyện : sáng tạo một giá trị tinh thần làm mẫu mực cho kẻ khác. Người viết truyện trong ý nghĩa **đó** bắt buộc phải là một kẻ sáng suốt, đứng trên, là kẻ **đầu tiên** nhận thức giá trị, vai trò cũng như sứ mạng tốt đẹp của mình. Hồ Biểu Chánh, nhà đạo đức giữa chúng ta.

IV

Bằng ngôn ngữ thường ngày, bằng những đề tài linh động quen thuộc thấm nhuần một sử tính và xã hội tính sống thật, và nhất là bằng một bầu không khí tác giả tạo được bao trùm lên khắp dòng chữ có thể gây nên người ở người đọc một cảm xúc tức thì, cũng như bằng một ý hướng về giá trị đáng yêu, Hồ Biểu Chánh cần được xác định một địa vị riêng biệt trong nền văn học Việt-Nam. Cũng như mỗi lần chúng ta nhắc tới những Vũ Trọng Phụng, Lê Văn Trương v.v... Bởi Hồ Biểu Chánh là kẻ tiên phong, dĩ nhiên ở đây, cho một truyền thống mà ta đã không ngần ngại đặt tên cho nó : truyền thống Hồ Biểu Chánh. Đề trở lại với một ý nghĩ ở trên, ta có thể nói, về tạo nên truyền thống thường chính là kẻ giết chết truyền thống : điều này cho tới bây giờ thiết tưởng đúng với Hồ Biểu Chánh. Bao nhiêu người đã và còn tiếp tục con đường của ông, lối viết, lối kể, lối tả của ông, tuy nhiên, và đây cũng là một điều thảm hại vô cùng, người đọc chỉ thấy những bóng mờ, những bước đi quờ quạng hoặc giả những kích thước đầy gian trá. Có phải là cánh cửa đã khép lại sau Hồ Biểu Chánh ? Có phải là ngay khi người ta chọn một lối mòn, người ta đã chọn một lối lăm tai hại ? Không thể có hơn một trường hợp Hồ Biểu Chánh trong văn chương.

HUỲNH PHAN ANH

ĐÃ PHÁT HÀNH :

những bài ca tâm-thương

Thơ LÝ - MINH

HỒNG - LĨNH xuất bản

giá 15\$

Liên lạc : Ô. Hồ Đắc Tâm 236, Nguyễn Thiện Thuật, Sài-gòn.

đương nghiêm mậu từ đó đến nay

RỜI KHỎI QUÊ HƯƠNG, VÀO NAM CHẠM
 /mặt lần đầu tiên với Sài - gòn, khuôn mặt sinh hoạt những ngày
 đầu tiên của Hòn Ngọn Viễn Đông đã làm tôi đi từ những ngạc
 nhiên này đến ngạc nhiên khác, từ khung cảnh mông mênh của phi
 trường Tân Sơn Nhất ; con đường rộng đưa vào khu dân cư đông
 đúc tới câu hỏi : ngoài ấy độc lập rồi còn vào đây làm gì ; cuộc tìm
 kiếm người nhà tại Bàn-cờ trở thành vô ích ; hình ảnh những người
 ngủ trên những mui xe hàng, trên lề phố, trong khu bến xe Ngã
 Sáu ; những quán nước, cà-phê không góc phố nào không có ;
 những quán ăn trên lề đường không quán nào không đông khách
 hàng ; hàng đậu đỏ bánh lọc ; xe nước mía ; giá sinh hoạt thật thấp ;
 tiếng nói ngọt ngào ; những con đường mang những tên Tây khó
 nhớ... Tôi chưa quên những ngày đầu tiên ngắn ngủi ấy của Sài-
 gòn trước khi ra miền Trung sinh sống... Thời gian trôi qua, cách
 nhau hai năm trở lại Sài-gòn, những sinh hoạt ngày nào tôi đã
 thấy có phần đổi khác. Con đường cao ngất những đồng rác của
 xóm Oọc không còn nữa ; những nét mới đã xuất hiện trong sự lớn
 rộng của thủ đô miền Nam. Bây giờ tôi đã thấy những hàng chữ
 Nguyễn Du, Lê Lợi, Đoàn thị Điểm, Trương Minh Giảng, Công Lý...
 treo trên những góc đường. Tôi về sống tại con đường Trương
 Minh Giảng nối dài, trong một cư xá dành cho những nạn nhân
 của vụ biến động Bình Xuyên hồi năm trước, khu cư xá thường

được gọi là cư xá hỏa hoạn. Thời gian ấy tôi thường đi dạo trên một con đường nối liền từ cổng xe lửa số sáu sang đường Trương Tấn Bửu bây giờ, con đường nhựa vắng xe, hai bên đường là những hàng tre rậm rạp ngả bóng mát che kín cả con đường, phía trong đó thấp thoáng những căn nhà cũ thấp, mái ngói bên cạnh những ngôi mộ cổ, cùng những khoảng vườn hoang cỏ dại. Trên con đường ấy, với những người bạn, những mộng tưởng... Bây giờ nhiều lúc tôi vẫn tự hỏi những người bạn năm xưa có còn nhớ tới con đường thơ mộng ấy, có còn nhớ những mộng tưởng ngày nào ..

Đã mười năm trôi qua, con đường tôi ở, con đường tôi ngang qua mỗi ngày trên những chiếc xe buýt vàng, rồi trên những chiếc xe lam. Sự thay đổi của phương diện di chuyển đó là cả một thay đổi, cả một hành trình biến dạng của cuộc sống trên con đường tôi đã ở. Những đồng rác, hơi hám cao ngất ngự trị ngày nào nay đã được thay thế bởi những căn nhà lầu cao ngất, sinh hoạt buồn tẻ ngày nào nay đã được thay thế bởi cuộc sống phồn thịnh hơn, những căn nhà mới liên tiếp mọc lên, con đường mở rộng mãi ra cho tới mức không mở rộng được nữa. Trở lại Sài-gòn, tôi cũng lại đi dạo trên con đường nhỏ rợp bóng tre khi xưa, nay nó mang tên Nguyễn Huỳnh Đức, nhưng nay tôi không còn những người bạn cũ ; con đường cũng không còn hàng tre rợp mát ; không còn vẻ yên tĩnh thơ mộng ; những căn nhà lầu đã mọc lên lấn mất những ngôi nhà cũ, những ngôi mộ ; con đường nhựa phẳng nay đầy những hố lồi ; con đường hẻm Hồ Biểu Chánh bắt đầu từ ngoài đường Cách Mạng ngang qua đường Nguyễn Huỳnh Đức thì vẫn còn đó nhưng có thêm một quán nhậu mỗi lúc một nổi tiếng về món cá trui, tôm nướng... những món nhậu đặc biệt miền Nam và nó cũng có một tên gọi thật miền Nam, thật đơn giản, đó là Quán Lá.

Quán Lá, chính tại ngôi quán đó, ngồi giữa những người bạn thiết bên những chai ia-de lạnh, trước mặt là những con tôm cháy vỏ, đĩa rau tươi, những khứa khóm vàng, những lát khế chua, chuối chát, dưa leo và mắm nêm cùng với không khí ồn ào những lời chửi thề hồn nhiên, những câu truyện đầy ắp tiếng cười... tôi được biết tại sao tên Hồ Biểu Chánh lại được đặt cho con đường hẻm nhỏ bé, khiêm tốn đó, chính tại đây, cách Quán Lá không bao

xa, phía trước mặt sau một vài căn nhà, sau vài lùm cây là biệt thự Hồ Biểu Chánh, nơi Hồ Biểu Chánh đã sống và qua đời tại đó. Bây giờ nhớ lại tôi nghĩ nếu không tới đó trong một lần nhậu nhẹt thì nào tôi có biết đâu chính tại đó, trong khu nhà yên tĩnh, trong con đường thường qua lại đó đã là nơi Hồ Biểu Chánh đã sống, đã viết và đã chết. Tôi lại nhớ tới việc xảy ra tại những nước Tây phương người ta lập những viện bảo tàng ngay nơi cư trú của những nghệ sĩ, danh nhân khi đã quá cố, lấy nó làm nơi hành hương cho những người về sau nhớ về người nghìn năm... trước...

Hồ Biểu Chánh, ba tiếng ấy không lạ. Tôi đã đọc tiểu thuyết của ông cách đây mười mấy năm trời, khi còn theo học những lớp đầu tiên bậc trung học ở Hà-nội. Nhắc đến Hồ Biểu Chánh, nhắc đến hồi đọc lần đầu tiểu thuyết của ông tôi không quên quán cho thuê sách nơi ngoài chợ Đồng Xuân, chính tại cái quán đầu dãy này tôi đã mua những tập mỏng mười sáu trang một đồng truyện *Tam Quốc Chí*, *Tây Hán Đê* đọc một cách say mê... cũng tại đó tôi đã thuê truyện của Hồ Biểu Chánh... Rồi trong nhiều hoàn cảnh khác tôi lần lượt đọc những tiểu thuyết của ông. Sau này, có một thời gian, tôi đã dành thì giờ để đọc lại những gì đã đọc, đọc những gì chưa đọc với mục đích tìm hiểu, những khởi đầu của nền văn học ta, tìm hiểu những đặc tính miền Nam, quê hương thứ hai tôi yêu dấu. Quê hương miền Nam, con người, văn chương mở ra cho tôi những bàng hoàng không ít. Cuộc sống nơi những vùng sinh lầy hoang vu, trong kinh rạch quẹo rẽ tôi, tôi không bỏ một cơ hội nào để tới những nơi đó...

Với tấm lòng ấy, tôi viết lại dưới đây những ghi chép, những ý nghĩ tôi có, những nhận xét tôi thấy trong khi đọc một số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Cũng vì thế, bài viết như một nhớ ơn, nhớ ơn những người đã để lại cho chúng ta những di sản lớn...

Bước khởi hành của nền văn chương quốc ngữ có thể nói là ở miền Nam, những viên gạch đầu tiên do những chiến sĩ tiên phong Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của đặt đề và sau đó phải kể tới Hồ Biểu Chánh. Tờ báo đầu tiên, cuốn sách đầu tiên được sắp bằng chữ quốc ngữ, in ra và phổ biến xuất hiện tại miền Nam. Rồi từ đó mới tiến dần ra miền Bắc và tại đây nó được trau chuốt, tài bồi và trưởng thành mau chóng...

Đọc lại những tiểu thuyết viết từ buổi đầu của Hồ Biểu Chánh rồi đem so với những tác phẩm sau đó không lâu xuất hiện tại miền Bắc chúng ta đã có thể thấy những bước đi của văn xuôi. Điều làm tôi ngạc nhiên là Hồ Biểu Chánh từ những cuốn đầu tới những cuốn chót — ông làm việc không ngừng trong vòng ba mươi năm, thời gian dài nhất của một nhà văn Việt-Nam có được với sức dẻo dai của mình — với Hồ Biểu Chánh chúng ta không thấy gì khác biệt. Văn giọng mộc mạc đơn giản nhiều khi đến đơn sơ, văn cốt truyện được kể ra một cách thơ ngây, văn cách kết cấu đầy nhân nghĩa, có hậu, cũng từ đó luôn luôn toát ra một vẻ quyến rũ mộc mạc hợp với những tâm hồn bình dân đơn giản. Đối với một nhà văn như Nhất Linh hay Khái Hưng từ tác phẩm đầu tới những tác phẩm sau chúng ta có thể nhận thấy rõ những thay đổi. Từ *Nhỏ Phong* tới *Đôi Bạn*, *Bướm Trắng*; tới *Hồn Bướm Mơ Tiên*, tới *Bản Khoán* là cả một biến đổi, khác biệt của nghệ thuật và tư tưởng tác giả.

Trong vòng ba mươi năm cầm bút liên tục của Hồ Biểu Chánh trong xã hội ta không biết bao nhiêu sự kiện lớn lao, những vấn đề đặt ra, ghi dấu trong văn chương một cách hết sức đậm đà. Nào là tranh chấp mới cũ, sự có mặt của một lớp người lãnh đạo mới trong xã hội, những cái xấu và đẹp do nền văn minh Tây phương mang đến... những người cầm bút vào khoảng thời gian ấy, đa số không ít thì nhiều đã thay đổi những quan niệm của mình để gia nhập vào dòng sống thời thức. Nhưng với Hồ Biểu Chánh thì chừng như không. Tiểu thuyết của ông lúc nào cũng bày tỏ một quan niệm độc nhất, quan niệm của một môn sinh trung kiên của cửa Khổng và thêm vào đó quan niệm của một người bình dân Việt-Nam trong cuộc sống. Ông vẫn sống vào hàng ngũ những người bảo thủ

lạc quan, **nhất** văn của một đa số bình dân trong một xã hội nhất định.

Chưa nói đến nội dung những tiểu thuyết của họ Hồ, chỉ cần đọc những tên truyện như : *Một Chữ Tình*, *Lời Thề Trước Miếu*, *Bức Thư Hối Hận*, *Vì Nghĩa Vì Tình*, *Sống Thác Vì Tình*, *Đỗ Nương Nương Báo Oán*... chúng ta đã thấy phần nào những điều Hồ Biểu Chánh muốn viết ra, cũng là số người đọc ông muốn nhắm tới. Đối với Hồ Biểu Chánh cũng như số lớn những nhà cựu học gây dựng nền văn chương quốc ngữ của ta thời phôi thai, mục đích cầm bút viết văn thật là rõ ràng, mục đích không cần xác định bằng những tuyên ngôn, nó nằm ngay trong những tác phẩm. Văn chương ở đây luôn luôn là phương tiện nhằm chuyên chở, quảng bá đạo lý, thiện báo giờ cũng thẳng ác, kẻ làm lành, làm phải sau bao nhiêu gian truân khổ ải **được đến bờ**, người ham oan được thoát tội, kẻ làm ác phải sống **nhục, chết thảm**. Tất cả luôn luôn là một bài học dạy đời.

Bài học luân lý luôn luôn được ông đặt vào lời nói của những nhân vật. Để khuyên một người học trò vì hoàn cảnh phải thôi học thì Hồ Biểu Chánh đặt vào lời ông giáo :

Bạn phải suy nghĩ lại. Thà làm một nông phu biết đạo nghĩa, có liêm sỉ hơn là một danh môn mà lòng ó trược, óc hư mục (...) ở đời phải giữ tâm chí cho thanh cao, giữ tánh tình cho ngay thẳng, dần dần tên dần cũng quý, chẳng luận là làm ông gì... hay dở ở chỗ đó, ở tâm chí ở tánh tình, chứ không phải ở địa vị .. (trang 48)

Với căn bản đó cuốn *Mé Ghê Con Ghê* đã được viết ra. Đứa con ghê tên Phan Văn Quý, đã cố gắng lập thân thành người : học hành đỗ đạt nhờ sự giúp đỡ của một người Pháp, sửa trị và mang người di ghê trở về thành một người tốt, giúp em thành người, dùng tiền bạc vào công tác xã hội : lập viện cô nhi, cấp học bổng cho thanh niên hiếu học thành tài.

Làm một người biết đạo nghĩa có liêm sỉ thì nhân vật Ông Cử của tác phẩm cùng mang tên này đã làm sáng tỏ hơn nữa bằng chính cuộc sống của ông. Xuất thân là một cai tổng giàu có nhưng gặp vợ là một người bất nhân lương gặt hết tài sản, xé hôn thú rồi mang con đi lấy một người chồng có địa vị tiền tài. Ông Cử

thay họ, đổi tên lên Sài-gòn làm một người thợ sơn giúp đỡ người nghèo, lấy đức mà khuyên răn đám dân lao động thiếu học. Người ta mang tiền ra mua chữ ký của ông vào tờ hôn thú của đứa con gái, dù nghèo ông vẫn một mực chỉ muốn biết người con rề có xứng đáng hay không. Ông từ chối sự trả ơn của cô đào cải lương Sáu Hảo dành cho ông. Sau chót nữa được con gái và con rề muốn báo hiếu ông cũng từ chối đề chọn cửa thiền làm nơi gửi thân. Trong cuốn *Ông Cử* chúng ta gặp không ít những giọng nói mạnh mẽ đánh thép nói về nhân phẩm và liêm sỉ như: *"Tôi nghèo chứ nhân phẩm của tôi còn cao lắm, cái liêm sỉ của tôi vẫn còn nguyên. Tôi có phải như họ, hễ gặp dịp thì bỏ nhân phẩm, bỏ liêm sỉ hết, mà cũng không biết xấu hổ vậy đâu (Ông Cử trang 58)"*

Rồi cuộc đời của chàng nông dân Lê văn Đò trong *Ngon Cổ Gió Đùa* muốn cứu mẹ, chị dâu, các cháu khỏi chết đói mà đi ăn trộm một trà cám heo, vào tù ra khám gian truân không biết sao mà nói. Nhưng với thiện tâm của một nông dân, sau cùng Lê văn Đò đã mỉm cười nhắm mắt qua đời..

Trên một phương diện khác, phương diện ái tình, Hồ Biểu Chánh đã viết *Dây Oan*. Cỗ Đăng có chồng rồi lại tăng tịu với người tình cũ. Đến cảnh huống ấy họ Hồ đặt bút than: *"vì cái tình mà bao nhiêu chánh trực, bao nhiêu đạo đức đều tan rã hết (trang 153)"*. Chỉ một câu ngắn ngủi đó cũng đủ cho ta thấy quan niệm của ông ra sao.

Trong nhiều trường hợp khác, rải rác trong những tác phẩm ngoài những lời khuyên răn với tinh thần của nhà nho, Hồ Biểu Chánh còn có những lời khuyên răn lấy tinh thần của nhà Phật. Trong tiểu thuyết của họ Hồ có mặt những vị chân tu, có người sau chót đã chọn cửa thiền làm nơi dừng chân của đời mình, tham, sân si, được mang ra răn dạy, lẽ thiện ác được mang ra so sánh... Trong mọi trường hợp kết lại cho ta thấy rằng tư tưởng của Hồ Biểu Chánh là tư tưởng của một người Việt-Nam, hay rõ hơn của một người bình dân Việt-Nam.

Hồ Biểu Chánh, một môn sinh trung kiên của cửa Khổng, nhà văn của người bình dân Việt-Nam. Nói như thế không có nghĩa Hồ

Biểu Chánh là một người lạc hậu, với những chủ trương khe khắt của Khổng giáo trong quan niệm nhân sinh. Qua cuốn *Ngọn Cỏ Gió Đùa*, ông đã không cho việc làm của Lê Văn Khôi là quấy, ông không còn giữ cái quan niệm trung quân hẹp hòi của nhiều Nho sĩ trước, cho trung quân chỉ được xem như trung với một ông vua, một dòng họ, mà chữ trung được coi như trung với quê hương tổ quốc, chỉ hành động vì lẽ phải, theo con đường chính đạo. Trong cuốn *Đỗ Nương Nương Báo Oán* ông cũng đã đưa ra những người không vì vua, vì một dòng họ mà hành động. Họ hành động là để giữ mình đất họ đã sống, thấy người lãnh đạo quấy không thì dứt thì bỏ đi, thấy người giỏi thì tòng phục theo phò... Điều này đồng thời còn để ta thấy rằng: qua tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, chúng ta còn tìm thấy đặc tính của người miền Nam. Cái đặc tính của một vùng đất đai mới mẻ ở mãi phía cực nam khiến cho ảnh hưởng của Nho giáo không nặng nề như tại miền Bắc hay Trung; Phật giáo cũng có một vị trí trong ngay những người có Nho học. Không chịu ảnh hưởng nặng nề của văn minh Trung-Hoa, tiếp nhận văn minh Ấn-Đô qua ngã Cao-Mên, hấp thu phần nào văn minh Chăm và những người trôi giạt đến lập nghiệp trong vùng hoang vu sinh lầy, người sinh trưởng tại miền nam đó đây có một tâm hồn cởi mở, nồng nàn, rộng rãi như đồng ruộng bao la: trong sáng, thanh thản như những kinh rạch êm đềm, nồng nậy như khi bầu nhiệt đới hai mùa mưa nắng... Từ đó luôn luôn toát ra tinh thần quốc gia nồng nhiệt. Trong *Đỗ Nương Nương Báo Oán* Hồ Biểu Chánh viết:

— Mấy ông nhờ cái gì mà un đúc được tinh thần quốc gia, biết thương nước thương dân? Không phải nhờ vua chúa hay sao?

— Không. Không phải vậy... Chúng tôi sanh trưởng trong đất Gia Định là vùng ông cha của chúng tôi liêu xương máu mà chiếm cứ, rồi rưới mồ hôi nước mắt mà khai thác. Chúng tôi nhờ hy sinh với công lao của tổ tiên mà nung đúc tinh thần quốc gia, thương đất nước thương giống nòi, chứ có nhờ cái gì khác đâu.

— Bây giờ ông hiểu tâm hồn người Gia Định hay chưa?

— Hiểu rồi.

— Ủ, ở đây mọi người đều như vậy hết thấy. Có cái gì trong bụng thì trút ra hết, không thêm giấu giếm vì ghét cái thói phách lối láo xược, giả dối, bợ đỡ... (tr 158-159)

Trong Đ.N.N.B.O. chúng ta đã thấy Đỗ Thành Nhân nổi lên cùng hào kiệt đất Gia-định mà làm thành một chiến khu ở Ba Giồng với đoàn nghĩa binh Đông-sơn. chúng ta cũng thấy việc Lê Văn Khôi vì thấy sự bất bằng mà chiếm lấy Phan-thành hay sau đó Đoàn Hùng nổi lên chiếm cứ một vùng. . . Từ trong truyền thống miền Nam có sẵn một tâm hồn hào hiệp, cái hào hiệp của Lục Vân Tiên giữa đường thấy sự bất bằng chẳng tha đó cho mãi đến sau này vẫn còn. còn trong đời sống như Năm Lửa, Ba Cụt, Trịnh Minh Thế, Nguyễn Bình...trong cuộc toàn dân kháng Pháp, ngay trong đời sống thường nhật của mỗi người dân, và nó cũng xuất hiện trở lại trong những tiểu thuyết, nhưng cái tinh thần hào hiệp chỉ còn là tinh thần anh chị, tôi muốn nói đến Bảy Núi, một nhân vật của Lê Xuyên trong *Kinh Cầu Muống*.

Cũng là người Việt, nhưng mỗi miền do đất đai, thiên nhiên, do những giai đoạn lịch sử nó trải qua, do sự kết hợp của những nếp sống, do văn minh nó chịu ảnh hưởng...nhiều sự kiện đã khiến cho người Việt sống trong mỗi địa phương có những cá tính đặc biệt.

Vào Nam năm 1954 tôi đã có nhiều cơ hội đi từ Trung đến Nam, những chuyến đi ấy khiến tôi nhận ra giữa một nếp sống miền Bắc khác một nếp sống miền Nam hay Trung ra sao. Có một điều chắc chắn, những thôn ấp miền Nam quyến rũ tôi không ít. không phải chỉ riêng sông rạch, ruộng vườn đáng yêu, những con người miền Nam cũng đáng yêu, đáng yêu ở nơi sự chất phác, hào sảng, đơn giản, thẳng thắn, hiếu khách, không hình thức lễ nghi ràng buộc một cách khe khắt. Cái tinh thần bao dung, rộng rãi đó hiện ra từ những lối đi, những bờ rào sơ sài, những ngôi nhà kiến trúc đơn giản như mở ra, những vườn cây trái không sắp xếp cho đến cách ăn mặc, câu nói, đãi khách, xưng hô...trong đó, tự nó có một trật tự hồn nhiên. Với một tấm lòng, đến bất cứ nơi đâu trong vùng sông Cửu chúng ta cũng gặp được những tri âm hào sảng một cách dễ dàng.

Thực tế ấy giúp tôi không còn ngạc nhiên, trong nhiều trường hợp khi đọc, những tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Có thể nói không một người viết tiểu thuyết nào trong thời gian trước đây không mang vào trong tác phẩm những viên quan lại tàn ác, những sai nha hống hách hung tợn và bên đó những ông Tây thực dân, những kẻ cướp vợ người, hiếp dâm, những kẻ mang rượu lậu, truyền đơn bỏ vào nhà người dân lành mà bắt bỏ tù. Bên cạnh đó, trong đời sống Việt-Nam thì đầy những người già cả lạc hậu, ác đức, những thanh niên thời mới hưng hăng, nhi nhô truy lạc, phá phách... Trong gia đình Việt-Nam đầy những thảm kịch, trong xã hội Việt-Nam đầy những bất công, nhà tù... Trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh cũng có những điều đó, nhưng nó không có cái màu sắc đen tối bi đát, không có những thảm kịch được viết ra. Với ông cái gì cũng được làm nhẹ đi, hoặc làm tốt ra. Oan ức, đau khổ nào bằng cuộc đời của Lê Văn Đố, Lý Ánh Nguyệt và bao nhiêu người khác trong cuốn *Ngọn Cỏ Gió Đùa* nhưng cho đến khi đọc xong, gấp cuốn sách lại chúng ta thấy yên tâm, dễ chịu vì mọi đau khổ, oan ức chừng như đều đã được giải quyết thỏa đáng, không còn là vấn đề đặt ra cho chúng ta. Đây là đoạn Hồ Biểu Chánh tả lại một cảnh mà tôi nghĩ là đau thương nhất trong những tác phẩm của ông:

Tên Đố nghe tên Thiệt thuật chuyện rồi, nó không tỏ dấu thương xót tên Thiệt, mà cũng không trách quan xử oan ức. Nó ngồi châu mày lặng thinh bộ như suy nghĩ chuyện gì đó vậy. Cách một hồi lâu nó mới nói rằng: « Không biết năm nay má tôi còn đau hay không? Còn chị tôi làm giống gì mà nuôi sắp nhỏ. »

Tên Đố nghe mấy lời ấy, thì nó dụi mình trợn mắt, dường như ai đem bức tranh gia đình buồn thảm ngày xưa mà treo trước mặt, nên nó vụt đứng dậy, vung hai cánh tay rồi nói lớn rằng: « Má tôi chết má tôi chết liền hồi đó!... Mấy đứa cháu tôi đói quá nên cũng chết, trời ơi ». Nó nói có bao nhiêu đó rồi té ngửa nằm dài dưới đất, tay chân run bầy bầy... (N.C.G.Đ. trang-25)

Với một sự việc như thế, tôi nghĩ, với một tác giả khác chắc hẳn không chỉ được nói đến một cách đơn giản như vậy.

Qua những tác phẩm của Hồ Biểu Chánh ta không thể nghi ngờ về tinh thần quốc gia ông có, một lòng ái quốc nhiệt thành, các thanh niên bao giờ cũng nhận được những lời khuyên nòng nòng nhiệt để trở thành những công dân tốt, giúp ích xã hội. Dù vậy ông không phải là một người quá khích bài ngoại. Trong tiểu thuyết của ông những thanh niên Tây học thường là những người rất biết lễ giáo Việt-Nam. Không những thế ông còn xây dựng lên nhân vật ông Tây La-co trong *Mẹ Ghẻ Con Ghẻ* là một người rất đẹp, rất tốt, mang cả sản nghiệp mình có giao cho một người con nuôi thực hiện những công tác xã hội giúp người Việt-Nam.

Với một quan niệm về cuộc đời tốt như thế nên bất cứ tác phẩm nào của Hồ Biểu Chánh cũng có một kết luận tốt, một nụ cười nở ra, một khép lại viên mãn, không bao giờ ta gặp một lời gào thét, một kết án, một kêu gọi gửi đến người đọc. Mọi chuyện đến đó là xong, là hết. Cái nhìn của Hồ Biểu Chánh đối với con người, xã hội là một cái nhìn lạc quan, bao dung, cởi mở. Đó là một đặc tính của tâm hồn miền Nam, đặc tính này chúng ta còn thấy nơi những người viết tiểu thuyết sau này như Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh...

*

Trong khi bắt đầu sửa chữa một tác phẩm cách đây vài năm, tập truyện viết về cuộc sống của những người miền Bắc vào Nam sau biến cố chia đôi đất nước hồi 1954, trong tập truyện đó có những người miền Nam và miền Bắc chung sống, sinh hoạt với nhau. Đọc lại tôi thấy những đối thoại dành cho những nhân vật người Nam không được tự nhiên, nhiều khi khôi hài gượng gạo và nhất là nó không thật, không sống. Sửa đi sửa lại tôi vẫn không sao bắt được cái cách nói hồn nhiên đặc biệt, cái lối nói lấp lửng trong một âm điệu thật mềm, thật ngọt của nó. Dù đã cố gắng nghe, sống, ghi nhớ tôi vẫn không sao viết được những đối thoại có thể chấp nhận được, nói theo một anh bạn, nó vẫn thối ra một cọng rau muống dài thông. Sự kiện này tôi còn thấy trong nhiều tác giả sinh trưởng tại miền Bắc khi viết về những nhân vật miền Nam, trong

những trường hợp dù đã được viết một cách thật khéo vẫn lộ ra những tí vết.

Tìm đến những tác giả sinh trưởng tại miền Nam từ Hồ Biểu Chánh qua Vita, Phi Vân, Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, Sơn Nam... thì bất cứ tác giả nào cũng sử dụng được những đối thoại với đặc tính của lối nói miền Nam một cách tài tình, nhất là với Lê Xuyên trong thời gian gần đây, đối thoại thì nghệ thuật của Lê Xuyên thật không ai sánh được.

Nói đến điều này tôi muốn nói đến một điều khác quan trọng hơn : trong nền văn chương miền Nam, nói riêng về văn xuôi, nếu lấy Hồ Biểu Chánh làm mốc khởi đầu cho tới ngày nay, chúng ta thấy rõ ràng nó đã tiến những bước thật dài, thật lớn lao. Cái dài, dòng, được thay thế bằng cô đọng, trau trốt. Cái đơn giản ngây ngô đã được thay thế bằng tinh tế, chính xác... nhưng vẫn còn nguyên vẹn đó cái cá tính đặc biệt của miền Nam từ ngôn ngữ cho tới cách dựng một tác phẩm. Chính nó làm bật rõ và phong phú cho nền văn học của chúng ta. Trong văn Hồ Biểu Chánh không thiếu gì những chữ thừa, những chi tiết không cần thiết, ông đã kể hơn là tả, ông đã dành lấy quyền nói hết ra hơn là để cho sự việc nhân vật, cảnh huống làm bật rõ ý muốn của mình.

Tôi xin trích mấy câu của Hồ Biểu Chánh tả nàng Lý Ánh Nguyệt để thấy phần nào kỹ thuật của ông, lối tả này sau ông không còn ai viết nữa :

Nàng mặc quần áo vải đen nhưng mà tướng đi đứng dịu dàng, nên người ta thấy còn muốn ngó hơn là gái mặc sô sa gấm nhện. Nàng để đầu trần, tóc vuốt mà bời chớ không cần lược, nhưng mà mái tóc nàng xấp xải hai bên tang, đầu tóc nàng xụ xộp, đứng sau ót, làm cho chiều lả lơi pha lộn với vẻ hữu tình. Mặt nàng không dôi phấn mà trắng hồng hồng, môi nàng không thoa son mà ửng đỏ đỏ, hàm răng nàng khít khao mà lại trắng trong, chân mày nàng cong vòng mà lại nhỏ mức, ngón tay nàng dài mà nhọn như mũi viết, lại thêm phao hồng hồng, ngón tay suôn đuột nên đánh đòn xa coi dịu nhều... (NCGĐ-trang 85-86)

Nhưng qua đến Vita trong *Mây Ngàn*, Phi Vân trong *Đồng*

Quê thì văn xuôi đã biến đổi, chúng ta đã thấy những mô tả khéo léo, bay bướm. Qua đến Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Ngọc Linh v...v thì từ hình thức của tác phẩm, ngôn ngữ được sử dụng, và nội dung đã làm thành những nghệ phẩm giá trị. Chúng ta đã có những truyện ngắn thật sâu sắc về nội dung và thật hoàn mỹ về hình thức, tôi muốn nói đến những truyện ngắn trong các tập *Nhốt Gló*, *Ký Thực* của Bình Nguyên Lộc, *Hương Rừng Cà-Mâu* của Sơn Nam...

Nói đến một diễn trình của văn xuôi miền Nam, chúng ta đã nói đến những tiền bối của nó, nhưng không phải Hồ Biểu Chánh chỉ có mỗi một giá trị độc nhất ở nơi địa vị tiên phong. Những tác phẩm của ông vẫn có những giá trị riêng. Ông đã để lại những tác phẩm làm lộ rõ biệt tài kể chuyện lôi cuốn, những đoạn văn tự nhiên, khỏe khoắn, những mô tả xác thực nhưng tài tình bay bướm lột tả được khung cảnh, con người của một thời đại. Chúng ta cũng không thể quên được tài phóng tác của ông. Đọc *Ngon Cổ Gló Đùa*, *Chúa Tàu Kim Quy*... chúng ta nào nghĩ được nó là một truyện phóng tác, ông mượn cốt truyện nhưng ông đã thổi vào đó một hơi thở Việt-Nam thật đậm đà, sống động. Điều đó ai có thể chối cãi được?

Nói đến số lượng tác phẩm của các tác giả Việt-Nam chúng ta nghĩ ngay tới Lê Văn Trương và Hồ Biểu Chánh... Nói chung những nhà văn miền Nam, từ những tác giả làm nghệ thuật đích thực cho tới những tác giả viết văn chỉ với mỗi một mục đích duy nhất: cung ứng món giải trí cho quần chúng bình dân, ai cũng có một số lượng tác phẩm đáng kể. Không những thế, mỗi tác giả lại không chỉ dừng một loại nào, một số đề tài nào nhất định. Bình Nguyên Lộc đang rí ròm với những mẫu truyện tình, đang phóng bút trên những bức tranh xã hội thì cũng có thể dừng lại làm một bài thơ, kể một câu chuyện ma quái. Sơn Nam đang dẫn chúng ta trở lại không khí hoang vu, đưa chúng ta đến những vùng đất mới thì ông cũng có thể ngừng lại nói tới thú chơi cây cảnh, tìm đồ cổ, làm thơ... Hồ Biểu Chánh cũng vậy: ông làm thơ; viết cáo luận; truyện thì dài có, vừa có, ngắn có, có truyện bình thường, có truyện ông gọi là truyện trái đời; chưa đủ, ông viết truyện dã sử, truyện phiêu lưu, tưởng cái lương... Cái gì ông cũng cho ngòi bút ông đặt tới. Sự phong phú

của những tác giả sinh trưởng tại miền Đông-nai không những chỉ ở số lượng nhiều mà còn cả trong thời gian làm việc. Lê Văn Trương chỉ viết tới một khoảng thời gian nào đó rồi buông bút không tiếp tục được nữa. Trương Vĩnh Ký đã viết đủ loại, rất nhiều và cho mãi tới khi đã già. Hồ Biểu Chánh viết từ 1912 mà cho mãi tới khi ông mất 1957 ông vẫn còn viết, trước sau vẫn một phong độ, trong gần bốn mươi năm vẫn còn yêu thích cầm ngòi bút trên tay. Với đời sống ông có chúng ta thấy rằng chỉ có yêu mến chứ không vì một lý do nào khác khiến ông tiếp tục công việc. Thái độ ấy, sức **ngay** **ky** **tưởng** cũng là một điều hiếm có trong số những người cầm **bút** **tiền** **phong** của nền văn học chúng ta.

Viết về Hồ Biểu Chánh, thật tôi không có gì nhiều để viết về ông, tôi ra đời tại miền Bắc sau hàng mười năm khi những tác phẩm của ông ra đời tại miền Nam, tôi không có tài liệu gì về ông ngoài một số tiểu thuyết tôi được đọc. Về thân thế ông tôi cũng chỉ được biết một cách thiếu sót. Tôi thấy thật đáng tiếc là mãi cho tới nay, sau một thời gian khá lâu kể từ khi Hồ Biểu Chánh qua đời chúng ta vẫn không thấy có một tác phẩm nào nghiên cứu về thân thế và sự nghiệp của ông một cách đầy đủ, một công việc thật cần thiết giúp cho những người sinh trưởng về sau học ông và dễ dàng tìm đến một thời đại văn chương khi chữ quốc ngữ còn ở trong thời phôi thai.

Viết về Hồ Biểu Chánh, trong cuốn *Nhà Văn Hiện Đại*, Vũ Ngọc Phan đã viết về ông một vài trang ít ỏi, nó không nói được bao nhiêu về thân thế và sự nghiệp của một người đã đóng góp không nhỏ cho văn học. Tôi trông đợi những nhà nghiên cứu văn học nghệ thuật, những nhà văn học sử nặng lòng với công nghiệp của tiền nhân sẽ đem đến cho chúng ta những tác phẩm viết về Hồ Biểu Chánh một cách đầy đủ, công phu, xác định vị trí của Hồ Biểu Chánh trong lịch sử văn học thời kỳ văn chương quốc ngữ khởi đầu cuộc hành trình của nó cho có được ngày nay.

DƯƠNG-NGHIÊM-MÀU

đông-hồ

HỒ BIỂU CHÁNH :

nhà văn bạch thoại miền nam

HỒI NĂM 1932. TRÚC HÀ TRONG NHÓM TRÍ-
đức-học-xá ở Hà-tiên của chúng tôi, có viết một bài biên khảo về
tiểu thuyết. Tên bài là « *Lược khảo về sự tiến hóa của quốc văn
trong lối viết tiểu thuyết* ». Bài đăng trong hai kỳ báo Nam-phong số
thứ 175 và 176, tháng Août và tháng Septembre 1932, gồm 40 trang
khổ rộng. Bài này viết rất công phu có giá trị đã khiến cho nhiều
người lưu ý.

Trúc Hà, tác giả bài biên khảo, đã đề cập vấn đề này, từ những
Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, qua những Hoàng Ngọc Phách,
Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Trọng Thuật, cho đến những Vũ Đình
Chi, Nguyễn Công Hoan vân vân. Về phương diện văn chương thì
tác giả đã đề cập từ những tác phẩm trong thời kỳ phôi thai, như
Sống Chết Mặc Bầy, *Cô Chiêu Nhì* cho đến những tác phẩm trào phúng
xã hội trong thời kỳ phát triển như *Giọt Lệ Sông Hương*, *Xã Hội Ba
Đào Kỳ*, từ những tiểu thuyết dịch của Tàu, *Tuyết Hồng Lệ Sử*, *Chồng
Tôi*, cho đến những tiểu thuyết dịch của Pháp *Ôi Thiếu Niên*, *Thương
Hào*, *Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ*, *Những Kẻ Khốn Nạn* vân vân.

Bọn Trí-đức-học-xá chúng tôi vốn sinh trưởng ở Hà-tiên xa
xôi cùng tịch, ít có dịp trực tiếp gặp bạn bè.

Sau khi bài biên khảo đó đang được lâu lâu, tôi có dịp lên Sài-gòn, đến thăm nhà văn Thiếu Sơn, đương thời là một phê bình gia nổi tiếng.

Trong câu chuyện đàm thoại, Thiếu Sơn nhắc đến bài biên khảo của Trúc Hà. Thiếu Sơn có ý bảo rằng chúng tôi biên khảo về tiểu thuyết mà sao lại bỏ quên, không đá động đến một nhà tiểu thuyết lớn trong Nam là Hồ Biểu Chánh.

Như trên tôi đã nói, là bọn Hà-tiên chúng tôi vốn sinh trưởng ở nơi biên viễn, quê mùa, năm ba năm mới có dịp lên Kinh đô một chuyến. Mà đến Sài-gòn tức là có chuyện cần thiết lắm. Hoặc là chữa bệnh, hoặc là buôn bán, chớ có khi nào đi chơi đâu mà nhàn hạ. Thời giờ thì cấp bách, công việc thì phân mang, có gặp bạn bè thì trong chuyện văn, chỉ vừa đủ thời khắc hàn huyên, chớ có đâu mà dài dòng bàn luận văn chương.

Tôi nhớ, sau khi nghe lời phàn nàn đó của Thiếu Sơn, tôi chỉ kịp đáp đại ý rằng: Bài biên khảo đó, như nhan bài đã nêu, Trúc Hà chỉ nhìn một phương diện văn chương, chỉ theo dõi sự tiến hóa và phát triển của văn chương Quốc ngữ trong lối viết tiểu thuyết mà thôi. Chớ không phải là một bài biên khảo về tiểu thuyết toàn diện.

Tôi chỉ đáp lại Thiếu Sơn ngắn ngủn như thế mà thôi. Rồi thì hai đứa đều bỏ qua, vì còn nhiều việc khác thực tế hơn, đang chờ đợi.

Nhưng theo câu trả lời của tôi đó, đủ chứng tỏ rằng Trúc Hà và tôi không nhận thấy trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh có "văn chương". Đã không thấy trong đó có văn chương thì có thấy đâu trong đó có sự tiến hóa của Quốc ngữ mà nêu ra vấn đề.

Câu chuyện đó có lẽ bây giờ bạn tôi, nhà phê bình thời danh Thiếu Sơn đang say mê phong khí mới, tất cũng đã quên mất lâu rồi.

Tôi thì chẳng những đến bây giờ mà từ lâu nay, mỗi khi có dịp nhắc nhở đến Hồ Biểu Chánh tôi còn nhớ mãi lời trách của Thiếu Sơn, mà coi như là vấn đề chưa dứt khoát.

*

Trước năm 1942-1944, tôi không có dịp được quen với Hồ Biểu Chánh tiên sinh. Không quen, không phải vì đường đất xa xôi, núi sông cách trở. Bởi vì Sài-gòn với Hà-tiên, đâu có xa hơn Hà-nội với Hà-tiên, xa hơn Huế với Hà-tiên. Trong khi đó, thì tôi đã giao thiệp đã quen biết với biết bao nhiêu bè bạn ở miền Bắc miền Trung. Không quen biết sớm sủa được với Hồ tiên sinh, vì giữa tôi và tiên sinh, ngăn cách nhau bởi chức vị đốc phủ sứ của tiên sinh. Trong thời ngoại thuộc, ai thì tôi không biết, chớ tôi thì không có mi cảm với những công chức cao cấp, nhất là chức đốc phủ sứ, bởi vì tôi đã thấy và đã nghe nhiều về những hành vi, những thái độ của các ông.

Tôi không vợ đưa cả năm.

Tôi không võ đoán rằng ông đốc phủ sứ Hồ văn Trung cũng xếp vào hàng tư cách những đốc phủ sứ khác, như tôi đã gặp. Nhưng mà làm quen thì tôi không muốn làm quen. Có thể là một quan niệm lệch lạc, một thành kiến sai lầm, hay đó là một thông bệnh, một cố tật khó chịu của con nhà văn.

Nhưng không phải vì thế mà tôi không đọc tiểu thuyết của ông. Khoảng những năm 1920 — 1930, trong nhóm Trí-đức học-xá của chúng tôi có anh Trọng Toàn dạy học ở Hà-tiên. Trọng Toàn rất thích đọc Hồ Biểu Chánh, thường bảo học trò mua tiểu thuyết của họ Hồ đọc, nhân đó Trọng Toàn giảng thêm cho học trò những điều nào mà học trò chưa thật hiểu rõ.

Nhân có sẵn nhiều sách, tôi cũng đọc và cũng thấy vui thích. Khi đó, tôi đọc Hồ Biểu Chánh và nhận thấy lối văn tả chân của ông đã tả rất đúng đời sống của xã hội « Nam Kỳ lục tỉnh ». Ông đã vẽ truyền thần từng cử chỉ, từng tư cách, từng thái độ, từng ngôn ngữ của mọi người trong mọi giai cấp, nhất là giai cấp trung lưu, giới công chức, giới điền chủ, những công tử, những tiểu thư của miền Nam giàu có dưới thời thuộc địa Pháp.

Nói chung là, nếu bây giờ, nhà khảo cứu nào muốn khảo cứu sinh hoạt bề ngoài của xã hội Miền Nam lục tỉnh, tôi nói lại.

những sinh hoạt bề ngoài dưới thời thuộc địa Pháp, cứ đọc khắp hết tiểu thuyết của HỒ BIỂU CHÍNH thì nhận thấy rõ đủ mọi khuôn mặt trong một nếp sống đặc thù khác hẳn hai miền Trung Bắc. Nhờ ông làm chủ quận, nhiệm chức ở nhiều nơi, nhờ ông có mắt nhận xét của các nhà tiểu thuyết là thực của Pháp, và nhờ ông rất siêng viết, cho nên kết quả được phong phú như vậy. Ông đã chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết Pháp rất nhiều. Có những tác phẩm ông đã phỏng tác theo những tác phẩm của Pháp rồi Việt-Nam hóa. Ai đã khảo cứu về phương diện này thì thấy rõ điều nhận xét của tôi.

Đọc thì cũng đọc, thích thì cũng thích, duy chúng tôi cứ không chịu được lời văn viết trơn tru thẳng tuột hơi hợt của ông.

Thời kỳ đó, theo quan niệm của chúng tôi viết là làm văn chương mà văn chương thì phải sửa sang gọt dũa, phải điều luyện chải chuốt. Dẫu là tả thực, dẫu là tả chân, câu văn cũng phải xếp đặt lại hơn ngôn ngữ thường đàm. Tối thiểu, phải có một kỹ thuật.

Xin ai đừng tưởng rằng tôi đòi văn chương nào cũng phải biến ngẫu cân đối, phải kênh kiệu nhịp nhàng, như văn chương tứ lục, như bài phú như bài từ, hay tôi đòi văn chương nào cũng phải có thành ngữ khó khăn, điển cổ xa xôi, đại loại như tiểu thuyết nào tôi cũng đòi cho được như *Tuyết Hồng Lệ Sử*, như *Dư Chi Phu* của Tàu, hay như *Quả dưa đỏ* của ta. Điều mà tôi thừa biết là rất tai hại cho các tác gia tiểu thuyết.

Nếu tôi không nhận thấy giá trị của văn chương bình dị, gãy gọn, sáng sủa rõ ràng thì sao mà tôi vẫn chấp nhận giá trị văn chương của những *Tổ Tâm*, những *Cảnh Chu Di Hận* cũng như những *Người Quay*, *Tơ* cho đến những *Lạnh Lùng*, *Đuóm Tráng*.

Chẳng những chấp nhận mà còn thần phục, còn thương thức nữa.

Hoặc giả nghĩ rằng tôi có quan niệm lệch lạc, "phật nhà không thiêng". Tôi chỉ thích đọc văn miền Bắc miền Trung mà xem thường văn miền Nam.

Nếu bảo như thế thì lại càng không đúng. Bởi vì từ lâu nay, tôi vẫn thương thức Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam, cũng như tôi vẫn đọc rất chăm chỉ những biên khảo của Thuần Phong. Xét như

vậy thì thấy rằng Sơn Nam và Bình Nguyên Lộc phải có cái khác hơn Hồ Biểu Chánh. Sơn Nam và Bình Nguyên Lộc cũng dùng ngôn ngữ miền Nam để truyền thần xã hội Lục tỉnh, để miêu tả mọi sinh hoạt từ thành thị đến thôn quê, trong khung cảnh của Đồng-nai của sông Tiền sông Hậu, cũng y như việc mà Hồ Biểu Chánh đã làm. Tôi muốn đưa có một ý nghĩ vui vui : « Hay là bởi Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam không phải là hai vị đốc phủ sứ ! ». Như trên tôi đã nói, bởi văn viết của Hồ Biểu Chánh trơn tru thẳng tuột quá, mà tôi cho như vậy thì không có lợi cho sự phát triển văn chương, không làm cho tiếng nói của chúng ta thêm phong phú thêm thuần nhả, để trở thành một nền quốc văn vững vàng, một kho quốc ngữ điều luyện làm vốn liếng cho tiếng nói của dân tộc. Quan niệm đó của tôi tất có nhiều người không đồng ý và sẽ trách tôi cố chấp chặt hẹp. Tôi cũng biết vậy và nhận chịu mọi lời trách là đúng, bởi vì quan niệm đó của tôi lạc hậu và phiến diện, nếu không muốn nói là tri trọng, bảo thủ quá độ.

Tôi không chịu được văn chương của Hồ Biểu Chánh, cũng như tôi bây giờ tôi vẫn không chịu nổi văn chương Hát cái lương với văn chương của những tiểu thuyết « chương » hiện đang thịnh hành. Trong lúc đó thì chung quanh tôi, mọi người hoan nghinh nồng nhiệt. Như vậy, chúng tôi rằng quan niệm của tôi sai lầm và cảm quan của tôi lệch lạc.

Bởi tôi đã bị thành kiến chi phối và bị truyền thống bó buộc, chưa cởi mở được.

Quan niệm đó của tôi y như những nhà văn ngôn không chịu nổi lối văn bạch thoại của Tàu. Sao mà tôi cứ đứng trên địa hạt văn ngôn mà nhìn trào lưu bạch thoại. Nếu tôi đứng quá chu quan, đứng quá cách biệt mà nhìn văn viết của Hồ Biểu Chánh. Tôi coi văn Hồ Biểu Chánh là lối văn bạch thoại, và coi Hồ tiên sinh là nhà văn bạch thoại tiên phong, như những nhà văn bạch thoại tiên phong. Trung quốc, hồi đầu thế kỷ này thì tôi sẽ chấp nhận được, thưởng thức được văn chương của họ Hồ. Rồi tôi sẽ chấp nhận và thưởng thức cả văn chương Hát Cái lương, văn chương chương chỉ như thường. Tôi tiếc rằng nước ta, không phát sanh phong

trào to lớn để gây nên cuộc tranh biện, bút chiến giữa hai phái văn ngôn và bạch thoại như của nước Tàu. Chắc là vui rộn và bổ ích lắm.

Hôm nào đây có người sinh viên Đại học Văn Khoa đến nhờ tôi bảo trợ cho đề làm một luận án thi cao học về một nhà văn Miền Nam. Tôi đã chỉ dẫn cho đề tài : *Hồ Biểu Chánh, nhà tiểu thuyết bạch thoại miền Nam*. Cứ đào sâu về một địa hạt này, cứ tìm kiếm về một phương diện này, chúng ta sẽ thấy có nhiều giá trị văn chương và văn học ở tiểu thuyết gia Hồ Biểu Chánh.

Nhận xét này, hồi 35 năm trước tôi không thấy. Bây giờ tôi mới nhận thấy. Và bây giờ tôi mới trả lời dứt khoát được với anh Thiếu Sơn. Tôi đã hết bản khoán mà anh Thiếu Sơn đọc thấy mấy hàng này tất sẽ cười to, bằng tiếng cười thống khoái cổ hủ của anh mà nói rằng : “Thằng cha Đông Hồ nhớ dai thiệt !”

ĐÔNG HỒ

- ✧ Đồng ý là đời này giờ ai cũng có quyền nói buồn non, phi lý, suy tư, hiện hữu n.v.v... nói vô tội vạ.
- Tuy nhiên nếu có sẵn trong tay một cuốn sách khảo cứu về triết hiện sinh của một vị tiền si triết học, để thỉnh thoảng mở ra xem một phát thì vẫn hơn.
- ✧ Chính vì vậy mà ai nấy đều nên mua cuốn :

TRIẾT HỌC HIỆN SINH

của TRẦN THÁI ĐÌNH

do THỜI MỚI xuất bản

300 trang giá giá 150 đồng

đồng-hô

HỒ BIỂU CHÁNH :

một nhà văn viết rất siêng năng

Ở BÀI TRÊN TÔI CÓ NÓI RẰNG TÔI ÍT QUEN với HỒ tiên sinh. Nhưng từ năm 1942-1944. HỒ tiên sinh chủ trương Nam Kỳ tuần báo và Đại Việt tạp chí, qui tụ được nhiều nhà văn phần nhiều đều là trong thanh khí với tôi. Như Thiếu Sơn, Trúc Hà, Khuông Việt, Lê Chí Thiệp, Lê Thọ Xuân, Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều cho nên mỗi khi lên Sài-gòn, anh em thường rủ đến thăm tiên sinh.

Tôi được trực tiếp diện kiến tiên sinh độ bốn năm lần.

1.— Lần đầu tiên, khoảng năm 1942-43, anh Thiếu Sơn đưa tôi đến thăm tiên sinh ở tòa báo, đặt tại đường Reims, một con đường giữa bệnh viện và sở hỏa xa. Tiên sinh mời tôi và các anh em biên tập ăn cơm tối. Tiên sinh mặc âu phục, quần trắng, áo ni đen chỉnh đốn. Ở ve áo ni đen có đính phù hiệu Bắc đầu bội tinh. Điều này đối với tôi rất lạ. Tôi không biết rằng ở Sài-gòn đây, các ông đốc phủ sứ được mẫu quốc ban huy chương Bắc đầu bội tinh thì bất kỳ lúc nào, trên ve áo cũng luôn luôn phải đính phù hiệu hay là trong trường hợp, hoặc khi tiếp tân, hoặc khi dự những nghị lễ long trọng mới mang vào. Vì tôi ở nhà quê lên tỉnh cho nên khi thấy nhà văn nhà học giả HỒ Biểu Chánh ngồi ở tòa báo, ngồi ở quán ăn mà có

đính phù hiệu huy chương thi lạ mắt. Lần gặp gỡ này chỉ nói toàn chuyện làm báo.

2. — Lần hai, gặp tiên sinh ở Hà-tiên. Khoảng đó, tiên sinh hợp tác với đạo Năm Phỉ tổ chức ban hát gọi tên là Quốc gia kịch đoàn, đi hát dạo cùng hết các thị trấn trong nước. Hình như là để cổ động tuyên truyền cho chánh phủ Pétain, cho chánh sách Decoux chi đó. Tôi cũng không thật biết rõ lắm. Gánh hát Quốc gia kịch đoàn của ông đến hát tại chợ Hà-tiên. Ông có đi theo trong gánh. Ông không tìm thăm tôi và cũng không mời tôi coi hát. Lúc đó, tôi đã mở Viên Viên Thư Trang tại phố chợ. Khoảng tám chín giờ tối, điểm vụ xong, tôi ra sân chợ hóng mát thì tôi gặp ông cũng đang thơ thẩn ở sân, đang nhìn ngắm phong cảnh Tô-châu. Cũng như lần trước, nghe ông nói toàn chuyện làm báo, thì lần này nghe ông nói toàn chuyện hát xướng về ban kịch của ông. Tôi chỉ nhớ là, trong câu chuyện ông rất tán thưởng đạo Năm Phỉ.

Ông nói với tôi rằng, nhờ hợp tác với cô Năm mà ông mới biết rằng cô Năm Phỉ rất tốt. Cô Năm đã đem nghệ thuật phụng sự quốc gia, đã hy sinh vì nghĩa vụ. Kết luận, cô Năm Phỉ là một "cô đào ái quốc"!

Gánh hát lưu diễn ở Hà-tiên chỉ có mỗi một đêm. Hôm sau thì gánh hát dọn đi nơi khác. Lần gặp gỡ này không lưu lại cho tôi một ấn tích gì. Về ban kịch Quốc gia của ông rồi đi đến đâu, rồi hoạt động thế nào, và ảnh hưởng như sao, kết quả như sao, tôi càng không được biết.

3. — Cách đó, nửa năm hay một năm sau, tôi lên Sài-gòn buôn bán, gặp anh Thiếu Sơn cho hay là Hồ Biểu Chánh tiên sinh đã hưu trí, đã dời về ở một biệt trang bên Vĩnh-hội. Thiếu Sơn lại rủ tôi đến thăm tiên sinh. Thiếu Sơn đưa tôi qua đò Chợ Quán, sang bên kia sông. Hai đứa đi chân một khúc đường Vĩnh-hội thì tới nơi ăn cư của Hồ tiên sinh.

Thời khắc vào khoảng 10 giờ sáng. Bước vào nhà, tôi đã thấy tiên sinh ngồi viết ở bàn viết, đặt bên chần song thưa, mát mẻ. Nhà cửa sân vườn đơn giản, có khí vị của nhà ăn sĩ nhân cư. Vừa

mới ở chỗ thành phố náo nhiệt, vừa mới trải qua một quãng đường nắng, bước vào đây, có bóng lá chòm cây, tôi thấy thoải mái dễ chịu.

Chủ khách đều đang thông dong, trong khung cảnh thư nhàn yên tĩnh, cho nên nói nhiều về văn chương. Có một điều đáng ghi nhớ là, tôi nói rằng tôi mới nghe tiên sinh hồi hưu mấy hôm nay, mà sao tiên sinh không nghỉ ngơi hoặc đi chơi ít lâu cho thư thả. Hồ tiên sinh cười mà đáp rằng :

— Tôi rất sợ ở không mà không có việc làm. Phần nhiều các công chức hồi hưu thì đều lơ thơ lười nhàn, chán nản bơ vơ, chỉ vì, trong khi làm công chức, mỗi ngày bắt buộc hai buổi đến sở đều đặn đã quen nếp. Nay nghỉ việc, không biết làm gì cho hết ngày giờ nhàn rỗi, không có thú vui nào khác, cho nên đâm ra thơ thẩn, ngẩn ngơ. Vì lo sợ lâm vào tình trạng khủng hoảng đó, cho nên trước ngày về hưu, tôi (lời của Hồ tiên sinh,) đã dự bị sẵn chỗ ăn cư này, sắp đặt bàn giấy y như ở công sở. Chiều bữa trước, từ bỏ công sở, thì sáng hôm sau, cũng đúng y như ngày giờ làm việc bữa trước ở công sở. Cũng thức sớm, cũng đúng giờ, rồi cũng đến ngồi vào bàn viết và viết. Viết cho đến hết giờ mới nghỉ. Rồi thì buổi chiều cũng vậy. Mỗi ngày hai buổi, y như khi còn làm công chức, không bỏ phí một ngày nào.

Nhà văn, viết văn đúng giờ đúng buổi y như công chức, hiện giờ tôi thấy có nhà văn Nguyễn Hiến Lê. Siêng năng đều đặn, suốt đời như vậy, làm gì mà tác phẩm không dồi dào, văn nghiệp không to lớn. Chí kiên nhẫn, sức tự miễn tự cường đó thật là đáng phục.

Ai đừng tưởng rằng giữ được như vậy là nhờ sức khỏe dồi dào thân thể tráng kiện đâu. Nói ra đây để cho những người lười biếng như tôi thường lấy uế bệnh hoạn, mà hủ công việc văn chương, thấy đó mà xấu hổ.

Nhà văn Nguyễn Hiến Lê, hiện còn ở đây, anh em đều biết, là người có đủ thứ bệnh hoạn trong mình. Nếu muốn nói cho đúng thì không có một ngày nào là không sẵn một cơn bệnh hành hạ. Tôi biết Hồ Biểu Chánh cũng vậy. Tiên sinh có bệnh đau tim.

rất nặng. Có nhữn̄g lúc đang đi đứng nói cười, tim bỗng ngừng, người bất tỉnh, phải xúi đi. Người tiên sinh ôm yếu gầy cò nhưng mà lúc nào cũng vui vẻ thung dung, không gấp không hoãn. Lần gặp gỡ tiên sinh ở nơi biệt cư vùng Vĩnh-hội, bên kia sông, nhìn cử chỉ đơn giản của tiên sinh, nghe lời nói thông thả của tiên sinh, tôi mới thấy có mi cảm với nhà văn lão thành này. Lúc này, tiên sinh đã thôi làm quan, thôi làm báo, thôi phục vụ chánh sách nọ, chủ nghĩa kia. Nợ-ký tuần báo, Đại Việt tạp chí đã nghỉ. Quốc gia lịch sử cũng không còn. Tâm hồn tiên sinh có lẽ đã yên ổn, lòng không bận bịu đến lợi danh, cho nên biểu lộ trên nét mặt trong lời nói một phong độ khả kính và khả ái.

4.— Sau khi 30 thì biển cổ 1945 dồn dập tới. Năm 1952, tôi được tiếp kiến ông một lần thứ tư. Năm đó, anh Nam Đình ở báo **Thần Chung** mở ra một phong trào, đăng lại những bài của hai nhà tiểu thuyết nổi danh thời tiền chiến ở Phú Đức và Hồ Biểu Chánh. Những tiểu thuyết vô biên tại trường ở Phú Đức, những tiểu thuyết ở xã hội, tiểu thuyết ở Hồ Biểu Chánh, tường thuật về xã hội, đã rơi vào quên lãng. Vào nơi mới, xã hội mới, thế hệ mới, mọi người đang say mê hoặc quên ai đọc làm chi những tác phẩm lạc hậu đó nữa. Nhưng mà anh Nam Đình đã nghĩ khác hơn mọi người. Ông chủ ở **Thần Chung** đã đánh hơi đúng tầm nhìn của độc giả và ông đã thành công. Độc giả nổi nước mắt tại Phú Đức, tìm đọc Hồ Biểu Chánh mỗi ngày trong **hào** **T** **Chung**, y như bây giờ họ say mê Kim Dung loại tiểu thuyết không chỗ cho gãi đầu lạng. Báo **Thần Chung** đã mở đầu, và đã lấy thành phong trào. Các tờ báo **Sông** **Chung** một thông bệnh là họ có một tờ báo nhỏ nhờ môn nào đó mà lên độc giả thì y như rằng, các báo khác đề xò về môn đó, chạy đua cho kịp.

Hai nhà tiểu thuyết: Phú Đức và Hồ Biểu Chánh được hoan nghinh có lẽ còn hơn thời tiền chiến, khi họ mới ra đời.

Bấy giờ Hồ tiên sinh đã về quê nhà ở Gò-công, không có một chủ nhật nào mà không có xe của các chủ báo đưa nhau xuống Gò-

công thăm tiên sinh mà mua tác phẩm. Có nhà báo giàu như báo Thần Chung, anh Nam Đình đã mua và trả tiền trước, chiếm sẵn một lượt năm bảy bộ giành lấy độc quyền.

Rồi đến các nhà xuất bản cũng chạy theo. Khi đó, tôi đang chủ trương nhà xuất bản Bốn Phương. Trong nhà có người cũng muốn có ít tác phẩm của Hồ Biểu Chánh y như các nhà xuất bản khác để góp mặt cho đủ với đồng nghiệp. Tôi cũng chiều ý. Tôi xuống Gò-công thăm Hồ tiên sinh và nói ý muốn của tôi. Thì được biết, các tác phẩm của tiên sinh đã được đặt cọc trước hết rồi; tìm mãi mới thấy còn sót lại hai bộ. Tôi cũng mua hai bộ đó và xuất bản. Thì tôi thấy độc giả không hoan nghênh gì hết. Nhà xuất bản Bốn Phương của tôi cũng không nhờ đó mà thêm bớt chút gì hết. Có lẽ tác phẩm của tiên sinh đưa vào nhà xuất bản Bốn Phương của tôi bị lạc loài chăng. Chuyện đó không quan hệ gì.

Điều tôi muốn nói là lần gặp gỡ với Hồ tiên sinh ở Gò-công này, tôi nhận thấy tiên sinh không vui vẻ, không thư nhàn như lần gặp nhau ở Vinh-hội. Tiên sinh có vẻ lo âu.

Không biết vì thời cuộc lúc đó làm cho tiên sinh ưu tư, hay vì tiên sinh bị các nhà báo, các nhà xuất bản quấy rầy phiền nhiễu quá mà mệt mỏi. Bởi vì các tác phẩm cũ của tiên sinh từ thời tiên sinh chiếm bán bản quyền đã hết. Tiên sinh phải viết tác phẩm mới để cho kịp nhu cầu của các nhà báo, các nhà xuất bản đòi hỏi. Tuy bận rộn như thế mà cử chỉ, phong độ vẫn bình thường giản dị như xưa. Tiếp khách tại một bàn viết nhỏ nhỏ. Trên bàn đầy bản thảo, có một ngọn đèn trứng vịt, thỉnh thoảng vặn một điều thuốc sâu kèn, thuốc Gò-vấp, châm vào ngọn đèn trứng vịt, hút thông thả. Vẫn mặc bộ áo bà ba vải trắng cũ, ngồi bó gối co ro như một ông lão nhà quê. Không có vẻ gì tỏ ra là một ông đốc phủ sứ có Bắc đẩu bội tinh hồi hưu, hay là một nhà văn nổi tiếng, được thiên hạ trông vào như một vì sao sáng, hào quang chói lọi trên văn đàn.

5 và 6. — Tôi còn gặp được tiên sinh hai lần nữa. Một lần tiên sinh lên thăm người trưởng nam là anh Hồ Văn Kỳ Trân, đang dạy học và ngụ trong trường P. Ký. Tôi đến trường thăm tiên sinh tại ngụ sở. Một lần thứ sáu, tôi nhờ người cháu nội của tiên

sinh con gái của anh Trần, là cô Chi, bạn đồng học với con Yiêm. Yiêm của tôi chỉ đến thăm tiên sinh ở đường Công Quỳnh. Lần này là lần cuối cùng tôi được gặp tiên sinh.

Lần này, tiên sinh nói với tôi rằng tiên sinh đang viết một bộ tiểu thuyết trắng đen lấy khung cảnh và nhân vật trong thời kỳ kháng chiến sau 1945 xây dựng bộ tiểu thuyết này. Nhưng mà tất còn lâu mới xong, vì ngày nào cũng bán tiếp các nhà báo và các nhà xuất bản đến tìm mua tác phẩm. Viết ngày viết đêm mà không kịp.

Sau khoảng 20 thì nghe tiên sinh tâu biệt thự ở đường đi lên Tân Sơn Nhì. Bây giờ là đường Cách Mạng. Ở đâu ngõ hẻm vào biệt thự, vì muốn cho các nhà báo và bè bạn dễ tìm đến chỗ ở, tiên sinh treo tấm biển chỉ đường: "Biệt thự Biều Chánh." Bây giờ ngõ hẻm đó đã thành danh là con đường Hồ Biều Chánh.

Mấy năm sau đó, tôi bận bịu đau yếu luôn, chưa đến thăm tiên sinh lần nào nữa tại biệt thự này. Cho đến ngày bốn tháng mười một, năm 1955 được tin cáo phó tiên sinh từ trần.

Tôi sửa sang lễ phúng và câu đối đến viếng. Đứng cúc cung trước linh sàng tiên sinh, tôi thấy lòng không vui không buồn, mà thấy yên ổn giản dị như mỗi khi tiếp chuyện với tiên sinh, thuở sinh tiền.

Tôi hỏi thăm về căn trượng và bệnh tình tiên sinh thì anh Hồ Văn Kỳ Trân kể lại. Nói đến anh Trần, tôi ghi lại đây một tiếng danh xưng mà tiên sinh dùng để gọi người trưởng nam đó, trong khi đàm thoại với bạn bè. Mỗi khi nói đến anh Trần, cần phải hài danh, thì tiên sinh luôn luôn gọi bằng bốn tiếng: « Mon fils, thằng Trần ». Bốn tiếng nửa tây nửa ta đó, xen vào một tiếng « thằng » tôi nghe có một giọng thân mật âu yếm khả ái quá. Tôi lấy làm một điều thú vị, khi nghe người cha, là một vị Đốc phủ sứ gọi người con trai của mình là một giáo sư, bằng cách xưng hô như vậy. Bốn tiếng « Mon fils, thằng Trần » đó tôi thấy tượng trưng đầy đủ và tiêu biểu rõ ràng cho ngôn ngữ thẳng tuột, thái độ phác

thực, và tư cách cởi mở của người dân miền Nam lục tỉnh này. Không trang sức văn hoa gì hết.

Dưới đây, tôi chép y lại lời của anh Trần :

— Ba tôi mấy năm nay đã yếu lắm. Tuy thế mà ông vẫn viết đều đặn không lúc nào chịu nghỉ. Các nhà báo, các nhà xuất bản đến đòi hỏi ngày càng nhiều, ba tôi lại càng viết nhiều. Gần đây, thấy họ quấy rầy quá, bọn tôi phải đi từng nhà báo, từng nhà xuất bản năn nỉ họ đừng đến nữa. Và phải bảo họ nói dối với ba tôi rằng vì kỹ thuật vì lý do gì đó, cho nên không đăng được.

Mặc dầu, các báo không đến đòi hỏi, mà ba tôi cũng cứ viết ngày viết đêm như thường.

Bệnh đã càng ngày càng thêm mà ba tôi cứ không chịu nghỉ viết. Thầy thuốc cấm, ba tôi vẫn viết. Con cháu năn nỉ lắm thì ba tôi nghỉ vài ngày, rồi viết nữa, và bảo rằng : « Ba còn viết được thì cứ để cho ba viết. Ba không được viết thì lòng thấy bức rức, người thấy khó chịu hơn. Có viết được, thì lòng mới thấy yên ổn, người mới thấy thư thả dễ chịu. Viết là một phương thuốc, là một cách trị bệnh cho ba đó... » Thấy con cháu lo âu và khẩn cầu lắm, ba tôi cũng chiều cho con cháu vui lòng thì ba tôi đợi lúc nào bọn tôi đi vắng, hoặc cả nhà ngủ hết, ba tôi sẽ lén viết trộm.

Bởi ba tôi nằm một mình trên gác riêng ; muốn để cho ông tỉnh dưỡng, con cháu ít dám lên lầu, trừ ra khi nào đem cơm nước thuốc men, một ngày vài lần mà thôi. Thừa đó, ba tôi viết mà giữ không cho con cháu hay biết. Có đêm, đã hai ba giờ sáng, tôi thấy trên lầu trong phòng ba tôi còn ánh đèn, tôi sẽ nhẹ chân đi lên. Ba tôi nghe tiếng động ở thang gác, thì tôi nghe trong phòng có tiếng giấy tờ xột xạt, tiếng học tủ kéo, rồi ánh đèn tắt. Tôi đoán biết là ba tôi sợ bọn tôi bắt gặp thì buồn. Cho nên nghe tiếng động, lật đật xếp dọn bản thảo giấu đi, và tắt đèn, vờ như đã ngủ.

Cách đó ít bữa thì ba tôi từ trần. Trên bàn viết còn để lại bản thảo một tác phẩm viết dở.

Các nhà văn chúng ta ham chơi, lười biếng, nghe mẩu chuyện trên đây ai mà không xấu hổ.

Tôi đã mượn tên ít tác phẩm của tiên sinh làm câu đối phúng chếp lại như dưới. Những hàng chữ in nghiêng là tên tác phẩm của tiên sinh.

— *Cay đắng mùi đời, con nhà nghèo, con nhà giàu, tác phẩm viết trăm lẻ năm thiên, vì nghĩa vì tình, ngọn cỏ cứng gió đưa, tỉnh mộng mấy ai làm được.*

— *Cang thường nặng gánh, con khóc thăm con cười gượng, thanh căn trải bảy mươi bốn tuổi, thiệt giả giả thiệt, vườn văn xưa ghé mắt, đoạn tình còn ở theo thời.*

ĐÔNG HỒ

11-IV-1967

CUỐI THÁNG TƯ 1967 ĐÓN ĐỌC

V Ầ N

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

TẬP I. NỘI DUNG GỒM CÓ:

a) Nhận-định và tiểu-luận:

LÊ VĂN SIÊU, Nói nghĩa là gì? LĂNG-NHÂN, Khách viễn phương. VŨ ĐÌNH LƯU, Tinh thần hân hức trong văn nghệ. TAM-ÍCH, Văn-học hiện-tượng-luận có phải là văn chương khiên dâm không? HUỲNH PHAN ANH, Hành trình vào vô hạn...

b) Nhiều bài phê bình sách mới của:

NGUYỄN VĂN THƯ. VŨ PHIẾN. TẠ TRỌNG HIỆP. VŨ HẠNH. VŨ HỒNG. NGUYỄN QUỐC TRỤ. TRẦN THIÊN - ĐẠO. HUỲNH PHAN ANH. ĐỖ TẤN...

● sáng-tác & mục thường-xuyên ●

TRẦN TUẤN KIẾT

Cảm hứng khi đọc *CẢM SẮC* của
Lý Thương Ẩn và *KHIÊN HOÀI* của Đỗ Mục

tìm xuân con én lượn vòng
u-tình ai thổi gió đông ngậm ngùi
cửa sài khép kín mặc ai,
sầu khô nể lệ hoa bay một trời
cung đàn thủy địch đầy vơi,
hồn ta nhớ lắm đến người cách xa
sang xuân hồn phách say sưa,
trong tay kỹ nữ đã vờu lưng ong
mười năm phố thị mơ màng
lầu xanh tỉnh giấc nghe lòng oán than.

T.T.K.

PHỎNG VẤN

tình hình văn nghệ Espana dưới
mắt nhà văn Carmen Barberá

TRẦN THIÊN-ĐẠO hỏi và ghi

trường hợp phỏng vấn

Trong dịp giao dịch với một nhà xuất bản lớn ở Paris về việc phiên dịch một số tác phẩm hiện đại Việt-Nam ra Pháp ngữ, chúng tôi thường có cơ hội gặp gỡ những nhà văn ngoại quốc sang Pháp ký giao kèo với nhà xuất bản này, hầu cho in bản Pháp dịch tác phẩm của mình.

Đầu tháng Ba 1967 vừa qua, chúng tôi đã may mắn là ký giả độc nhất ở Pháp biết tin nhà văn phải nữ đang lên Carmen Barberá vừa tới Paris để ký giao kèo cho xuất bản tác phẩm chót của mình, nhờ một ông bạn đồng nghiệp, Georges Clomer, giáo sư tiếng Espana, tiết lộ cho chúng tôi hay trước. Và chúng tôi đã chẳng bỏ lỡ cơ hội hiếm có (điểm có, là bởi chính quyền Espana không mấy khi chịu cấp giấy thông hành cho những nhà văn độc lập sống ở trong nước ra ngoại quốc), tìm đến gặp Carmen Barberá phỏng vấn bà, nghĩ rằng tình cảnh nhà văn Espana hiện đại không khác tình cảnh nhà văn Việt-Nam bao nhiêu, và tin rằng những lời đáp của bà biết đâu cũng có thể giải thích phần nào các khía cạnh dễ trông thấy ở tình trạng văn nghệ của những quốc gia thiếu điều kiện cần thiết hầu vượt qua ranh giới quốc gia nhỏ hẹp mà góp phần vào nền văn hóa chung của nhân loại.

Vốn tiếng *Espana* của chúng tôi rất nông cạn, mà vốn tiếng Pháp của Carmen Barberá cũng không phong phú để hai chúng tôi có thể hỏi và đáp thẳng với nhau. Vì vậy, chúng tôi đã cậy nhờ ông bạn Georges Colomer làm trung gian: chúng tôi, Trần Thiện Đạo, hỏi bằng tiếng Pháp, ông bạn Georges Colomer phiên dịch ngay ra tiếng *Espana*, để nhà văn Carmen Barberá đáp bằng tiếng *Espana*, lời đáp này được phiên dịch trở sang tiếng Pháp. Cuộc phỏng vấn xong xuôi, chúng tôi mới chuyển toàn bộ ra Việt ngữ.

Carmen Barberá, 'nhà văn phái nữ *Espana* đang lên

Carmen Barberá sinh năm 1927 ở thị trấn Cuevas de Viroma, thuộc tỉnh Castellón de la Plana, *Espana*. Trưởng nữ một thiếu tướng Cộng hòa bị chính quyền Franco giam giữ sau khi thành phố Barcelona mất vào tay quân đội Franco, cháu gái một trung tướng Cộng hòa bị chính quyền Franco xử bắn, em có 'cậu một lãnh tụ Cộng hòa hiện sống lưu vong ở Nam Mỹ La-tinh.

Carmen Barberá học xong bậc Trung học, liền nhảy sang học Âm nhạc. Lập gia đình năm 1946, hiện có hai con, một trai, một gái. Khởi sự viết văn từ lúc mười ba, mười bốn tuổi. Năm mười tám tuổi, trúng giải kịch và giải phóng sự. Năm sau, trúng giải thơ và giải truyện ngắn. Từ đó đến nay, thơ, truyện ngắn, truyện dài, kịch, phóng sự, tiểu luận của Carmen Barberá dùng rải rác trong nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí ở *Espana* và ở Nam Mỹ La-tinh. Thơ văn Carmen Barberá thường được trích dẫn trong loại sách trích điểm và các tập san chuyên môn.

Sau đây là mấy tác phẩm chánh của Carmen Barberá:

— *Adolescente* (Thiếu niên), Madrid, 1957. Tiểu thuyết này đánh dấu chặng đường tác giả thật thụ bước vào nghề văn. Vào chung kết giải Valencia.

— *Al final de la ría* (Cuối dòng sông), Madrid, 1958. Giải nhất Giải Truyện thanh.

— *Debajo de la piel* (Dưới làn da), Puerto Rico, 1959. Tiểu thuyết này không được cơ quan kiểm duyệt cấp giấy phép xuất



Para Trần Thiện-Đạo, y la revista, Van, de esta española que aim guiere más sol. (Tặng Trần Thiện-Đạo, và tạp chí Văn, (ảnh) của một người Espana muốn hưởng ánh mặt trời thêm nữa.)

CARMEN BARBERÁ

bản ở Espana, nên đã xuất bản ở Puerto Rico. Đến cuối năm 1966, cuốn này mới được cấp giấy phép xuất bản ở Espana.

— Las esquinas del alla (Những góc đen tối vào lúc hừng đông), Madrid, 1969. Vào chung kết giải thành phố Barcelona.

— La colina perdida (Cánh đồi mất dạng), Madrid, 1961. Giải nhất Giải Tortosa.

— Cartas a un amigo (Thư cho một người bạn), Madrid, 1965.

Carmen Barberá hiện đang còn nhiều tác phẩm chưa in, và sắp in Bà đang được các nhà phê bình trong nước xem như một nhà văn đang lên và có nhiều ảnh hưởng đối với những nhà văn trẻ Espana. Bà hiện đang nghỉ dưỡng sức ở đảo Palma de Mallorca.

TRẦN THIỆN-ĐẠO

TRẦN THIÊN-ĐẠO : Trước hết, xin được phép hỏi bà một câu, thoát nhìn, tưởng chừng như rất kỳ dị : là một nhà văn Espana, tại sao bà không xuất ngoại lưu vong mà vẫn sống ở Espana.

CARMEN BARBERÁ : Tôi là người Espana, mở mắt chào đời và trưởng thành ở nước tôi. Chiến tranh tuy có hằn lại dấu vết sâu đậm trong cảm xúc của tôi (về mặt con người mà nói) nhưng không thể có ảnh hưởng trực tiếp đối với tôi, trong ý nghĩa bắt tôi chấp nhận hay chống đối nó, vì lẽ tôi chỉ mười hai tuổi đầu vào khi cuộc nội chiến chấm dứt (1). Về mặt thuần túy cá nhân, tôi có thể nói hầu ông nhiều hơn, nhưng không đáp thẳng câu hỏi của ông. Cha tôi bấy giờ thuộc lớp người bại trận. Sự kiện này — nghĩa là bầu khí bại trận ấy — đã tạo nên, uốn nắn và xây dựng cá nhân tôi, nhưng, vì lẽ bấy giờ tôi còn nhỏ tuổi, không bắt tôi tham dự vào thời kỳ oanh liệt lịch sử ấy về mặt ý thức hệ hay về mặt tinh thần đoàn kết. Cuộc nội chiến của dân tộc tôi, vào thuở ấy, đối với tôi, không hơn không kém là một cuộc chiến thầm kín trong tâm hồn một đứa gái nhỏ tuổi. Tất nhiên là nó cũng chiếm một ưu thế quan trọng trong việc phát triển đời tôi về sau. Nhưng loại ảnh hưởng này, người ta chỉ nhận thấy nó khi sự đã rồi mà thôi. Chính vì lẽ ấy mà chính trị không hề có một ảnh hưởng nào đối với tôi về chỗ chấp nhận hay chối bỏ tổ quốc của mình, mà chỉ có ảnh hưởng đối với tôi về chỗ chấp nhận hay phản kháng cuộc đời nói chung hay cốt chất của tôi nói riêng.

Lý do căn bản khiến tôi không xuất ngoại lưu vong mà vẫn chịu sống ở Espana có liên hệ tiếp liền với cuộc tranh đấu chung của dân tộc tôi : tôi trưởng thành trong một thực tế có sẵn, một thực tế tôi không có dự phần tạo dựng. Câu hỏi hàm nhiều ẩn ý của ông sẽ mang một khía cạnh sức tích khác, giả như lớn lên tôi không có lập gia đình, không ôm đồm con cái, và không phải sống dưới một mái nhà chung cho những người quanh quẩn bên tôi. Nhưng trường hợp đó không có đối với tôi, nên không đặt thành

(1) Nội chiến ở Espana kéo dài từ 1936 tới 1939.

vấn đề vừa vu vơ vừa vô ích. Dầu sao, thì tôi không hề có thiện cảm đối với những kẻ đào ngũ. Nhưng kẻ đối lập và đấu tranh không biết mệt, thì vâng.

HỎI : Bà có cảm thấy mình được (và trên thực tế, bà có được) tự do phát biểu tư tưởng — tôi muốn nói : một cách gián tiếp, trong văn phẩm của bà — về chế độ hiện hành, và đặc biệt và chánh sách văn hóa hiện hành của chế độ tạo nên bởi cuộc đảo chánh của tổng thống Franco ?

ĐÁP : Tôi được hoàn toàn tự do phát biểu tư tưởng của mình trong lời nói. Không ai cấm cản tôi hết. Tôi cũng đã nhiều lần lên tiếng giải bày ý kiến của mình, không nhân nhượng, với nhiều chánh khách rất gần gũi với chánh phủ, và bận nào tôi cũng được tiếp đón niềm nở, đường hướng suy luận của tôi lúc nào cũng được kính trọng và được đối đáp một cách cởi mở. Nhưng cũng những tư tưởng ấy, tôi không được phép viết lên giấy trắng mực đen. Mà dầu có viết, rành mạch đi nữa, thì tôi cũng không được phép đem in. Vậy nên trong hiện tại, muốn trình bày một ý kiến nào đối lập với ý kiến của chế độ là một công việc thậm vô ích. Bởi nó không làm sao gọi là công chúng được. Nhưng những chuyện công kích cá nhân, nhất là khi ý kiến chia thẳng vào một cá nhân nào, thì có. Thật là lạ lùng.

HỎI : Bà có thể cho độc giả tạp chí Văn biết rõ số nhà văn Espana đã tự ý hay bó buộc phải sống ở ngoại quốc không ? Bà giải thích thế nào việc họ bỏ Espana mà đi ? Nhất là ở những nhà văn chúng ta biết, qua chính tác phẩm của họ, rằng họ rất quyến luyến đất nước Espana ?

ĐÁP : Tôi không được biết rõ tổng số những nhà văn Espana lưu vong. Nhưng tên tuổi tôi có thể kể ra đây hầu ông thầy đều là những nhà văn có danh tiếng thế giới đều biết. Tôi cũng không thể tóm tắt những lý do khiến họ bỏ Espana mà đi. Nhưng chúng ta ai cũng biết rõ rằng có những lý do thật cũng như có những lý do giả. Ngẫu nhiên. Tùy thời. Phản kháng. Sợ chết. Nhát gan. Bất chước. Mọi lý do ấy đều có thật, nấp dưới một lớp bọc ngoài hết sức lý tưởng. Riêng tôi, thì tôi chấp nhận bất luận lý do nào và tôi xem chúng đều là

những lý do chánh đáng. Nhưng tôi chỉ kính trọng những kẻ tự ý rời bỏ tổ quốc vì lý tưởng mình không thích hợp với chế độ hiện hành: chịu mất mát sự vật mình yêu hơn hết trên đời vốn dĩ là thái độ cao cả nhất con người có thể có được.

HỎI: Trong số những nhà văn danh tiếng chịu sống ở Espana, bà giải thích thế nào những mâu thuẫn để trông thấy của một Camilo José Cela (2), để chỉ kẻ tới ông mà thôi, chẳng hạn? Trước khi đáp câu hỏi này, xin bà vui lòng trình bày cho tạp chí chúng tôi nhìn thấy rõ mâu thuẫn của một nhà văn công tác cho chánh quyền mà vẫn tiếp nhận một số tiếng nói đối lập trong tạp chí do ông ta điều khiển? Ông làm vậy là vì tinh thần khoáng đạt cởi mở hay là vì thủ đoạn giáo quyết, sử dụng những tiếng nói đối lập này như một thứ vôi bảo hiểm (3)?

ĐÁP: Thật là một chuyện đáng buồn, nhưng chúng ta buộc phải nhìn nhận rằng cuộc sống thường khi bắt người ta cam chịu nhiều chuyện bán rẻ lương tâm, què quặt tâm hồn. Lý tưởng chánh trị nhiều khi không ăn khớp với lý tưởng cá nhân. Những điều người ta ước muốn cho đoàn thể không chắc đã là những điều là người ta ước muốn cho riêng mình. Tinh thần anh hùng không phải là chuyện xảy ra hằng bữa. Phần khác, xiết bao kẻ anh hùng chỉ là những anh hùng bó buộc. Mọi nỗ lực của con người trong mục đích thí chứng với một hoàn cảnh đem lại cho bản sắc của y nhiều mối bất tiện, kỳ thật, chỉ là hiện hình của thân phận tự nhiên của vạn vật. Tánh ích kỷ tạo nên rất nhiều tình cảnh giống như tình cảnh ông vừa tố giác. Sống, thường khi hóa thành sống sót, nghĩa là cốt

(2) Camilo José Cela (1916-), nhà văn hiện đại Espana, đại diện cho số nhà văn chịu cộng tác với chánh quyền Franco. Tác giả mấy tiểu thuyết tả thực sau đây: *Pascal Duarte* (Gia đình Pascal Duarte, 1942), *la Colmena* (Ổ ong, 1951), *la Catira* (Chuyện Nam Mỹ, 1955) và nhiều nữa. Hiện làm giám đốc tạp chí văn hóa chánh thức của chánh quyền.

(3) Nguyên văn câu hỏi của chúng tôi là: *Le fait-il par esprit libéral, ou par machiavelisme, utilisant ces voix d'opposition comme une sorte de soupape de sécurité?*

sao riêng mình được sống sót. Hiếm kẻ nào chống nổi tánh cách thiết yếu không thoát được ấy. Vũ trụ mà tuần hoàn đều nhịp với toàn thị những kẻ trung thực và thật thà bất luận vào giây phút nào, thì, hỡi ông, còn đâu là chánh trị nữa ? Mà chỉ toàn là đối thoại, ăn ý và thông cảm.

HỎI : Xin nói tới vấn đề kiểm duyệt. Xin bà cho biết ở Espana có mấy thứ kiểm duyệt ? Kiểm duyệt trực tiếp ? Tự kiểm duyệt ? Kiểm duyệt đề tài ? (4) Xin bà vui lòng trình bày cho độc giả tạp chí chúng tôi biết những thể thức mà nhà văn Espana sống trên đất nước mình phải tuân theo đối với kiểm duyệt trực tiếp hay gián tiếp trước khi được cấp *l'imprimatur* (giấy phép) cần thiết.

ĐÁP : Có kiểm duyệt trực tiếp, có kiểm duyệt đề tài. Vây, nghĩa là có tự kiểm duyệt. Vì mọi cơ đó, nên tình trạng hết mực rối rắm. Cũng một ai biết rõ cái gì sẽ được chấp thuận, cái gì sẽ bị gạch bỏ. Tiêu chuẩn kiểm duyệt thay đổi tùy theo tâm mức tiến hóa hay tình thế sống còn. Bị đặt vào trong hoàn cảnh phải sống (tức cách mỗi sống mình có khác gì là cố gắng giữ vững bản sắc riêng biệt của mình ?) chúng ta buộc phải hành động. Hành động của nhà văn là viết văn. Nhà văn mà không có tác phẩm xuất bản, thì không thể gọi y là nhà văn (5) : y bị sự im lặng lừa vào một cái chết tự nhiên. Muốn làm nhà văn, y phải làm thế nào để xuất bản tác phẩm. Muốn xuất bản tác phẩm, y phải làm thế nào viết văn một cách thông minh, sao cho văn mình vượt khỏi mạng lưới phép tắc : ráng sức chui vào những chỗ hở cho lọt lọt không bị chặn đứng. Và đó là cái tôi gọi là tự kiểm duyệt. Nhưng nếu sau đó, tác phẩm gởi tới một nhà xuất bản hay một nhà báo nào lại cũng có những tiêu chuẩn riêng của mình để kiểm duyệt tiếp nữa, thì kết quả thật là thảm hại : trong những gì đã viết ra, có còn được mấy tí những tư tưởng và cảm nghĩ chân thành của nhà văn nữa !

Dẫu sao chẳng nữa, thì nhà văn vẫn có thể viết bất luận điều gì, rồi gởi đến kiểm duyệt (cơ quan chánh thức). Nếu kiểm duyệt

(4) Kiểm duyệt trực tiếp : *censure directe* ; tự kiểm duyệt : *auto-censure* ; kiểm duyệt đề tài : *pre-censure*.

(5) Chúng tôi không hoàn toàn tán thành nhận định này của Carmen Barberá.

bác bỏ, thì nhà văn phải tuân theo. Chớ y không hề bị truy tố vì những điều đã viết ra. Nhưng nếu y cứ cho in đại, thì nhà văn (và nhà xuất bản) đương nhiên sẽ bị truy tố, bị lôi ra pháp đình. Chịu phạt tù hay không chịu phạt tù qui tắc và thể chế quốc gia là một vấn đề cá nhân. Nhưng chúng ta cũng nên dè dặt đối với những kẻ khinh thường luật pháp. Bởi trên đời có biết bao nhiêu kẻ tùy thời và bất tài muốn lấy thái độ chánh trị làm tấm bình phong mong được người ta chú ý đến mình. Riêng tôi, tôi tin rằng giá chánh sách kiểm duyệt ở nước tôi mà rộng rãi hơn thì các kẻ tùy thời nói trên sẽ không còn nữa. Nước Espana sẽ mạnh dạn hơn thêm. Những điều rành rọt, ngay cả kẻ thù của chúng ta cũng vậy nữa, đều xuất hiện dưới mắt tôi như những điều cao cả. Có biết bao nhiêu kẻ trí óc mù mờ, ý thức mù mịt đang giữ nhiều chức vị quan trọng — kẻ cả những chức vị thuộc phe đối lập và tuân tiết anh hùng nữa — chính vì lẽ những nhà văn đích thật biết giới hạn mình, chỉ nói tới những điều không buộc mình phải gian dối, hay biết lặng thinh về những chỗ mình không tán thành.

Theo thiên ý, thì lầm lạc của chánh sách kiểm duyệt nói chung là như sau đây: kiểm duyệt dẫn người ta đến chỗ oán hận và giả trá. Bởi chúng ta cần phải cứu vớt những người, dầu ở trong sai lầm, nhưng thành thật. Những người này không sớm thì chầy thế nào cũng có ngày giống lên được tiếng nói chân thành của mình, giá như họ không bị buộc phải giả trá theo kiểu tôi vừa giải bày cùng ông trên đây. Bởi vì giống người Espana chúng tôi là một giống người có tư cách, có khí sắc và có nhân phẩm.

HỎI. — Xin bà cho biết xem bà làm việc trong hoàn cảnh tinh thần và vật chất nào? Và bản rộng ra, các nhà văn Espana hiện đang sống ở Espana làm việc trong điều kiện nào?

ĐÁP. — Tôi không đủ thẩm quyền để đáp câu hỏi ông một cách tổng quát. Đời sống trong thời đại chúng ta quả là nhọc nhằn. Hoàn cảnh tinh thần và vật chất của nhà văn trước công việc của mình cũng cần được xét lại hết như hoàn cảnh của xiết bao nghề nghiệp, chức vị, nhiệm vụ hay chí hướng khác.

HỎI. — Xin bà cho biết xem bà có sống bằng ngòi bút của

*Daria la mitad de mi sol
 Español por un sol alegre y caliente
 para todos y de todos...*

Carmen

Daria la mitad de mi sol español por un sol alegre y caliente para todos y de todos. (Tôi xin tặng nửa phần mặt trời Espana này đổi lấy một mảnh mặt trời tươi đẹp và ấm áp cho tất cả mọi người.)

CARMEN

minh không? Bà có nguồn lợi tức nào khác? Một nghề tay trái, chẳng hạn? Và trong trường hợp này, bà sắp xếp thế nào cho việc viết văn của mình được suông sẻ?

ĐÁP. — Tôi không có tài sản riêng. Trái lại: tôi ngự trong cảnh nghèo khó chấp nhận. Tôi trả đầy đủ giá tiền để sống trọn hai mươi bốn giờ đồng hồ trong cuộc đời. Hai mươi bốn giờ tiếp theo là một thời gian bị ăn.

Tác quyền của tôi vô chừng và không đều. Tôi sống phần nào nhờ số lương của chồng tôi. Nhưng, tôi tin rằng giá được dành hết thời giờ cho việc sáng tác, thì tôi có thể tự túc dễ dàng. Dầu vậy, tôi cũng nhận rằng, ở một xứ nghèo nàn như xứ tôi, tác quyền của một nhà văn không làm sao thỏa mãn được hết mọi nhu cầu vật chất để nhà văn có thể hiến mình trọn vẹn vào việc sáng tạo và học hỏi. Phần tôi, tuy không hề được nâng đỡ, không hề chịu lòn cúi, không hề nương dựa vào thế lực chánh trị, xã hội hay kinh tế nào, tôi cũng đã làm nên tên tuổi của mình ngày nay trên văn đàn. Tôi muốn nói rằng mình có thể làm được nhiều hơn nữa, giá như

mình không phải gánh vác bao nhiêu bần phận thường nhật trong cuộc sống khó nhọc này. Nhưng tôi nghĩ rằng đây là một tai họa chung và hầu như đại đồng. Tuy nhiên, hình như tai họa này đặc biệt tác hại giới nghệ sĩ, trí thức, giới người làm nên cuộc tiến hóa của nhân loại, hơn giới nào khác. Tôi có cái cảm nghĩ này, là các dân tộc trên thế giới, ngoại trừ một vài trường hợp rất hiếm — thầy đều nhất loạt và nhất mực khinh rẻ và chê bai tài năng. Ngày nay, chúng ta không ngừng chứng kiến cảnh khinh thường trí óc. Có cả một sự hỗn loạn trong sự nhận định giá trị: chắc tại vì lẽ tuần hoàn lịch sử nó như vậy.

HỎI. — Xin bà cho biết lý do đã khiến bà cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết trong số các tác phẩm của bà ở ngoại quốc, mà không cho xuất bản ở Espana? Có những nhà văn Espana nào khác hiện đang sống ở Espana cũng cho xuất bản tác phẩm của mình ở ngoại quốc, tôi muốn nói: ở Nam Mỹ La-tinh, nữa không? Và vì lý do gì mà họ làm thế.

ĐÁP. — Tôi có cho xuất bản cuốn *Debajo de la piel* (Dưới làn da) ở ngoại quốc, vì kiểm duyệt Espana không cho giấy phép xuất bản trong nước. Được tuyển lựa đem đi dự một giải thưởng, cuốn sách nói trên được giải nhì, bất chấp mọi lời phản đối của chánh quyền bấy giờ. Những sự việc này xảy ra vào năm 1959, nếu tôi không lầm. Nay, và để cho những lời giải đáp của tôi được khách quan, tôi xin nói rằng, vào cuối năm 1966, cuốn *Debajo de la Piel* được gửi tới cơ quan kiểm duyệt Espana lần nữa và đã được cấp giấy phép xuất bản không gạch bỏ chữ nào. Tôi trân trọng cầu mong lời tuyên bố khách quan này được chấp nhận. Và cũng xin độc giả chấp nhận việc tôi không thể đáp lời ông về những lý do của các nhà văn khác như một việc làm thẳng thắn, chớ không phải vì tôi khinh thường mà không chịu giải đáp. Tôi chỉ có thể bảo rằng một số có thể than phiền một cách chánh đáng. Tôi cũng nghĩ rằng có một số khác viện dẫn nhiều lý do không thật. Vậy thì xin mạnh ai nấy trình bày trường hợp của mình.

HỎI. — Đối với một độc giả ngoại quốc, như chúng tôi đây, chẳng hạn, có một nhận định không tránh khỏi: đó là tánh chất địa phương trong nền văn học Espana hiện đại. Chẳng hạn, bà đây, bà

có xem mình là một nhà văn địa phương không ? Bà giải thích thế nào hiện tượng ấy ?

ĐÁP.— Tôi không xem mình là một nhà văn địa phương, và hình như cũng không có nhà phê bình nào xem tôi như vậy. Từ trước tôi cho đến nay, xuyên qua mấy thiên tiểu thuyết, vẫn được mọi người hết sức ủng hộ và, một cách thực tế hơn, hết sức Âu châu. Nhưng ngay cả tại đây tôi vì vậy đã phải chạm trán với những nhà văn. Có ai đó đã quả quyết rằng tư tưởng tôi thuộc loại cấp địa phương và tôi xem đó là điều đã khiến cho tác phẩm mình không thể là gì cả. Tuy vậy, tôi cũng không hề xem mình là nhà văn địa phương. Tôi nghĩ rằng ở các nước và địa điểm khác chắc cũng không tránh được tình trạng đó : bản sắc con người phần đông khó bề chấp nhận những tư tưởng tập thể. Nhưng riêng tôi, thì tôi hiểu thấu được những tư tưởng tập thể. Và còn tham dự vào tính chất thiết yếu và những sai lầm của các tư tưởng tập thể này nữa.

Nhớ lại thời ở trường tiểu học, thuở tôi còn nhỏ xíu, vào giờ khai giảng địa dư, thì đã bắt miệng báo cô giáo như vậy : « Em không hiểu ranh giới là gì ! Những ranh giới duy nhất mà trí óc tôi chấp nhận được, cho đến ngày nay, vẫn là những ranh giới do thiên nhiên cấu tạo. Nghĩa là : một giải đất màu mỡ soãi dài cho đến tận nơi nào bị chia cắt bởi sa mạc, hay núi non cách trở. Một thể giới cư ngụ bởi con người ngưng dứt khởi từ chỗ biển cả bắt đầu. Còn lại, là trái đất của mọi người. Con người chia ranh giới, là bởi nhu cầu và thói quen. Phẩm chất con người có thể tạo ra ranh giới. Đường sá, thì không. Con người sở dĩ vô lấy chúng, là bởi đó là sáng tạo của con người, chứ không phải của thiên nhiên. Hằng bao nhiêu thế kỷ nay, chúng ta đi ngược lại lẽ thiên nhiên. Sự thật vượt khỏi tầm tay chúng ta từng lúc. Nhưng mà tiến hóa và luật lệ rừng rậm cũng là sự thật nữa chứ, phải không ông ? Không có ai đủ sức cản mũi cản lái không cho tư tưởng tiến hóa theo chiều hướng tự nhiên. Biến đổi là một hiện tượng tự nhiên. Không một ai đủ sức xóa bỏ được luật kẻ mạnh.

Xin lỗi ông, tôi đã lạc đề. À, mà ông đã nói gì kia chứ : tánh chất địa phương ư ? Ông cứ nghĩ lại mà xem : thế nào là tánh chất

địa phương khi mà địa cầu của chúng ta sắp mở trận tấn công Mặt trăng? Đã đến lúc cần xét lại một số ý niệm cũ, ông không tin như vậy sao?

GEORGES COLOMER. — Hình như ông Trần Thiện-Đạo, trong câu hỏi trên, chỉ đưa ra một nhận định về một hiện tượng có thật trong nền văn học Espana hiện đại, đối chiếu với các nền văn học hiện đại khác. Còn cô Carmen Barberá thì lại muốn vượt qua hiện tượng có thật ấy mà đi về tương lai. Có phải vậy không?

TRẦN THIÊN-ĐẠO. — Phải.

CARMEN BARBERÁ. — Đồng ý.

TRẦN THIÊN-ĐẠO : Xin hỏi tiếp. Bà có thể phác họa cho độc giả tạp chí chúng tôi một biểu đồ sơ lược, tạm thời trình bày những nét chánh của nền văn học Espana kể từ sau Thế chiến thứ nhì không?

CARMEN BARBERÁ : Ông đang đòi tôi viết cho độc giả ông một quyển sách dày, không thể thực hiện bằng vài dòng chữ. Phân tích thời kỳ này là một công việc thích thú và đáng làm. Nhưng đức tánh hời hợt ba hoa không phải là sở trường của tôi.

HỎI : Nền văn học Espana hiện đại, theo bà, có chịu nhiều ảnh hưởng văn nghệ ngoại quốc không? Và đặc biệt chịu ảnh hưởng của nền văn học ngoại quốc nào?

ĐÁP : Tôi có thể quả quyết với ông rằng ảnh hưởng văn nghệ ngoại quốc ở nước tôi rất sâu đậm và hầu như bao trùm mọi khía cạnh. Cách này hay cách khác, nước chúng tôi ngập trong tài năng. Nó không còn chịu nổi tình thế bị dồn ép nữa. Nay mai đây, nó sẽ đập phá vỡ tung mọi ranh giới. Cảm thức đại đồng đang quay quần chung quanh tất cả mọi nhà văn Espana.

HỎI : Vấn đề mà người ta gọi là vấn đề hạ thấp trình độ tác phẩm (6) có được đặt ra một cách khẩn thiết đối với nhà văn Espana không? Giữa nhà văn Espana và độc giả có những mối tương quan nào?

(6) Nguyên văn của chúng tôi là : (le problème) du nivellement des oeuvres.

ĐÁP : Tôi không thể đáp câu hỏi trên của ông. Tôi nhận thấy những mối tương quan mà ông vừa nói đó rất là lỏng lẻo, không mang một hình dáng rõ rệt nào. Ấu cũng là một cách đáp câu hỏi của ông.

HỎI : Đề tạm kết luận, xin bà vui lòng cho chúng tôi được biết quan niệm về nghệ thuật, và đặc biệt, về văn nghệ, của bà. Theo ý bà, văn nghệ có thể lực gì ? hay đề nói cách khác, văn nghệ có thể làm gì ? văn nghệ có thể làm gì trong một quốc gia chuyên chế như nước Espana hiện nay ? văn nghệ có thể làm gì, đề dùng lại câu nói của Jean-Paul Sartre mới vừa đây, trong một thế giới đói khát (7) ?

ĐÁP : Câu hỏi của ông chia ra làm nhiều câu lẻ tẻ khác nhau. Tôi xin lần lượt theo thứ tự mà đáp.

Ông bảo : xin bà vui lòng cho tôi được biết quan niệm về nghệ thuật, và đặc biệt, về văn nghệ, của bà.

Tôi xin đáp ông như sau : ý niệm về nghệ thuật của tôi thuộc loại ý niệm siêu quát. Nếu ở đời mà không có nghệ thuật, thì sự sống sẽ không là sự sống với không khí, mà là sự sống hòa lẫn với sự chết. Nghệ thuật chính là bàn tay báo thù của thực tại. Bởi vì thế giới thực tế — cái thế giới vốn xem chừng như khinh rẻ nghệ thuật — lại được điều khiển bởi chính sự vật mà nó khinh rẻ. Còn Văn nghệ, đối với tôi, thì nó là ý thức về sự sống. Những vật gì không được phản ánh trong cuốn sách, thì không quan trọng. Còn sự sống vốn rất quan trọng, thì nằm trong quyền sách quan trọng. Vì lẽ cuốn sách nào không quan trọng, thì không phải là Văn nghệ. Chính vì vậy mà sách là tinh chất chánh xác nhất và tế nhị nhất của sự sống, là hình bóng con người trong mặt kiếng. Con người nào không được mặt kiếng ấy phản chiếu hình bóng, thì y không có thật, hay không đáng mặt có thật.

Rồi ông tiếp : văn nghệ có thể lực gì ? Tôi xin đáp : thế lực

(7) Xem : Jean-Paul Sartre tỏ rõ thêm về quyền *LES MOTS*, phỏng vấn của Jacqueline Platier, Trần Thiện-Đạo phiên dịch (Văn, số 17, 1/IX/1964).

của ý thức. Cũng hệt như ý thức, văn nghệ làm công việc nghĩ ngợi, suy luận, chỉ dẫn, cảnh cáo, tố giác, soi sáng. Nó lọc hột thóc ra khỏi cọng lúa, tôm cá ra khỏi biển cả, trận mưa ra khỏi đám mây, sự thật ra khỏi lời gian dối. Chính vì lẽ đó mà văn nghệ thiết yếu phải là công việc của người có chí hướng và năng khiếu : kẻ nào thiếu hai yếu tố này, chớ nên nhúng tay vào, đừng có làm cho nó lấm lem, đừng có làm phiền rộn nó. Tiếng gọi của một con người chỉ có mình kẻ đứng kẻ cựa nghe tới. Còn tiếng gọi của cuốn sách, thì cả thế giới, cả tháng ngày, cả thế kỷ đều lắng tai nghe. Chẳng phải là một thế lực bao la rộng lớn ư ?

Ông lại hỏi : văn nghệ có thể làm gì trong một quốc gia chuyên chế như nước Espana hiện nay ? Tôi xin đáp : nó có thể làm gì ư ? Thì làm điều nó phải làm : chứng minh tánh chất thiết yếu và khát vọng của mình, và tin tưởng ở tương lai.

Rồi ông lại hỏi tiếp : văn nghệ có thể làm gì, để dùng lại câu nói của Sartre, trong một thế giới đói khát ? Văn nghệ có thể làm gì ư ? Thì nó có thể làm công việc chưa có ai làm. Nghĩa là chứng minh rằng đói khát không bắt nguồn từ bao tử, mà từ tinh thần. Cứ hãy giải quyết xong xuôi vấn đề cơm áo, con người sẽ chứng minh cho ông nhận thấy rằng y vẫn có thể bỏ lơ cơm áo nếu y không được no ấm với một thứ gì ít thực tế hơn. Đó là văn nghệ. Văn nghệ có thể làm công việc chứng minh rằng, trong một thế giới đói khát, vấn đề cơm áo phải được giải quyết bằng bộ óc. Rằng chúng ta chỉ thật tình no ấm, cộng thêm vào cơm ăn áo mặc, chúng ta còn cần có mơ mộng (8).

HỎI. — Câu hỏi chót : bà có được biết tin gì về nhà thơ Carlos Alvarez, cuối năm 1964, đã bị Tòa án Trật tự Công cộng, rồi Tòa án Hội đồng Quân pháp kêu án ba năm tù và một số tiền phạt rất nặng vì tội tuyên truyền trái phép và xúc phạm quân đội, không (9) ? Bà nghĩ sao về vụ án này, vụ án một nhà thơ bị chánh phủ truy tố vì tư tưởng ?

(8) Carmen Barberá đi đến kết luận tương tự kết luận của Yves Berger. Xem Yves Berger : *Chúng tôi không phải là kẻ phản bội*, Trần Thiện-Đạo phiên dịch (Văn, số 21, 1-XI-1964)

ĐÁP. — Tôi không được hay biết gì về vụ án này. Tôi không biết rõ nhà thơ Carlos Alvarez hiện ở đâu. Tôi không biết rõ chỗ lần tránh của bao nhiêu người khắp cùng thế giới điên cuồng này. Tôi cũng không biết rõ hiện thời ông đang ở đâu. Tôi cũng không biết rõ những khía cạnh trình nguyên còn lại của tôi hiện đang ở đâu. Tôi cũng không biết rõ chính nhân loại hiện thời đang ở đâu. Bởi vì nếu tôi buộc phải bộc lộ ý kiến của mình — ông cứ nhớ lại những biến cố trọng đại xảy ra trên thế giới mỗi ngày — thì lời nguyện rửa của tôi sẽ nặng nề khôn tả.

Tôi không rõ ông đang nghĩ sao về những lời đáp của tôi, nhất là vì các lời đáp này không đặt vào một địa điểm nhất định nào. Bởi chúng chỉ là những lời đáp của một cá nhân chớ không là của một con người phục vụ cho một cơ quan chánh thức nào. Tôi không làm kẻ phục vụ cho ai hết, ngoại trừ cho con người nói chung chung quanh vấn đề tạo hóa và tạo vật. Khi bà Ê-và tìm cách xui ông A-đam ăn trái đào, thì bà đã vận dụng chánh trị rồi, bà hành động ын khớp với chủ đích của mình, nhưng không chừng cũng là lỗi tại ông A-đam, ông nào có cần tới trái đào ấy đâu? Tôi hiểu rằng chánh trị rất ư cần thiết để cai trị nhân quần, nhưng không cần thiết một mảy may nào cho sự nảy nở của bản năng thẩm kín của chúng ta. Bất luận chế độ chánh trị nào cũng hại cho cá tánh của chúng ta. Ông tất đã hiểu rằng tôi không hoàn toàn tán thành một chế độ chánh trị nào. Tôi cũng không hoàn toàn tán thành những thiếu sót mà nguồn gốc nằm ở trong thân phận đàn bà của tôi. Tuy vậy, tôi cũng buộc phải nhượng bộ. Nhưng nhượng bộ, không phải là chấp nhận mà là chịu đựng.

Từ mọi nhận định trên đây, tôi nghĩ người ta đã hiểu rằng tôi xem mình là một con người có bản sắc. Nói nào ngay, thì cũng không mấy thú vị, bởi lẽ trên thế gian này không có nơi chốn nào dành riêng cho lớp người ấy. Cuộc tranh đấu bao giờ cũng cô độc. Nhưng mà là một cuộc tranh đấu cho một lý tưởng chung. Một nhà văn, như vậy, có quyền có tư tưởng chánh trị, nhưng y không thể

(9) Về vụ án Carlos Alvarez, xem Trần Mai-Lan : *Thân phận một người trí thức (II)*, in *Tin văn...văn* (Văn số 28, 15-11-1965).

hoạt động bằng chánh trị, bởi lẽ y sẽ làm tan rã bản sắc của mình. Tóm lại, chỉ có một việc này là rõ rệt : xin ông chờ đòi hỏi tôi phải có những hoạt động chánh trị hay can thiệp cho ai về mặt chánh trị. Hãy đòi hỏi tôi hoạt động cho hòa bình và cho tự do, và tôi sẽ hiến thân mình cho mục tiêu ấy. Mọi việc khác, chỉ là những lời nói suông (10).

CARMEN BARBERÁ

TRẦN THIÊN-ĐẠO

(Tháng III/1967)

(10) Đặt những lời giải đáp trên đây của nhà văn phái nữ Carmen Barberá (hiện sống ở Espana) trở vào trong hoàn cảnh một bầu khí chánh trị bùng bít, bạn đọc ắt hiểu thấu thái độ rất dè dặt và chừng như phi chính trị của bà.

ĐÓN ĐỌC :

V Ă N Đ Ề

số 2

PHÁT HÀNH ĐẦU THÁNG VI/67

đương - nghiêm - mậu c o n s â u

(truyện dài)

TÔI PHẢI TRỞ VỀ ĐÓ, DÙ SAO. QUẢNG BƯỚC đi về oái về phía đầu đường nơi dãy phố ngang những cửa tiệm sáng đèn. Trăm sáng đã đóng cửa. Hè phố bên kia đèn sáng trên những bảng hiệu, những cánh cửa đóng, trên lan can góc xuống đường một vài bóng người nhòe nhoẹt lơ đãng... Đêm đã khuya. Ngọn đèn nơi góc đường nhấp nháy liên hồi. Người cảnh sát ngồi nơi gốc cây tay cầm điều thuốc... Nơi con đường rẽ bên mặt, trên không hè rộng chan hòa ánh sáng trong xanh, nơi đó một chiếc xe phở ở giữa những chiếc bàn con nhấp nhô những người ngồi, người đứng. Dưới đường những chiếc xe nối đuôi nhau... Một chiếc trực thăng từ đâu bay ngang đầu mất hút, những chiếc đầu ngược lên, cánh tay chỉ, về phía cuối phố, trên cao, sau những bóng lá cây, nơi nền trời nhợt nhạt Quảng nhận ra hai ánh hỏa châu... Không xa thành phố này, không xa cuộc sống này, cuộc chiến vây phủ. Ở Sài-gòn giờ này người ta làm gì ta. Tiếng thảng bạn về bang kuảng. Mày chưa ngủ sao, nhớ gì ở trên đó. Bây giờ mà được ăn một tô phở uống một ly cà-phê. Tưởng gì... Còn đòi gì nữa, đến thế còn không có nữa mà đòi gì, chỉ mới nghĩ tới phở thôi mà đã muốn lặn

(*) Xem từ VĂN số 66.

về...mày không nhớ phở à, phải rồi, mày còn nhiều cái để nhớ mà, đàn bà hả. Ừ đàn bà, đáng nhớ hơn phải không. Thì nhất định rồi, Trên đó bao nhiêu chuyện vui, bao nhiêu lạc thú, bao nhiêu đàn bà tao chỉ sợ khi được về rồi thấy ai cũng đẹp hết trơn, lúc bấy giờ thì biết làm sao. Làm sao, biết làm sao mà được à, em chỉ yêu anh bình nhĩ, mày tin vậy hả, thôi đi cha, ba cái thằng cả trơn, ba sạo, đừng có đụng đến cái cặp quần em mà ra tòa...*Tướng luôn đa tình đáng yêu*.. Tiếng cười hắc hắc đầu đó của một phiên gác đêm nào đã xa. Tôi đã mất đi từ lâu lắm những phản ứng, tôi không còn những chua chát, bất mãn, hằn học, tôi chỉ còn biết văng tục bằng quơ, miết rồi những văng tục đó không còn một ý nghĩa nào nữa.

Tại sao không ăn một tô phở, hưởng cái lạc thú của người bạn một hôm nào đó. Quảng đi lại gần cố tìm một chỗ trống nhưng không có, quanh đó cũng còn một vài người đứng lóng nhóng như chờ đợi một người nào đó đứng lên. Tôi đi lại bên chiếc xe, ngay nơi đó có một chỗ, bên phía thùng nước lèo bốc hơi nóng. Ngồi đây cũng được, chết chóc gì, ngồi hoài đầu mà sợ. Cho một tô đây, phở gì ông, gì cũng được, một tô cho đặc biệt.

Tô nhỏ để trước mặt, mùi thơm dễ chịu. Thằng bạn nói, người mùi phở là hẳn biết thịt trâu hay thịt bò, phở ruộc hay pha, tôi không biết được điều đó. Mọi cơ quan trong người tôi đã chẳng còn gì là chính xác, có phải tất cả đã bị làm hư đi. Ăn chỉ còn là hành động để cho đầy dạ dày. Hồi vừa nhập ngũ, nghe một tên cán bộ ví cái miệng là cái cối xay cút đã khiến tôi nổi nóng, nhưng rồi từ đó, văng từ đó, có lúc tôi đã nhận ra có phần đúng. Mỗi lúc tôi một thấy sự linh thiêng, cao đẹp về con người ruột mòn rã hao gầy. Trên mặt bàn học trong quân trường, tôi còn nhớ như in đây vô số những hình ảnh con người, cái hình ảnh được ghi lại với khối óc và trái tim của bao nhiêu người đã ngồi vào đây liên tiếp chông chênh. Hình ảnh những con người trần trụi với mọi cách thể, mập có, gầy có, trẻ có, già có, con cái, con đực, nhưng đó là con người không đầy đủ, khi thiếu cái tay, khi thiếu cái đầu, khi thiếu đôi chân, nhưng bao giờ những bộ phận sinh dục cũng đầy đủ, to lớn, bao giờ cũng được tô vẽ, khắc sâu một cách đậm đà trau chuốt. Nó rất sai lạc với thực tế nào đó nhưng rất thực rất đúng

với một cái nhìn nào đó. Và luôn luôn, người đàn bà, con cái trong cái nhìn giống đực chỉ còn mỗi cái lỗ tròn, đôi vú với dáng điệu cách thể bỏ ngổ như một đồ vật cần dùng... Từ đó đến nay tôi đã đánh mất đi bao nhiêu ảo tưởng, để chỉ còn lại những thực tế...

Quảng móc túi lấy tiền trả, một bàn tay để lên vai, Quảng nhìn lại :

— Anh nhớ tôi không ?

Quảng trau mày, đứng lên :

— Tôi trông anh quen quá mà không biết gặp ở đâu.

— Lâu quá rồi mà, làm sao nhớ. Thanh đây mà.

Thanh, Thanh, tôi nghe cái âm thanh quen thuộc ấy. Tôi chợt nhận ra.

— Trời ơi, nhớ chứ...hồi này sao ?

— Tôi lên Sài-gòn lâu rồi.

— Làm ăn khá không, thêm đứa nào không ?

— Khá, khá, thêm một đứa rồi, gặp anh tôi mừng hết sức, trong đại đội trước kia của mình tôi gặp lại một vài người. Tôi có hỏi thăm anh mà chẳng ai biết tưởng là ngỏm rồi. Sao hồi này làm ăn chi ?

— Không làm ăn gì hết.

— Sao vậy ?

Quảng phác một nụ cười với bạn cũ, người bạn của những tháng trong quân trường...Quảng nhìn Thanh :

— Anh ăn phở chứ.

Thanh nhìn quanh tìm chỗ ngồi, một người phía ngoài đứng lên. Thanh lại xách lấy chiếc ghế lại để gần bên Quảng :

— Anh ăn rồi sao ?

— Tôi vừa định đi.

— Ngồi đây đã, ăn nữa, gặp anh tôi mừng hết sức, chút nữa về nhà tôi chơi — Thanh chỉ tay ra chiếc xích-lô máy phía bên kia đường — Bây giờ tôi chạy xe.

Quảng ngồi xuống :

— Tôi ăn rồi, anh ăn đi...

— Uống gì vậy, la-de nghe — vừa nói Thanh vừa đưa tay búng về phía trong, nơi quán nước — cho chai la-de lớn đây. Trời ơi, bọn mình mà sống sót là phước lắm. Bao nhiêu thằng đầu còn.

Giọng người bạn trầm xuống. Từ đó đến nay Thanh đã thay đổi gần hết. Bây giờ là một Thanh mạnh dạn, mập mạp nhưng vẫn còn đó một Thanh cười mở tươi cười hồn nhiên. Những ụ bản cô quạnh, con đường cát mù, những ruộng bắp, thuốc, rau cải xanh tươi và hình ảnh Thanh trầm lặng thấp thoáng trong ánh sáng mù đục những sớm mai nhòe nhoẹt chưa có ánh sáng... Tôi vẫn chưa quên căn nhà đó, chiếc sân đất bột, những lớp học với mái nhà tôn hấp nóng, tôi vẫn chưa quên những con đường độc đạo, những gác canh cao ngó xuống, những con đường hầm mùa mưa đầy bùn nhớp nháp...

Thanh còn nhớ những gói thuốc dế, những cụm hoa bắp, những con cá mồi bụng trắng nổi lều bều trong chiếc thùng... Thanh còn nhớ chẳng những ngày đó...

Tôi thức dậy, ra khỏi màn, ngồi trên tầng giường cao căn nhà đại đội trong ánh sáng vàng yếu rộng hẳn ra và chìm trong im lặng, lối đi rộng ở giữa phân căn nhà làm hai kẻ đều mỗi bên hai dãy giường hai tầng, những chiếc màn màu chàm phủ đều vuông vắn như những chiếc quan tài ngoại khờ. Tôi chợt nhận ra phía bên này, nơi dãy giường phía trong, tầng trên một ngọn nến cháy leo lét, và một khoảng trống ở đó, đó là giường của Thanh, hẳn chưa ngủ. Tôi lấy bao thuốc trên đầu giường ra châm hút, tôi liệng que diêm ra giữa lối đi, người bạn gác phòng đi đi lại lại áp chiếc máy thu thanh bỏ túi trên tai dừng lại nhìn lên mỉm cười :

— Không ngủ sao bồ.

— Tự nhiên mất ngủ...

Tôi bỏ hai chân xuống khỏi giường đang đưa, làn khói thuốc nhẹ nhàng bay lên lơ đãng. Người bạn gác phòng chậm chạp bước đi, tới cửa anh ngồi xuống một bên tựa lưng vào thành cửa, ngoài.

bầu trời ánh sáng đục, thứ ánh sáng nhạt, từ trong và trên cao nhìn ra tôi chỉ thấy khoảng sân đất phẳng đều một màu, với khung cửa vuông vức hình ảnh người bạn im lặng nổi bật như một pho tượng. Tôi giật mình vì bóng một con chuột lớn tha thẩn trên lối đi đầu chúm về phía trước như đang kiếm mồi. Tôi đu người nhảy xuống, con chuột chạy biến vào bóng tối. Tôi đi lại phía Thanh, hai dây giường cao bít bùng im lặng, tôi nghe thấy những tiếng thở không đều trong những chiếc màn buồng kín, những khuôn mặt, những thân hình không rõ ràng, con mọt mề sau một ngày mọt nhọc trong nắng lửa ngoài u bản, những giấc mơ nào những hình ảnh thân yêu nào trong những giấc mơ mù mịt. Tôi đứng lại trước đầu giường, người bạn nằm phía dưới ngủ yên trong màn, Thanh nằm giường trên, trên chiếc cột nhú lên phía tay mặt ngọn nến đỏ leo lét cháy, ngọn lửa có lúc tắt đi vì những cơn gió lùa ; những giọt nến đỏ như máu chảy xuống chan hòa, từ dưới tôi chỉ nhìn thấy mái tóc ngắn của Thanh. Thanh nằm ngửa. Tôi đưa hai tay giữ lấy thanh giường đưa chân lên thanh gỗ ngang phía dưới rồi nhẹ nhàng huýt người lên : Thanh nằm ngửa, hai chân duỗi thẳng, bụng đắp chiếc mền, một tay trên ngực còn cầm tờ báo, một tay bỏ thông xuống chiếu, mắt Thanh nhắm lại hiền lành, ánh sáng của ngọn nến từ một phía hắt lại khiến cho những mụn trứng cá trên da mặt sần sùi của Thanh như nổi hẳn lên. Chừng như Thanh đã ngủ thiếp khi đang đọc dở tờ báo không kịp buông màn. Trông Thanh trong giây lát như một xác chết đang chờ đợi được bỏ vào trong quan tài và ngọn nến trở thành hơi hắt quanh buồn. Chợt đôi mắt Thanh mở ra và một nụ cười dễ dãi. Thanh nhận ra tôi, Thanh xoay người nằm sắp ngừng đầu lên :

— Anh tưởng tôi ngủ thiếp rồi hả.

— Không một sao, ngủ đi thôi sáng mai báo thức bốn rưỡi đó, hôm nay đi bãi nắng anh nào cũng đừ người hết, hồi trưa lên thêm nắng nằm xuống lần đất cát nóng bóng tối lạnh toát cả người, nhìn bia thì thấy như nó nhảy cà tung, kể cũng gần tèo "bu-gi", sao bạn khá không ?

— Thắng cha bên cạnh nó cận thị bạn cha nó sang bia tôi hết, tưởng bị phạt, bạn có ba viên mà trên bia có tới năm, nào mình có thích thú gì mà còn ăn cắp đạn đề bạn, nhiều cha cũng kỳ thật.

Thanh ngồi dậy đưa tay moi từ dưới gối ra gói vải nhựa, đó là gói anh dùng để đựng thuốc hút, nhanh nhẹn và quen thuộc anh lấy ra miếng giấy trắng nhỏ với một chút thuốc anh vắn thành điệu thuốc đưa môi vuốt cho thẳng rồi ngậm lên môi, dùng một cọng tăm mỗi lửa. Thanh hút hơi thuốc đầu một cách khoan khoái, mùi thuốc nặng xộc vào mũi tôi khiến tôi xuýt sặc, đó là thứ thuốc từ dưới quê mang lên cho anh, anh cầm gói vải nhựa lên tay nhắc và cười với nụ cười ngượng ngùng :

— Tuần này bà xã tôi lên rồi.

— Gói thuốc nó nói với anh vậy hả.

Vẫn nụ cười trên môi :

— Bà ấy biết cứ thuốc của tôi nên khi nào cũng vậy gần hết gói thuốc là vừa nửa tháng, tôi muốn mỗi tháng bà ấy lên một lần thôi nhưng bà ấy không chịu, anh nghỉ từ đây xuống Bến-tre thì đủ biết, sáng thứ bảy là đã phải đi rồi, nếu không kẹt xe nhà binh thì khoảng trưa lên tới trại tiếp tân, nếu không có khi tối mịt mới tới nơi, tội nghiệp lần đầu không biết gì hết mãi tới khuya mới kiếm được trại tiếp tân bà ấy khóc lo ngủ ngoài đường, anh thấy đó, lại còn đứa nhỏ nữa, lên thì vui sướng gì chỉ khóc với mẹu có khi về còn bị đau nữa.

Giọng Thanh trầm xuống, hình ảnh vợ anh hôm nào lại hiện ra trong trí óc tôi với đôi mắt đỏ ngầu, đầu vắn chiếc khăn sọc đỏ, tay bế đứa con gái một tuổi trên tay chạy theo chồng đang đi trong hàng dề tới vườn Cộng-hòa, chị đã không đủ胆 lòng chờ đợi mà bế con đứng ngoài lối đi đưa mắt nhìn không biết bao nhiêu khuôn mặt lướt qua để nhận thấy chồng mình, Thanh thì cố gắng quýt ngượng ngập rẽ vội ra ngoài hàng bế lấy con rồi trở lại hàng, đứa nhỏ chừng như lạ với áo quần của cha nó cùng với bóng nhập nhoạng của buổi sớm mai chưa rõ mặt người nên khóc thét lên. Tôi nháy xuống :

— Thôi buông màn ngủ đi, mai đi bán đó nghe.

Thanh ngồi yên, ra đến ngoài nhìn lại tôi vẫn thấy Thanh ngồi bất động bên ngọn nến leo lét.

DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

(Còn tiếp.)

albert camus

sa - đọa

TRẦN THIỆN-ĐẠO

phiên-dịch và chú-giải

CHƯƠNG VI

CHAO ÔI ! NGÀI A, ĐỐI VỚI KẸ ĐƠN CHIẾC một mình, không thương đế và không quan thầy cuộc sống mới nặng nề khủng khiếp biết chừng nào. Vậy nên y buộc phải chọn cho mình một quan thầy để chiêm ngưỡng, thương đế không còn hợp thời nữa. Thật ra, từ ngữ này cũng không còn mang ý nghĩa gì nữa ; không bỏ để làm chương tai gai mắt ai. Này nhé, mấy nhà văn đạo đức của chúng ta kia, thói thường quả thật đứng đắn đến mực và biết yêu thương đồng loại đủ thứ tận trung, chẳng có chỗ nào ngăn cách họ với bản chất làm người Thiên Chúa cả, trừ chỗ họ không truyền giáo trong nhà thờ. Vậy mà cứ theo ý ngài, thì cái gì cấm họ vào đạo ? Lòng tôn trọng, đó ngài, họ tôn trọng con người, không chừng họ tôn trọng nhân loại, vâng, đúng thế (35). Họ không muốn làm chấn động dư luận, họ dành cảm nghĩ của họ cho riêng mình. Tôi có biết một tiểu thuyết gia vô thần giống y như vậy đó, chiều nào ông cũng tụng kinh gõ mõ. Vậy mà có thay đổi gì đâu : Thương đế vẫn cứ là bị ông ầu ẩu đả tui bụi trong sách của mình ! Thiệt là một trận như tử, nói như ai kia tôi chẳng còn nhớ

* Xem từ VĂN số 55.

nữa (36)! Một ông bạn cán bộ tự do tư tưởng nghe tôi họ: lại làm vậy, liền giơ tay lên trời mà than rằng và chẳng cũng không có ác ý: « Tưởng gì, chớ cái đó thì tôi dư biết, họ thấy đều như vậy hết ». Cứ theo lời y, thì tám mươi phần trăm các nhà văn của chúng ta, ví thử không phải ký tên quyết chắc họ sẽ viết sách hoan hô Thượng đế. Nhưng họ thấy đều ký tên, lại cũng theo y, vì họ mến phục mình, và họ không hoan hô ai cả, vì họ thù ghét mình. Bởi chúng cũng không thể không xét xử, nên họ lấy luân lý mà bù đắp chỗ đó. Tóm lại, họ có tâm địa ác ma đạo đức (37). Thiệt là một thời đại kỳ quặc, ngài nhỉ? Vậy thì có gì lạ đâu, khi tinh thần hóa ra bối rối, khi một ông bạn nọ của tôi, là người vô thần thời còn làm chồng chung thủy với vợ lại cải tâm vào đạo lúc trở thành gian phu!

Ôi chao! quả là một bọn người thâm hiểm, làm tuồng, xảo trá, mà lại ra trò thống thiết nữa chớ! Nói thật cùng ngài, họ thấy đều thuộc bọn ấy, cả khi họ chằm tửa thiêu đốt trời xanh (38). Dầu vô thần hay mộ đạo, dân Matxcova hay dân Boston họ đều là thiên chúa, cha truyền con nối. Nhưng mà ngày nay chẳng còn cha nữa, chẳng còn phép tắc phải tuân theo nữa (39)! Tự do mà, thì phải

(35) Nguyên văn: *Le respect, peut-être, le respect des hommes, oui, le respect humain*. Chỉ trích số nhà văn vô thần không ngừng nói đến con người, nói đến nhân bản, một cách trừu tượng, chẳng khác nào các nhà văn tôn giao nói đến Thượng-đế.

(36) Xem đoạn thuật chuyện xích mích ngoài đường giữa Jean-Baptiste Clamence và một ông đi xe gắn máy: ông này dọa cho Clamence ăn cái mà ông ta gọi là một trận như tử (nguyên văn: *une derouillée*). Chương III, giữa chú thích (12) và (13).

(37) Nguyên văn: *En somme, ils ont le satanisme vertueux*. Hai từ *satanisme* (ác ma) và *vertueux* (đạo đức) đối nghịch nhau; hai ý niệm đối nghịch này hiện hữu song song, cũng như Jean-Baptiste Clamence một người mà mang hai mặt. Xem thêm các chú thích (12), chương I; chú thích (9), chương III; chú thích (23), chương IV.

(38) Nghĩa là lớn tiếng hô hào lòng chân thật của mình.

(39) Âm chỉ câu *Tout est permis* (Ta tuyệt đối tự do) do nhân.

xoay xở một mình và bởi họ không muốn nhận lấy tự do và các định quyết của nó chút nào họ bèn cầu xin được khẻ lên đầu ngón tay, họ đặt ra bao nhiêu phép tắc để sợ, họ lật đặt chạy đi lập giàn hỏa thế cho giáo đường (40). Một bọn Savonarole đó mà, ngài (41). Nhưng họ chỉ tin độc có tội lỗi, chứ không hề tin tới ơn huệ bao

vật Ivan Karamazov (trong Dostôievski : *Anh em nhà họ Karamazov*, 1879-1880) thốt ra, khi cha y bị ám sát (cũng như con người không tin ở Thượng đế, cảm thấy mình hoàn toàn tự do). Xem nhận định của Albert Camus về câu này : (...) *Tout est permis ne signifie pas que rien n'est défendu. L'absurde rend seulement leur équivalence aux conséquences de ces actes. Il ne recommande pas le crime (...), mais il restitue aux remords son inutilité. De même, si toutes les expériences sont indifférentes, celle du devoir est aussi légitime qu'une autre. (...) Câu chúng ta tuyệt đối tự do không có nghĩa là muốn làm gì cũng được. Chẳng là vì tánh chất phi lý mang lại cho hậu quả các hành động ấy một mức độ trách nhiệm tương đương. Nó không khuyến dụ ai làm điều tội lỗi, (...) mà chỉ hoàn trả cho nỗi niềm ăn năn tánh cách vô ích của nó. Cũng hết như vậy, ví như mọi thí nghiệm thấy đều ngang nhau, thì thí nghiệm về bốn phần cũng chẳng kém chánh đáng gì hơn bất luận thí nghiệm nào. (...) (Albert Camus : *le Mythe de Sisyphe*, in *Bibliothèque de la Pléiade*, t. II, p. p. 149-150). Bạn đọc chú trọng tới nhận định này của Albert Camus có thể đi sâu vào chương nhan là *le Refus du salut* (Chối từ ý niệm Cứu độ), trong luận thuyết *l'Homme Révolte* (Sđd, tr. tr. 465-471) : trong chương này, Albert Camus khai triển và giải thích rõ ràng hơn tư tưởng giải bày trong câu trích dẫn trên.*

(40) Chỉ định rõ rệt giới trí thức khuynh tả Pháp, đặc biệt nhóm *les Temps Modernes* do Jean-Paul Sartre chủ trương.

(41) Girolamo Savonarola (1452-1498), nhà truyền giáo Ý thuộc dòng *Dominicain*. Con người vừa nhiệt thành, vừa khắc khổ, Girolamo Savonarola quyết chí phục hưng và cải thiện Giáo hội, tin chắc ở tánh cách trọng đại phi thường của sứ mạng đó. Trong công cuộc cải thiện và phục hưng Giáo hội này, nhà truyền giáo đã tỏ ra vô cùng nghiêm nhặt, dùng nhiều biện pháp độc đoán

giờ. Có nhiên chẳng phải là họ không nghĩ/tới ơn huê. Nó chính là điều lòng họ ước muốn, cũng như lòng họ ước muốn sống trong bầu khí chấp nhận, phóng túng, yêu đời và biết đâu, vì chừng họ cũng đa tình nữa, với thời kỳ đính hôn, với thiếu nữ son trẻ, với con người chánh trực, với âm nhạc. Tôi đây, chẳng hạn, vốn chẳng phải là kẻ đa tình, ngai có biết tôi đã mơ ước điều gì không : một mối tình vẹn toàn tim óc và xác thịt, ngày đêm không ngừng đắm trong vòng tay âu yếm, vừa hưởng lạc vừa phấn chấn và như vậy suốt trọn năm năm trời, rồi sau đó thì tắt nghỉ. Tiếc thay !

Bởi thiếu đính hôn hay ái tình khôn dứt, thế thì phối hợp vậy, phải không ngai, một cách thô bạo, với uy quyền và roi vọt. Cốt sao cho mọi sự hóa thành giản dị, như đối với trẻ con, sao cho mỗi hành động đều được linh trên chiếu chỉ, sao cho thiện, ác đều được phân định một cách độc đoán, nghĩa là rành rọt rõ ràng. Vậy mà tôi tán thành, dầu mình là dân Sicilia vừa là dân Java (42), lại chẳng thiên chúa tí tí nào, tuy vốn có cảm tình với người đầu tiên trong số họ (43). Nhưng đứng trên mấy cây cầu ở Paris, tôi cũng vậy nữa, tôi chợt thấu hiểu rằng lòng mình vốn dĩ kinh sợ tự do đến mực. Vạn tuế quan thầy vậy, bất kể y là người thế nào, để thế cho luật trời. "Lạy cha, chúng tôi tạm thời ở thế gian này.. Ôi các ngai lãnh đạo chúng tôi, chỉ huy chúng tôi, nghiêm khắc mà ngọt

(bất nghệ sĩ phục vụ tư tưởng mình, ra lệnh thiêu đốt nhiều họa phẩm, văn phẩm, cấm đàn bà đeo vòng vàng, và nhiều thủ đoạn khác). Năm 1498, bị xử tử hình và chết treo.

Albert Camus vì thái độ và hành động của Girolamo Savonarola với thái độ và hành động của giới trí thức khuynh tả Pháp kể từ 1945.

(42) Xem : *Bởi cảnh vật tôi thích hơn hết trên đời, là đảo Sicilia (...). Và đảo Java nữa (...)* Nói chung, thì tôi thích bất luận hòn đảo nào. Dễ ngự trị ở đó hơn. (Chương III, khoảng chú thích 3 và 4). Nghĩa là thói thường, tôi không chịu tuân theo một luật lệ nào.

(43) Tức là Chúa Giê-xu. Xem chú thích (32), chương V.

ngào, ôi các ngài dẫn dắt chúng tôi, nghiệt ngã và miễn yêu...» (44). Tóm lại, ngài nhận thấy rõ đó, cốt sao cho không còn tự do nữa và phục tùng, trong niềm ăn năn hối hận, đối với kẻ đều giả hơn mình. Ngày nào chúng ta thấy đều hữu tội như nhau, ấy mới là đến thời đại dân chủ. Ý là không kể tới việc còn cần bù trừ chỗ mình phải chết cô độc. Cái chết vốn đi lẻ loi đơn chiếc, còn cảnh tình nô lệ thì thân thể dính chùm. Họ cũng vậy nữa, người nào phần nấy, và đồng loạt với chúng ta, quan trọng chính là ở chỗ đó. Mọi người cuối cùng họp mặt đầy đủ, nhưng thấy đều gổ quí, và đau côi.

Phải chăng sống rập khuôn theo xã hội cũng chẳng kém hay đó ư? Và muốn vậy, phải chăng xã hội cần rập khuôn theo tôi đó ư?

(44) Nguyên văn: « Notre père qui êtes provisoirement ici... Nos guides, nos chefs délicieusement sévères, ô conducteurs cruels et bien-aimés... ». Tác giả nhái theo kinh *Pater Noster* (Kinh Lạy Cha), nguyên ngữ Pháp văn như sau: « Notre Père, qui êtes aux cieux, que votre nom soit sanctifié, que votre règne arrive, que votre volonté soit faite sur la terre comme au ciel; donnez-nous aujourd'hui notre pain de chaque jour, pardonnez-nous nos offenses comme nous pardonnons à ceux qui nous ont offensés, et ne nous laissez point succomber à la tentation, mais délivrez-nous du mal. Ainsi-soit-il. » Nguyên ngữ Việt văn như sau: « Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi nguyện danh cha cả sáng nước cha trị đến, vâng ý cha dưới đất và trên trời. Vậy xin cha cho chúng tôi rầy hằng ngày dùng đủ, và tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, lại chớ để chúng tôi sa trước cám dỗ và chữa chúng tôi qua khỏi mọi sự dữ. Amen. »

Chúng tôi in lại nguyên vẹn bài Kinh bằng Pháp ngữ và Việt ngữ trong mục đích làm sáng tỏ ẩn ý của tác giả khi ông nhái theo nó, và phần khác, để mời bạn đọc nhận thấy lối dịch lược lấy nghĩa của bài kinh bằng tiếng Việt-Nam. Lưu ý bạn đọc tách cách mỉa mai toát ra từ cách dùng chữ *provisoirement* (tạm thời, lâm thời) trong câu văn nhái trích dẫn trên: tác giả nói mỉa những lần thay đổi đường hướng đột ngột của giới khuyển tảo, và đặc biệt của giới cộng sản Pháp thời 1945-1956.

Thủ đoạn đe dọa, làm nhục, chế độ cảnh sát vốn dĩ là những nghi thức thường xuyên của sự rập khuôn này. Bị khinh miệt bị tróc nã, bị cưỡng bách, bấy giờ tôi mới đủ khả năng trở hết tài nghệ, hưởng thụ thực chất của mình, nghĩa là sống một cách hồn nhiên vậy. Ấy chính là, ngài ạ, nguyên cớ tại sao, sau khi đã trình trọng hoan hô tự do, tôi lại âm thầm nhất quyết trao trả nó lại lập tức cho bất luận kẻ nào. Và hễ gặp dịp, là tôi cất tiếng thuyết pháp trong giáo đường Mexico-City của mình đây, tôi kêu gọi quần chúng nhất loạt phục tùng và hèn mọn tranh lấy những tiên nghi của cảnh tình nô lệ, rồi thì cứ trình diện nó như là sự tự do đích thật.

Nhưng tôi đâu có đại đột gì, tôi thấy rõ rằng trạng huống tôi đòi chưa phải nay mai đã có được ngay. Nó chỉ là một trong số những chỗ lợi ích của tương lai, vậy thôi. Từ nay tới đó, tôi vẫn còn phải định liệu sao cho thuận hòa với hiện tại và tìm tòi giải pháp, ít nữa là giải pháp tạm thời. Vậy nên tôi đã buộc phải tính cách khác, sao cho lời xét xử lan rộng mà trùn hết mọi người khiến nó bớt đè nặng vai mình (45). Và tôi đã tính được cách ấy. Phiền ngài hé giùm cánh cửa sổ kia một chút, không khí trong buồng nóng nực lạ thường. He hé thôi, tôi cũng thấy ớn lạnh trong mình. Ý tôi vừa giản dị vừa phong phú. Làm thế nào đẩy hết mọi người xuống lấy đề mình được quyền tắm gội sạch sẽ trong nắng ấm? Trèo lên giảng đường như phần nhiều đồng nhân trừ danh của tôi mà nguyên rửa nhân loại ư? Nguy hiểm lắm, ngài ạ! Thế nào cũng có ngày, về sáng hay vào đêm, tiếng cười bỗng dựng dậy lên mà không báo trước. Câu phán quyết ngài trùn lên đầu kẻ khác cuối cùng trực chỉ dội trả vào mặt ngài, và làm thương tổn đôi ba chỗ. Thế phải làm sao? Ngài hỏi vậy. Thì sáng kiến tài tình là ở chỗ đó. Tôi phát giác ra rằng trong lúc ngóng chờ quan thầy và roi vọt, chúng ta phải biết noi gương Copernic (46) đảo ngược lập luận thì mới hòng đắc thắng. Vì chúng

(45) Xem : (...) *Vậy thì thoát tiên phải buộc tội hết thảy mọi người, không trừ một ai, ngõ hầu giảm bớt tội trạng của mình.* Xem thêm chủ thích (30), chương VI.

(46) Mikolaj Kopernik (1473-1543), nhà thiên văn Ba-lan. Trái với quan niệm đương thời, Mikolaj Kopernik chứng minh rằng Địa cầu không nằm ở trung tâm vũ trụ, mà vừa quay vòng quanh Mặt-trời, cũng như các tinh cầu khác; vừa quay quanh chính mình.

không thể khép kẻ tội khác mà chẳng tự xét mình tiếp liền sau đó, vậy thì cần phải si và chính mình để được quyền xét xử kẻ khác. Vì chừng bất luận quan tòa nào sớm muộn gì cuối cùng cũng hóa thành kẻ đi sám hối, vậy thì cần phải ngược đường mà hành nghề sám hối để có thể cuối cùng hóa thành quan tòa. Ngài theo kịp lập luận của tôi chứ? Hay lắm. Nhưng để cho càng được rõ hơn, tôi xin trình bày cùng ngài tôi hành sự như thế nào.

Trước hết là tôi đóng cửa phòng luật sư, giả từ Paris du hành cũng khắp rồi tìm cách mở lại dưới một danh tánh khác ở nơi nào không vắng khách. Những nơi như vậy chẳng thiếu gì trên thế giới, nhưng vừa vì tình cờ, vừa vì mĩa mai, vừa vì cần phải sống khổ hạnh thế nào kia nữa tôi đã được đưa đẩy đến đây chọn một thủ đô âm thấp và mù sa, chẳng chít kinh ngời, đặc biệt chen chúc và viếng thăm bởi hạng người tứ chiếng qui tụ từ khắp mặt địa cầu. Tôi đặt trụ sở trong một tửu điểm ngụ ở xóm thủy thủ. Thân chủ ở các bến tàu vốn rất tạp nham. Thường thì phường giá áo túi cơm không hay men đến các khu sang trọng, còn tầng lớp quý phái chỉ sớm muộn gì cũng có khi ít nhất là một lần, ngài nhận thấy rõ đó, trôi giạt tấp vào những chốn xấu xa, bẽ bối. Tôi biệt ngóng chờ dân trường giả, nhất là loại trường giả lạc đường; với ý tôi mới thật tình tỏ hết năng xuất của mình. Là kẻ sành điệu, tôi loại được ở ý những lời ăn tiếng nói tế nhị nhất.

(Còn tiếp)

ALBERT CAMUS
TRẦN THIÊN-ĐẠO dịch

VĂN số 81
ĐỌC TENNESSEE WILLIAMS

mồ làng văn

chuyện giải buồn

I.— GIÁC ĐẦU

ĐÃ TỪ LÂU MỐTÔI VẮNG MẶT TRÊN VĂN.

Bà con cô bác có nhiều người lo lắng, thăm hỏi. Nhờ Trời, Mồ tôi vẫn mạnh : vẫn cơm hai bữa, cà-phê hai cữ, thuốc lá thuốc lá hút lai rai. Sự vắng mặt của Mồtôi, nói có toà soạn Văn làm chứng, hoàn toàn ngoài ý muốn.

Số là, đã lâu rồi, trong một phiên họp thượng đỉnh, trước toàn ban biên tập và các cộng tác viên của Văn, thư ký toà soạn có lên tiếng kêu rên là các bài do Mồtôi viết đã gây cho hần ta quá nhiều sự hiểu lầm oan ức, và do đó, quá nhiều phiền phức lồi thối. Hần vung tay, chia ngón tay trở vào giữa mặt Mồtôi mà rằng : Xuất thân làm một tên mồ, nghĩa là làm cái *thằng đẩy tổ chung của cả làng*, nói theo từ ngữ của Ôn-như Nguyễn Văn Ngọc (1), chú mày phải biết phận mình. Đã là *đẩy tổ* thì chủ bảo sao, nghe vậy ; chớ biết gì mà dám thừa thối, nói chi tới chỗ lên mặt quét sân đình, nhứt là cái sân đình làng văn của cái nước Việt-Nam (2), bởi vốn có sẵn tới bốn ngàn năm văn hiến nên không thiếu gì bậc tài ba xuất

(1) Ôn-như Nguyễn Văn Ngọc : *Nam-thi hợp-tuyển*, Bốn Phương tái bản, Sài-gòn, 1952, trang 73.

(2) Ấy, ấy, chữ cái này là của cụ Phan Khôi đấy nhé.

chúng này ! Nghe hẳn nói xong, anh em biểu quyết rồi truyền lệnh cho Mốtôi phải treo chổi. Thú thật là nhận lệnh đó Mốtôi không khỏi mừng thầm. Mừng vì tự hậu không còn phải khom lưng « làm lính tướng quét trần ai » (3) nữa. Nhưng rồi sau đó Mốtôi cũng không tránh khỏi buồn thầm, nỗi buồn mỗi lúc một thêm thắm thía và đôi lúc lại trở thành cay đắng, nỗi buồn thường sâu đậm mỗi dịp Mốtôi nhận thư độc giả — người thì thăm hỏi, thúc giục : kẻ thì khích bác, chê cười (Mở này « nhỏ » tiếng lại « ngán » hơi !) Nhưng có buồn thì cũng mình biết với mình, thở than thì cũng chẳng ai nghe, nhất là cũng chẳng ai tin mình cả.

Thế rồi, nguyên do vì đâu chẳng rõ, trong một phiên họp (lại thượng đỉnh) mới đây, do sự can thiệp hăng hái của chính những vị hội trước đã hăng hái biểu quyết buộc Mốtôi phải treo chổi, nay lại biểu quyết mà với Mốtôi ra (ôi, chốn đình trung ngất ngưỡng !) Lần này họ bảo, chú mày buồn hả, thì kể chuyện giải buồn đi.

Vì chỉ được kể chuyện giải buồn, Mốtôi xin có đôi lời thưa trước cùng toàn thể độc giả thân mến của bản báo, cũng như cùng toàn thể « hải nội chư quân tử » được tường là : thấu rõ phận mỗ của mình, Mốtôi xin khoanh tay quý gối chịu tội, nhận lấy cho riêng mình hết mọi lỗi lầm và sai lạc có thể có trong những lời lẽ sắp trình bày trong loạt bài dưới đề mục này. Còn vì như những chuyện giải buồn của Mỗ tôi lại giúp được quý vị khuấy khoa trong chốc lát, lại được vinh hạnh quý vị ban cho một cái gật đầu ra chiều thưởng thức, thì xin quý bạn cứ xem đó là công trạng của những chuyên gia văn nghệ, những bậc tài hoa thường hay « đấu láo » với nhau trong những lúc trà dư tửu hậu, mà họ không biết rằng có Mốtôi (chao ôi, phận nô bộc hèn mọn này !) đang đứng xớ rớ đầu đó, bề ngoài là đề túc trực điều đóm, nhưng ngấm ngấm vẫn là chăm chú trộm nghe.

(3) Lê Thánh Tôn : *Vịnh Cối Chổi*, câu 2.

II. DỊCH LÀ PHẢN ?

Tập san *Văn-học*, số 56, ngày 15-3-1967, nhà văn Duyên Anh, trong bài *Một tác phong văn nghệ* có lên tiếng ca tụng Văn Mông là một dịch giả có tư cách ; có một thái độ ngay thẳng, đứng đắn ; đáng làm các dịch giả suy nghĩ. Một tháng sau, trên *Văn* số 56, Mỗ Làng Tân-nhuế có lên tiếng thương xác với nhà văn Duyên-Anh. Sau đó đến lượt Trần Phong-Giao cũng lâu bầu lên tiếng. Lời qua tiếng lại, cả ba ông kể trên đều nói những chuyện đầu đầu, nhưng không một ai nói tới điều cần nói : tư cách của dịch giả Văn-Mông ra sao, thái độ của Văn-Mông thế nào, nó có đáng được các dịch giả khác đề tâm suy gẫm hay không ? Với trình độ thấp kém của một tên mỗ làng, dẫu là làng văn đi nữa, Mỗ tôi cũng không dám mon men đến lãnh vực mà chỉ có những vị cao minh uyên bác, hiểu biết như rừng rậm, kiến thức như biển cả mênh mông mới dám lạm bàn. Thế nhưng, từ khi mắt được đọc, tai được nghe quan viên trong làng (văn) bàn tán xôn xao đến tài nghệ và tư cách của dịch giả Văn-Mông, Mỗ tôi không khỏi ngưỡng mộ thâm trong bụng. Gần đây lại thấy sách dịch *Khung cửa hẹp* được tái bản, Mỗ tôi bỗng nảy ý tìm đọc thiên truyện này, vừa đọc bản dịch vừa đọc nguyên bản. — Ấy, Mỗ tôi vốn có cái tật đáng ghét là hay tò mò so sánh, đối chiếu nguyên tác và bản dịch, mỗi khi tình cờ có dịp đọc một sách dịch nào. Trước là để nhặt nhanh thêm ít ngoại ngữ bầu bở túc cho cái vốn liếng "ăn đong" ; sau là để thưởng thức kỹ thuật và nghệ thuật của dịch giả để trau dồi cho cái kiến văn thô lậu của mình. Trong lần tìm đọc bản dịch *Khung Cửa Hẹp* này, Mỗ tôi cũng tìm thấy đôi ba điều lý thú. Xin được kể hầu bạn đọc, gọi là có câu chuyện giải buồn.

Nhưng trước khi vào chuyện, xin được tìm hiểu xem dịch giả Văn-Mông là người thuộc phái nào đã ? Vì nhà xuất bản không giới thiệu, lại vì bút hiệu Văn-Mông mới xuất hiện lần đầu, nên Mỗ tôi xin vì tính chất "yếu điệu thực nữ" của cái tên Văn-Mông mà mạn

phép xếp người mang tên đó vào giống cái. Và vì không rõ tuổi tác, nên lại xin mạn phép mà gọi chung-chung là cô : cô Văn-Mồng. Nếu sự phân loại của Mỗ tôi sai lầm, cô Văn-Mồng chẳng may lại là một khách râu mày, thì dám mong dịch giả Văn-Mồng tha tội giùm cho. Mỗ tôi xin được... đề đầu cảm tạ.



Bây giờ, xin mời độc giả thưởng thức đoạn văn này :

NGUYÊN VĂN CỦA ANDRÉ GIDE

(...) *Le soleil déclinant, que cachait depuis quelques instants, reparut au ras de l'horizon, presque en face de nous, envahissant d'un luxe frémissant les champs vides et comblant d'une profusion subite l'étroit vallon qui s'ouvrait à nos pieds ; puis, disparut. Je demeurais, ébloui, sans rien dire, je sentais m'envelopper encore, me pénétrer, cette sorte d'extase dorée où mon ressentiment s'évaporait. et je n'entendais plus en moi que l'amour. Alissa, qui restait penchée, appuyée contre moi, se redressa ; elle sortit de son corsage un menu paquet enveloppé de papier fin, fit mine de me le tendre, s'arrêta, semblant indécise, et comme je la regardais, surpris :*

— *Écoute, Jérôme, c'est ma croix d'améthystes que j'ai là (...)*

VĂN DỊCH CỦA VĂN-MỒNG

(...) Mặt trời ngã bóng, trong giây lát bị mây che, giờ hiện lên ở cuối phương đông, ngay trước mặt chúng tôi, ánh vàng giăng giăng trên đồng áng. và cảnh thung lũng bỗng lỏng lẻo lấy lạ thường, phơi mở dưới kia. Rồi mặt trời chìm mất. Tôi lặng lẽ âm thầm, một nỗi niềm dâng ngập tâm hồn lâng lâng như rửa sạch hết mọi oán sầu, hồn tôi, chỉ còn nghe tình yêu lên tiếng. Alissa nghiêng mình tựa bên tôi, chợt đứng dậy. Nàng lấy trong túi áo ra một gói nhỏ bao giấy mịn, định trao cho tôi, lại dừng lại, ngập ngừng, và nói :

— Này anh Jérôme ! đây là chiếc giá thánh hằng ngọc tím em giữ đó (...) (4)

Trên đây là đoạn mở đầu cho một cảnh biệt ly (ôi ! cảnh biệt ly sao mà buồn vậy !) : sau một thời gian xa cách mà lòng vẫn nhớ lòng, nhân vật Jérôme trở về cảnh cũ gặp lại Alissa, để rồi giã từ vĩnh viễn người yêu. Trong nền văn chương cổ điển Pháp, thiếu gì loại cảnh biệt ly giữa hai nhân vật như vậy (tỉ như, Madame de Lafayette : *la Princesse des Clèves*, Công chúa des Clèves, 1673 ; Eugène Fromentin : *Dominique*, 1852 ; và nhiều nhiều nữa) ; nhưng những cặp uyên ương này thấy đều vì một bồn phận nào đó mà phải xa nhau, rồi chỉ yêu nhau trong lý tưởng. Còn ở đây hai nhân vật Jérôme và Alissa không vì lý do bồn phận nào, họ biệt ly nhau là do ý nguyện của Alissa muốn thẳng bước vào khung cửa hẹp mà đi trên con đường gót rổ kỳ khu tiến tới hạnh phúc không phải là hạnh phúc trần gian. (5)

Đến đây Môtôi xin kính mời bạn đọc, sau khi đã định xong vị trí của đoạn văn vừa trích dẫn và đã thấu hiểu ý nghĩa đặc biệt của nó, Môtôi xin kính mời bạn đọc tìm hiểu thêm về đoạn văn dịch của cô Vân-Mồng.

Ưu điểm nổi bật là tánh cách lưu loát của nó. Cô Vân-Mồng đã không nề hình thức, biết chuyển nghĩa từng câu, tránh được lối dịch sát từng chữ (*Le soleil déclinant*, dịch là *Mặt trời ngã bóng* ; *au ras de l'horizon*, dịch là *ở cuối phương đoài* ; *envahissant d'un luxe frémissant les champs* (vides), dịch là : *ánh vàng giăng giăng trên đồng*

(4) André Gide : *Khung cửa hẹp*, bản dịch Vân-Mồng, An-tiêm, Sài-gòn, 1966, tr. 143. Bạn đọc có thể tìm thấy nguyên tác Pháp-văn ở bất cứ bản in nào của *La porte étroite*, giữa chương VIII.

(5) Thành ngữ *Khung cửa hẹp*, lấy trong *Thánh-kinh* theo *Thánh-Lược* (XIII, 24), tượng trưng cho những khổ cực nhọc nhằn phải trải qua trước khi con người được cứu độ. Thành ngữ *Gót rổ kỳ khu*, lấy trong *Ôa-Như-hầu Nguyễn Gia-Thiều : Cung-oán ngâm-khúc* (c. 70), cũng có ý nghĩa na ná như ý nghĩa kể trên.

ông : và nhiều câu khác nữa.) Thiết nghĩ, thoát khỏi mấy cạm bẫy của thuật dịch văn như vậy, cô Vân-Mông phải là một dịch giả có biệt tài. Riêng phần Môtôi xin gờ nón, cúi đầu, sát đất phục lạy.

Nhưng tới chừng Môtôi, vì tánh tò mò cổ hủ, để mắt xem kỹ nguyên bản Pháp-văn, thì chợt nhận thấy rằng cô Vân-Mông đã tự ý bỏ bớt một số chữ, không dịch. Trong một đoạn văn trên dưới mười lăm dòng, cô đã tự tiện cắt bỏ những chữ hay những đoạn sau đây : *presque* (en face de nous), *les champs vides*, (l') *étroit* (vallon), (Je demeurais,) *ébloui* (, sans rien dire), (je me sentais m'envelopper) *encore*, (qui) *restait* (penchée), *semblant* (indécise), và *et comme je la regardais, surpris* :...

Môtôi tự hỏi thăm trong bụng : một dịch giả thận trọng cẩn mẫn (đã từng được nhà văn Duyên-Anh của báo *Văn-học* ca tụng hết lời) có thể nào lại tùy nghi gạt qua một bên những chi tiết tuy nhỏ nhặt, nhưng không chừng lại rất ư quan trọng, nhất là trong một đoạn văn nòng cốt của một nhà văn ý thức rõ ràng việc viết văn như André Gide, như vậy không ? Môtôi không có ý đòi các dịch giả phải chú trọng từng chữ, từng câu ở bất luận bản văn nào nhưng trong đoạn văn thượng dẫn của André Gide, Môtôi nhắc lại Gide là nhà văn có ý thức minh bạch về thuật viết văn nói chung (cách vận dụng từ ngữ, hình ảnh, hành văn, bút pháp), trong trường hợp đặc biệt này, Môtôi nghĩ rằng dịch như cô Vân-Mông là thiếu thận trọng, và thiếu thận trọng như vậy, là phản tác giả cô muốn chuyển dịch.

Môtôi xin đan cử một thí dụ, hầu chứng minh lời nói của mình. Chẳng hạn, tại sao cô Vân-Mông bỏ đi không dịch câu : « *et comme je la regardais, surpris* : », vốn là câu văn hết sức quan trọng, nó là động cơ khiến cho nhân vật Alissa lên tiếng phá tan bầu khí im lặng của buổi biệt ly ? *Et comme je la regardais, surpris* :, có nghĩa : Và vì tôi nhìn nàng, lộ dáng ngạc nhiên (nên nàng mới lên tiếng) : nghĩa là vì tôi lộ dáng ngạc nhiên, nên Alissa mới lên tiếng đáp lời hỏi thăm ấy của tôi. Ý nghĩ trên đây không được cô Vân-Mông diễn đúng : câu văn dịch của cô khiến người đọc nghĩ rằng Alissa tự động lên tiếng trong lúc tác giả thì lại cố tâm biểu hiện tánh chất

đồng tình của hai nhân vật, họ đồng tình im lặng, cũng như họ đồng tình phá tan im lặng ấy. Nghệ thuật kín đáo của André Gide nằm ở chỗ đó, Cô Văn-Mông, vì thiếu thận trọng, đã phản lại nhà văn Pháp.

Cô Văn-Mông chẳng những, vì thiếu thận trọng, đã phản lại André Gide như Môtôi vừa trình bày ở đoạn trên mà thôi, mà chừng như cô cũng chẳng mấy chú trọng tới bút pháp đặt biệt của nhà văn Pháp, và chính vì cơ đó, lại phản lại André Gide một lần nữa

Nguyên tác đoạn văn trích dẫn trên gồm ba câu dài : câu đầu dành đề dàn cảnh, câu sau diễn tả tâm trạng của tôi (= Jérôme). câu chót miêu tả dáng bộ của Alissa. Rồi tiếp theo (quá dài, nên Môtôi đành chịu, không trích ; xin bạn đọc lượng thứ và tìm đọc ở nguyên tác và bản dịch) là những câu đối thoại dài, ngắn, tùy theo cử chỉ tâm trạng của hai nhân vật : đây là loại bút pháp thường được gọi là nội dung ăn khớp với hình thức.

Lối hành văn này, bút pháp hết sức đặc biệt *gidien* (đặc tính của André Gide), những người quen đọc văn Gide đều nhận thấy đặc tánh đó. Nhưng chừng như cô Văn-Mông không màng chú ý tới nó, bởi lẽ cô đã tự tiện tách câu đầu ra làm hai câu cách biệt, khiến cho cả đoạn văn mất thăng bằng, cân đối đoạn văn bị cô xóa bỏ, mặt trời bị xẻ làm đôi (câu đầu tả mặt trời chiếu, lấp ló, rồi mất dạng). Dịch như vậy, cô Văn-Mông đã phản André Gide một lần nữa. Dịch như vậy, chẳng khác nào là, nói thí dụ, cắt bỏ điệp khúc *Lá rụng !* trong cảnh biệt ly giữa Ngọc và chú tiểu Lan trong *Hồn bướm mơ tiên* của Khái-Hưng ! (6)

Môtôi vừa nhắc tới Khái-Hưng và cuốn *Hồn bướm mơ tiên*, và không phải ngẫu nhiên mà Môtôi nhắc tới nó cùng tác giả của nó.

Chẳng là đọc *Khung cửa hẹp* với hai nhân vật Jérôme và Alissa của André Gide. Mỗ tôi nghĩ tới *Hồn bướm mơ tiên* với hai nhân vật Ngọc và chú tiểu Lan của Khái-Hưng, chứ không nghĩ Nguyễn Du mà lại đầu cô Thúy-Kiều (lại Thúy-Kiều!) đem ra so sánh như cô Văn Mông. (7)

Là vì giữa cô Thúy-Kiều có số phận lao đao của nhà ta và cô Alissa tự ý dẫn vật tâm hồn vào thập niên đầu thế kỷ XX ở Pháp không có một sợi dây liên lạc nào khả dĩ cho phép chúng ta tụ họp họ lại với nhau: một đảng (Thúy-Kiều) theo tiếng gọi của bốn phận (bán mình chuộc cha, tình nghĩa cha con) mà phải xa cách người tình (nhưng bao nhiêu lần dạn, rồi cũng tái hợp với y mà!), đảng họ (Alissa) thì chẳng vì bốn phận nào hết mà lại tự ý mình đi vào khổ hạnh để rồi tất thờ ly biệt người yêu. Khía cạnh tự ý này, chúng ta có thể tìm thấy ở chú tiểu Lan, tuy Khái-Hưng không bắt chú tất nghỉ như André Gide đã bắt Alissa đi vào cõi hạnh phúc của những kẻ được cứu độ, ở cuối truyện.

Không rõ vì thâm hay vì dốt mà thư ký tòa soạn Văn lại đặt tên cho mục này là *Chuyện giải buồn*. Chẳng hiểu chữ vì độc giả có được “giải buồn” khi đọc bài của Mỗ tôi hay không, chứ riêng Mỗ tôi thì, nói có lương tâm làm chứng, Mỗ tôi càng kể càng thấy thêm buồn.

Đành ngưng lại nơi đây. Và xin hẹn toàn thể độc giả, những bạn đọc yêu mỗ hay ghét mỗ, tới một kỳ sau (nếu như không có một phiên họp thương định nào khác!).

MỖ LANG VAN

(6) Khái-Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, Đời Nay tái bản 1962, chương IX, tr. 104-113.

(7) Sách đã dẫn, trong chú thích (4), V.M.: *Lời nói đầu*.

Chẳng là đọc *Khung cửa hẹp* với hai nhân vật Jérôme và Alissa của André Gide. *Mộtôi* nghĩ tới *Hồn bướm mơ tiên* với hai nhân vật Ngọc và chú tiểu Lan của Khải-Hưng, chớ không sinh Nguyễn Du mà lôi đầu cô Thúy-Kiều (lại Thúy-Kiều!) đem ra so sánh như cô Văn Mông. (7)

Là vì giữa cô Thúy-Kiều có số phận lao đao của nhà ta và cô Alissa tự ý dẫn vật tâm hồn vào thập niên đầu thế kỷ XX ở Pháp không có một sợi dây liên lạc nào khả dĩ cho phép chúng ta tụ họp họ lại với nhau: một đảng (Thúy-Kiều) theo tiếng gọi của bốn phận (bán mình chuộc cha, tình nghĩa cha con) mà phải xa cách người tình (nhưng bao nhiêu lần dận, rồi cũng tái hợp với y mà!), đảng nọ (Alissa) thì chẳng vì bốn phận nào hết mà lại tự ý mình đi vào khổ hạnh để rồi tất thờ ly biệt người yêu. Khía cạnh tự ý này, chúng ta có thể tìm thấy ở chú tiểu Lan, tuy Khải-Hưng không bắt chú tất nghĩ như André Gide đã bắt Alissa đi vào cõi hạnh phúc của những kẻ được cứu độ, ở cuối truyện.

Không rõ vì thâm hay vì dốt mà thư ký tòa soạn Văn lại đặt tên cho mục này là *Chuyện giải buồn*. Chẳng biểu chữ vị độc giả có được "giải buồn" khi đọc bài của *Mộtôi* hay không, chứ riêng *Mộtôi* thì, nói có lương tâm làm chứng, *Mộtôi* càng kể càng thấy thêm buồn.

Đành ngừng lại nơi đây. Và xin hẹn toàn thể độc giả, những bạn đọc yêu mỗ hay ghét mỗ, tới một kỳ sau (nếu như không có một phiên họp thượng định nào khác!).

MỖ LĂNG VĂN

(6) Khải-Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, Đời Nay tái bản 1962, chương IX, tr. 101-113.

(7) Sách đã dẫn, trong chú thích (4), V.M.: Lời nói đầu.



mục-lục sách báo đã xuất-bản

Từ nay, mỗi khi cần mua sách báo cũ, mong quý bạn tìm trong bản mục lục này rồi đặt mua, tránh cho tòa báo khỏi phải trả lời riêng từng bạn, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Bạn nào muốn hỏi thêm điều chi, xin gửi kèm tem thư, để tỵ trị sự trả lời riêng...

NĂM THỨ NHỨT

1	Tuyển-tập Thơ Văn	10đ	
2	Sổ đặc-biệt về Albert Camus	10.-	
3	Giai-phẩm Xuân Giáp-Thin	25.-	hết
4	Tuyển-tập Thơ Văn : Tân-niên	15.-	
5	Những tiếng nói mới trong văn học Nga	10.-	
6	Giới-thiệu : Những cây bút trẻ	10.-	
7	Độc Văn Stefan Zweig	10.-	hết
8	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	
9	Độc văn Alberto Moravia	10.-	hết
10	Văn-hóa Phật-giáo	10.-	hết
11	Những cây bút trẻ đang lên	10.-	
12	Độc văn Guy de Maupassant	10.-	
13	Thơ Văn Nữ-lưu	10.-	hết
14	Tưởng-niệm Nhất-Linh	10.-	
15	Độc văn Rabindranath Tagore	10.-	
16	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	hết
17	Đặc-biệt về Jean-Paul-Sartre	10.-	
18	Thơ văn Có Lửa	10.-	
19	André Maurois tự thuật	10.-	
20	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	
21	Độc văn André Malraux	10.-	hết
22	Tưởng-niệm Khải-Hưng	10.-	
23	Độc thơ Jacques Prévert	10.-	
24	Độc văn Marie Noel	10.-	

ĐỒNG THÀNH TẬP :

Từ tập I, đến tập III, đều đã

Tập IV, từ số 19 đến số 24, giá 60 đồng một tập.

hết.

NĂM THỨ HAI

Số 25	Tưởng-niệm Albert Camus	20\$	
26-27	Giai-phẩm Xuân Ất-Tỵ	20.-	hết
28	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	hết
29	Tưởng-niệm Lê-văn Trương	10.-	hết
30	Đọc văn John Steinbeck	10.-	
31	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	
32	E. Caldwell : Kinh-nghiệm đời văn	20.-	
33	Đọc văn Lâm Ngữ Đường	10.-	
34	Truy-niệm Triều-Sơn	10.-	
35	Tưởng-niệm Tản-Dà	10.-	
36	Tưởng-niệm Thạch-Lam	10.-	
37	Tưởng-niệm William Faulkner & Thương nhớ Nhất-Linh	15.-	
38	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	
39	Tìm hiểu Franz Kafka	10.-	
40	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	
41	Đọc văn Ernest Hemingway	10.-	
42	Hà-nội, quê hương trong trí nhớ	10.-	
43	200 năm Nguyễn Du	15.-	
44	200 năm Nguyễn Du	10.-	
45	Giới-thiệu Françoise Sagan	10.-	
46	Tuyển-tập Thơ Văn	10.-	
47	Đọc văn Mikhail Chokolov	10.-	
48	Đọc văn Saint-Exupéry	20.-	

ĐỒNG THÀNH TẬP :

Tập V, từ số 25 đến 30, giá 70 đồng một tập.

Tập VI, từ số 31 đến số 36, giá 70 đồng một tập.

Tập VII, từ số 37 đến 42, giá 65 đồng một tập.

Tập VIII, từ số 43 đến 48, giá 80 đồng một tập.

NĂM THỨ BA

49-50	Giai-phẩm Xuân Bình-Ngo	25\$
51	Đọc văn Somerset Maugham	15.-

52	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
53	Độc văn Anton Chekhov	15.-
54	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
55	Độc văn Luigi Pirandello	15.-
56	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
57	Độc văn Shintaro Ishihara	15.-
58	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
59	Độc văn Graham Greene	15.-
60	Tân-Đà. Thạch-Lam. Nguyễn-Bính	15.-
61	Độc văn Richard Wright	15.-
62	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
63	Tuyển-truyện Đại-hàn	15.-
64	Tưởng-niệm Bích-Khê	15.-
65	Độc truyện John Updike	15.-
66	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
67	Tưởng-niệm Vũ-Trọng-Phụng	20.-
68	Độc văn Quỳnh-Dao	15.-
69	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
70	Độc văn Hermann Hesse	15.-
71	Tuyển-tập Thơ Văn	15.-
72	Mùa giải thưởng văn chương	20.-

ĐÓNG THÀNH TẬP :

Tập IX, từ số 49 đến 54, giá 90 đồng một tập.

Tập X, từ số 54 đến 60, giá 90 đồng một tập.

Tập XI, từ số 61 đến 66, giá 100 đồng một tập. (đang đóng)

Tập XII, từ số 67 đến 72, giá 110 đồng một tập. —

SÁCH PHỔ - THÔNG

1-66	—	TUỔI NƯỚC ĐỎC, truyện Dương Nghiễm Mậu	hết
2-66	—	BAY ĐÊM, truyện Saint-Exupéry	hết
3-66	—	CON YÊU CON GHÉT, truyện Nguyễn Mạnh-Côn	hết

4-66	—	THÂN PHẬN CON NGƯỜI, <i>truyện</i> R. Akutagawa	20\$
5-66	—	VIÊN ĐẠN ĐỒNG CHỮ NỒI, <i>truyện</i> Mai-Thảo	20.-
6-66	—	CHÂN DUNG NHẬP-LINH, <i>hồi ký</i> Bảy tác giả	20 -
7-66	—	CHÂN DUNG NÀNG THƠ, <i>truyện</i> R. Nathan	20 -
8-66	—	PHẤN ĐẤU, <i>truyện</i> Dương Nghiễm Mậu	25.-
9-66	—	MẶT TRỜI MÙ, <i>truyện</i> Curzio Malaparte	25.-
10-66	—	THỊ TRẤN MIỀN ĐÔNG, <i>truyện</i> Viên-Linh	25.-
11-66	—	HỒI KÝ VIẾT DƯỚI HẦM, <i>truyện</i> F. Dostoyevsky	30 -
12-66	—	NGÔI TRƯỜNG ĐI XUỐNG, <i>truyện</i> Vũ Hạnh	25.-
13-67	—	CHUYẾN THÙ MIỀN NAM, <i>truyện</i> Saint-Exupéry	30.-
14-67	—	CHỊ EM HẢI, <i>truyện</i> Nguyễn Đình Toàn	30.-
15-67	—	BÓNG TỐI THỜI CON GÁI, <i>truyện</i> Nhã Ca	hết.
16-67	—	CỬA CHUỘT VÀ NGƯỜI, <i>truyện</i> John Steinbeck	30.-
17-67	—	MỘT CÁI CHẾT RẤT DỊU DANG, <i>truyện</i> Simone de Beauvoir	30.-

THẺ THỨC MUA BÁO

Bạn đọc cần mua nhưng số báo cũ nên nhớ :

- 1) Xin Miễn hỏi mua các số báo hoặc sách cũ đã hết.
- 2) Nếu mua ít (vài ba chục đồng) bạn có thể trả bằng tem thư, đựng trong bao thư gửi bảo đảm để tránh thất lạc. Mỗi số báo, bạn nhớ trả thêm 2-đồng cước phí, nếu bạn ở Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần ; hoặc 5-đồng cước phí, nếu bạn ở Trung-phần và Cao-nguyên.
- 3) Nếu mua nhiều, xin trả tiền bằng bưu phiếu, để tên ông Nguyễn-đình Vượng. Mua trên 3 số, nên liên lạc với ty trị sự để biết rõ số cước phí gửi theo lời bảo đảm là bao nhiêu, rồi hãy gửi tiền đặt mua sau. Mỗi gói tối đa gửi máy bay (ra Trung-phần và Cao-nguyên) được 5 cuốn hết 20 đồng cước phí.
- 4) Mua báo nhớ cho biết tên họ thật để dễ nhận báo. Đừng dùng biệt hiệu. Nếu còn đi học, chưa có thể căn cước xin ghi rõ là học sinh, để tránh phiền phức với nhà bưu điện, khi nhận lãnh báo. Ở quân ngũ, xin ghi rõ cấp bậc, đơn vị, và KBC.
- 5) Mua loại sách phổ-thông do VĂN xuất bản, thẻ thức cũng tương tự như trên.

Giới thiệu Sách mới



Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc:

★ **VẤN ĐỀ**, nguyệt san chánh trị kinh tế xã hội văn học nghệ thuật. Chủ-biên Vũ Khắc Khoan. Thư ký tòa soạn Thanh Tâm Tuyền. Số 1 tháng 4 năm 1967. Dầy 112 trang, giá 40 đồng.

Số ra mắt của nguyệt san Vấn đề gồm nhiều bài vở của nhiều cây bút có giá trị.

● **TIN VĂN**, tuần báo nghiên cứu sáng tác phê bình. Chủ nhiệm kiêm chủ bút Nguyễn Ngọc Lương. Dầy 16 trang khổ lớn, giá 10 đồng.

Bản nguyệt san Tin Văn nay đổi thành tuần báo, bộ biên tập gồm nhiều nhà văn nhà báo nổi tiếng.

★ **NATASHA, CÂU CHUYỆN MÙA ĐÔNG**, truyện Abram Tertz, bản dịch Diễm Châu, do Trình Bày xuất bản. Sách dầy 160 trang, giá 70 đồng.

Về tác giả, xin xem vụ án văn học Nga-sô, đăng Văn số 54. Natasha là một truyện rút trong bộ

Truyện dị kỳ của Abram Tertz. Dịch giả Diễm Châu là cây bút dịch quen thuộc với độc giả Văn, qua bản dịch Thân phận con người, dịch Kappa của Ryunosuke Akutagawa. Thiết tưởng tên tác giả và dịch giả đủ đảm bảo cho giá trị của Natasha.

● **QUÁN TAI HEO**, truyện dài Bình-Nguyên-Lộc, do Văn Xương xuất bản. Sách dầy 160 trang, giá 68 đồng.

Tác phẩm thứ mười chín của Bình-Nguyên Lộc là một truyện dài. Phụ bản Khoai ngọt bánh đắng, nhạc Phạm Duy phổ thơ Minh-Phẩm.

★ **QUÈ HƯƠNG KHÔNG QUÈ HƯƠNG**, thơ Nguyễn Lệ Tuấn, Vùng Lớn xuất bản. Sách dầy 32 trang, giá 28 đồng.

Thi phẩm thứ hai của nhà thơ trẻ Nguyễn Lệ Tuấn, gồm mười hai bài thơ. Bìa và phụ bản của Phan Ngọc Diên và Động Đình Hồ. Sách trình bày trang nhã.

★ **CHẾT NON**, tập truyện Trần Văn Minh, do Bùi Hoàng Khải xuất bản. Sách dầy 180 trang, giá 100 đồng.

Tác phẩm đầu tay của Trần Văn Minh gồm bảy truyện ngắn. Sách trình bày trang nhã, nhiều phụ bản do Sùng-Mỹ Nguyễn Nhật Tân minh họa.

★ **LUYỆN DỊCH CẤP TỐC BẢO CHÍ ANH MỸ**, do Võ Công Tài soạn, Nam Sơn xuất bản. Sách dầy 304 trang, giá 140 đồng.

Sách gồm hơn hai trăm bài báo chọn lọc, được phân loại, chú giải rõ ràng và phiên dịch sát nghĩa ra tiếng Việt, dễ học và dễ hiểu.

THƯ ĐI *Đim lại*

• Ô. Hứa Đình Anh, Đà-nẵng.

Xin xem câu trả lời bà Nguyễn-Khánh Thu-Yên, đăng trong Hộp Thư số 79.

* Ô. Phan Đình Tấn, Nha-trang.

Thư gửi ông bị phát hoàn vì « không có tên ».

• Ô. Cao Quảng Văn, Sài-gòn.

Xin trân trọng giới thiệu với ông những tập san bạn : Thái-độ, do nhà văn Thế Uyên chủ trương văn nghệ dân thân ; Tin Văn, do nhà văn Nguyễn Ngọc Lương chủ trương bảo vệ văn hóa dân tộc. Vì những lý do hoàn toàn ngoài ý muốn chúng tôi không thể lên tiếng về vụ văn học nọ, cũng như chúng tôi không thể làm những điều mà ông chờ đợi. Dù sao, cũng xin cảm ơn lá thư dài và nhiều thiện chí xây dựng của ông.

* Ô. Võ Phúc Ngộ, Sài-gòn.

Muốn mua báo cũ, xin xem mục lục, ở Sài-gòn, xin mời tới quán báo hỏi mua là tiện hơn cả.

• bạn Nguyễn Triệu Cung, Thủ-đức.

Văn dũ và đang làm việc bạn đề nghị. Cừ im lặng làm việc là đủ, cần gì phải « phổ biến sáu rộng » mà chỉ ? Bạn đồng ý thế chứ ?

• bạn Tuấn Nguyễn, Paris.

BTĐTP đã rất tiếc khi phát loại bỏ bài của bạn, sau nhiều lần đọc đi đọc lại. Mong bạn sốt sắng gửi cho VĂN những sáng tác mới khác. Mong bạn vui nhận nơi đây những cảm tình đặc biệt của BTĐTP.

• bạn Cảnh Cửu, Sài-gòn.

Lại đợi mời mời ghé tòa soạn hay sao ?

NHẮN TIN CHUNG :

Mấy tuần qua tôi có nhận được nhiều thư thăm hỏi của số đông bạn đọc và thân hữu. Chưa hình phục hẳn mà vẫn phải gượng làm việc, tôi xin nhờ mặt báo này gửi tới quý bạn một lời cảm ơn chung, chân thành và nồng hậu. (T.P.G.)

• THƠ VĂN ĐÃ CHỌN :

Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm VĂN đã chọn những tác phẩm sau đây và giao cho tòa soạn lựa đăng dần :

Cao Thoại Châu : Thư cho Na viết từ kbc 4100. Mường Mán . Tình khúc vụn — Dấu chim cát lấp.

Trong khi chờ đợi VĂN đăng tải, yêu cầu quý bạn đừng gửi những tác phẩm kể trên cho các báo khác. Trân trọng cảm ơn.



* BÀI ĐÀ NHẬN ĐƯỢC

Văn :

Quý bạn : Trần Thiện Hưng. Đông-Di Đông-Phương. Kym Nghiêm. Nguyễn Linh. Trần Thúc (2). B.T. Nguyễn Mỗ. Uyên Vu. Huỳnh Trúc. Sa Lê Uyên. Diệp Hà. Trần Đình Thái. Tịch Dung. Hoàng Duy Minh. Trần Côi. Hy An (fb). Trần Phụng Hoàng (fb). Lộc-lan Thu-Sơn-trung (fb). Hận Cường Chính (fb). Anh Linh (gl). NV Hà Thị Châu. Nghiêm Dũng. H-S-M. Nguyễn Bích Du.

Thơ :

Quý bạn : Phan Thư Sinh. Cao Trường Huy. Dynh Hanh. Nguyễn Viết Hoang Chung. Lê Thao Quang Tấn. Hoàng Tuấn Phương. Phương Hồng Phúc. Hoàng Ly Phương. Nguyễn Thy Hoài Việt. Trần Chí Minh Yên. Thy Lê Thâm Cung. Phạm Mỹ Khánh. Đàm Sinh. Sa Lê Uyên. Thương Dzuy. Vũ Chính. Trà Mi. Linh Lan. Hận Nùng Linh. Hân Dương. Anh Linh. Thủy Triều. Lê Thanh Liêm. Trịnh Xuân Nhấn. N.T.L. Tri Nhân. Ngô Hữu Tin. Đặng Văn Sinh. Minh Thanh Long. Nhóm Hương-Ngân. Nhược Thủy. Lê-Văn Tinh - Huyền. Đông - Di Đông-Phương. Nguyễn Thị Tài. Khắc Tường. Trúc Phong. Nguyễn Linh. Trần Quang Châu. Lê Văn Phi. Huyền Linh Trang. Cam Thảo. Linh-lan Tiêu-trung-nghĩa. Sóng Nước (4). Thương Thương (2).

Lãng Ngư. Nguyễn Phan Duy. Thái Cung Chính (2). Sơ Anh. Thương Tử Tâm. Vũ Ngọc Đức. Nguyễn Xuân Vũ. Trương Văn Thanh. Trạch San. Phan-Nguyễn Song-Linh. Du Nhân. Nguyễn Bướn. Thi Nhất Trang. An-Khanh Lê-Thương. Nguyễn Hải-Chi. Khánh Tâm. Chu Thụy Vũ. Viêm Tịnh. Đ-S. Hà My. Hàn Quý Nhân. Vân Xuyên. Vũ Đình (2). Lãng Diện. Phạm Doãn Diệp. Nguyễn Bá Thuận. Hàn Dương-Tịch Dung. Tô An. Hoài Tường Phong. Việt An. Phạm Ký. Vy Lê. Trần Phụng Hoàng (fb). Tích Đức (fb). Thi-vũ Hà-như (fb). Nhóm Đất Hàn (2-fb). Lê Tuấn (fb). Cung Thoa (fb). Nguyễn Trung Hải (fb). Phạm Doãn Diệp (fb). Hận Cường Chính (fb). Huy Anh (fb). Châu Hoa Vân. Tân Vy. Nghiêm Dũng. Cam Thảo. Nh-b-Khuê. Trịnh-Nh. Tôn Sơn Ca. Diêu Thiên Thảo. Hoàng Dzuy Minh. Từ Nghiêm Nguyễn. Trần Dza Lữ (2-fb). Mỹ Khách. Vũ Hồ Hạ Sách. Châu Văn Minh. Trương Linh. Trần Trạch Tráng. Tuấn Nguyễn. Mù Sa. Dương Văn Nghĩa. Nguyễn Triệu Cung. Hạnh Thi. Đỗ Thị Hoàng. Giang Nghiêm Nhiên. Phạm Huy Minh. Nguyễn Tịnh Hồng. Nguyễn Lê Tuấn. Dương Ngọc. Nguyễn Nhưong Nghiêm. Trần Mỹ Huyền. Hoài Tuyết Trang. Trương Văn Ngọc. Nguyễn Bạch Dương. Mùng Mán (lần 2) Từ Hoài Tấn (2).

— Ban tuyên đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

SÁCH MỚI

TIỂU PHI LẠC NÀO SÀI-GÒN

(trọn bộ 2 cuốn).

DIỄM HỒNG XUẤT GIÁ

của HỒ-HỮU-TƯỜNG

Lòng trong cuộc chiến tranh hiện tại, cuộc đấu trí của các chánh khách Mỹ - Việt. Đó là những quyển sách làm thích thú và ngạc nhiên người đọc không ít.

SÁCH MỚI TRONG TUẦN

KARL JASPERS

TRIẾT HỌC NHẬP MÔN

Bản dịch của Tế Xuyên

80đ.

THIÊN GIANG

GIA ĐÌNH GIÁO DỤC

Cách dạy trẻ em khó dạy

Những chỉ dẫn hợp lý nhất của khoa giáo dục hiện đại

100đ.

BÙI ĐỨC TỊNH

VĂN PHẠM VIỆT NAM

Quyển văn phạm mới nhất có phần Ngôn-ngữ-học

200đ.

Cô THÙY DƯƠNG

HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

tức là quyền

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG GIA ĐÌNH

100đ.

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

TINH THẦN KHOA HỌC ĐẠO HỌC

120đ.

NGUYỄN PHÚT TẤN

TƯ TƯỞNG CHÁNH TRỊ ĐÔNG TÂY KHÁI LUẬN

120đ.

LÊ LINH

KINH TẾ VIỆT NAM

200đ.

PHAN HỒNG TRUNG

KIM CỔ KỲ QUAN

120đ.

VŨ VĂN LÊ

DANH TỪ QUÂN SỰ ANH VIỆT

120đ.

Những sách trên đều có bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Đại-lộ Lê-Lợi, Sài-gòn

sách giao-diêm :

SỰ ĐÃ RỒI

truyện JEAN-PAUL SARTRE

TRẦN PHONG-GIAO & NGUYỄN XUÂN-HOÀNG dịch

BƯỞM LẠ

tập truyện TƯỜNG-HÙNG

BÃO KHÔ

tập truyện Y-UYÊN

7 NHÀ VĂN 7 TRUYỆN THỜI CHIẾN

tập truyện MẶC ĐỖ . NGUYỄN THUY LONG . PHAN DU . TẠ TỴ . TÔ THÙY YÊN . TRẦN PHONG-GIAO VÕ HỒNG

TUYỂN TẬP TRUYỆN TÌNH

tập truyện DUY-LAM . DƯƠNG NGHIÊM MẠU . MAI THẢO . NGUYỄN ĐÌNH TOÀN . NGUYỄN MANH-CÔNG TƯỜNG-HÙNG . THANH-TÂM TUYỀN . VIÊN-LINH

BỀ TRÁI VÀ BỀ MẶT

tiểu luận ALBERT CAMUS

TRẦN THIÊN-ĐẠO phiên dịch và chú giải

TẬP-SAN XUẤT-BẢN

THÁNG GIÊNG 1967

CHUYẾN THƯ MIỀN NAM

truyện SAINT-EXUPÉRY
bản dịch NHÀ ĐIỀN

CHỊ EM HẢI

truyện NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

THÁNG HAI 1967

BÔNG TỐI THỜI CON GÁI

truyện NHÀ CÀ

CỬA CHUỘT VÀ NGƯỜI

truyện JOHN STEINBECK
bản dịch H.N. KHÔI và N.P. BỬU-TẬP

THÁNG BA 1967

MỘT CÁI CHẾT RẤT DỊU DANG

truyện SIMONE DE BEAUVOIR
bản dịch VŨ BÌNH LƯU

KHUÔN MẶT

tập truyện THANH TÂM TUYỀN

KD số 654 BTCH ngày 13-4-1967

giá 20 đồng

